

TNG KHÁCH HÀNG
LÀ NGƯỜI TRẢ LƯƠNG CHO CHÚNG TA

35
NHĂN



TỔNG QUAN

35





Kính thưa quý vị,

Khởi nghiệp từ một nền móng sơ khai với số vốn ban đầu là 659,4 nghìn đồng, 02 nhà xưởng xây cấp 4, 100 chiếc may khâu nhãn hiệu Textima, 55 cán bộ công nhân viên; các thể hệ cán bộ lãnh đạo và công nhân viên Xí nghiệp may có quy mô nhỏ, lực lượng lao động ít, cơ sở vật chất nghèo nàn đã cùng nhau trải qua biết bao thăng trầm, sóng gió.

Năm 2007 đánh dấu nhiều mốc sự kiện quan trọng. Công ty đổi tên thành Công ty cổ phần đầu tư và thương mại TNG (viết tắt là TNG). Ngày 14/11/2007, cổ phiếu của Công ty (Mã chứng khoán: TNG) được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX), việc huy động vốn trên sàn chứng khoán trở nên thuận lợi hơn.

Nhìn lại chặng đường 35 năm xây dựng, phát triển và trưởng thành, đến nay TNG đã sở hữu khối tài sản khổng lồ lên đến trên 1.100 tỉ đồng, số lao động hiện khoảng 1 vạn người; được xếp hạng trong “TOP 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam” và thuộc “TOP 10 doanh nghiệp dệt may lớn nhất cả nước”.

TNG tự hào là doanh nghiệp dẫn đầu trong tỉnh về kim ngạch xuất khẩu với khoảng 80 triệu đô la Mỹ mỗi năm. Sản phẩm của Công ty đã có mặt ở hầu hết trên các thị trường lớn của thế giới như Mỹ, Canada, EU. Góp phần thực hiện chuyển đổi cơ cấu kinh tế, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế cho địa phương, cho đất nước và giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo cho hàng ngàn gia đình.

Ghi nhận những đóng góp của Công ty qua các thời kỳ, đặc biệt trong việc thu hút và giải quyết việc làm cho nhiều lao động tại địa phương, Công ty đã được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương Lao động hạng nhì, được Thủ tướng Chính phủ cùng các Bộ, ngành Trung ương, UBND tỉnh Thái Nguyên tặng nhiều Bằng khen, Cờ thi đua các loại. Đặc biệt, nhân kỷ niệm 35 năm Ngày thành lập, Công ty vinh dự được Chính phủ tặng thưởng Cờ danh hiệu Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua năm 2013. Sự ghi nhận và động viên kịp thời đó là nguồn cổ vũ, động viên để tập thể cán bộ, công nhân viên, người lao động Công ty tích cực lao động sáng tạo, tiếp tục đóng góp nhiều hơn nữa cho xã hội trong điều kiện mới.



Chúng tôi nhận thức sâu sắc rằng, để đạt được những thành tích như trên là nhờ sự giúp đỡ của các cấp ủy Đảng, chính quyền và nhân dân các dân tộc trong tỉnh Thái Nguyên. Bên cạnh đó, thành công ngày hôm nay còn phải kể đến sự đóng góp của các đồng chí nguyên là lãnh đạo Công ty, toàn thể CBCNV và người lao động của Công ty qua các thời kỳ đã nỗ lực vượt khó vươn lên hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kế hoạch của Đảng và Nhà nước giao.

Trong 10 năm tới, Công ty xây dựng và phấn đấu hoàn thành các mục tiêu:

- Duy trì tốc độ tăng trưởng giá trị kim ngạch xuất khẩu và doanh thu tiêu thụ ít nhất là 30%/năm.
- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu đạt từ 20%/năm trở lên
- Trả cổ tức cho các cổ đông từ 16%/năm trở lên.
- Thu nhập của người lao động hàng năm tăng từ 20% trở lên.



Xây dựng được khu chung cư cao cấp của TNG để đảm bảo cho 100% CBCNV làm việc ở TNG có nhà ở tập thể và mua được nhà ở riêng theo nhu cầu.

Để thực hiện hoá các mục tiêu trên, TNG cũng đã “lên dây cót” cho một khoảng thời gian khá dài hơi, gồm kế hoạch đầu tư và kế hoạch kinh doanh. Dự kiến nhu cầu vốn đầu tư từ quý IV/2014 đến hết năm 2020 sẽ lên tới hơn 2.278 tỷ đồng. Các giải pháp đưa ra gồm:

- *Thứ nhất*, đáp ứng đúng và tốt nhất tiêu chuẩn đánh giá của các khách hàng.
- *Thứ hai*, tiếp tục đầu tư mở rộng các nhà máy sản xuất hàng may mặc xuất khẩu trên địa bàn tỉnh; đầu tư thêm ngành nghề mới, sản phẩm mới, đưa số lao động làm việc lên hơn một vạn người. Đầu tư thêm nhà máy may TNG Đại từ với quy mô sử dụng đất là 5,8ha, vốn đầu tư là trên 175 tỷ đồng, đáp ứng nhu cầu công việc cho trên 2.000 người, đi vào hoạt động Quý 1/2015.

Năm 2015 - 2020 sẽ là năm TNG căng sức đầu tư với tổng vốn lên tới gần 1.460 tỷ gồm đầu tư: TNG Đại Từ, TNG Phú Lương, TNG Định Hóa, TNG Võ Nhai...

Kế hoạch đầu tư của TNG thời gian tới nằm trong chiến lược đón đầu cơ hội khi Việt Nam ký kết Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP). Theo đó, TNG sẽ đầu tư tăng tỷ lệ nội địa hoá, trước mắt, đầu tư thêm một dây chuyền sản xuất bông, thay vì chỉ có một dây chuyền như hiện nay.

- *Thứ ba*, phát hành cổ phiếu nâng vốn điều lệ lên 1000 tỷ đồng để đầu tư phát triển sản phẩm mới. Đạt TOP 30 Công ty minh bạch nhất trên thị trường chứng khoán.
- *Thứ tư*, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực bằng việc xây dựng tiêu chuẩn chức danh công việc, tiếp tục cho CBCNV và người lao động đi đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.
- *Thứ năm*, xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh và các tổ chức đoàn thể vững mạnh hoạt động có hiệu quả.
- *Thứ sáu*, đầu tư để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, đảm bảo 100% người lao động có nhà ở và được ở tập thể của công ty.



Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin gửi lời cảm ơn trân trọng tới Quý cổ đông và nhà đầu tư, Quý khách hàng, các nhà cung cấp đã luôn đồng hành cùng TNG. Cảm ơn toàn thể CBCNV Công ty đã luôn đóng góp công sức và nỗ lực để đưa TNG vượt qua các khó khăn, thách thức, từng bước phát triển và lớn mạnh.

Xin trân trọng cảm ơn!

Thái Nguyên, ngày 01/01/2015

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nguyễn Văn Thời

TÂM NHÌN



TNG phấn đấu trở thành doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực dệt may – da giày bằng khát vọng, sức mạnh, nỗ lực lao động, cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất và chuyên nghiệp trong quản trị của mình nhằm:

* Thị trường xuất khẩu

- Từ bán FOB trực tiếp tiến tới bán ODM
- Doanh thu xuất khẩu tăng trưởng bình quân 125%/năm

* Thị trường nội địa

- Thương hiệu TNG vào **TOP 10** thương hiệu Việt
 - Hệ thống bán lẻ có mặt tại 64 tỉnh thành trong cả nước
 - Doanh thu bán lẻ tăng trưởng bình quân 150% / năm
- TNG mong muốn tạo nên một thương hiệu Việt, thể hiện tầm vóc trí tuệ và niềm tự hào Việt Nam trên trường quốc tế.

SỨ MỆNH



Là doanh nghiệp dệt may hàng đầu trong hệ thống ngành Dệt may – da giày Việt Nam, cung cấp sản phẩm may mặc khắp cả nước theo tiêu chuẩn chất lượng quốc tế.

Chúng tôi hiểu rằng tên gọi TNG như một sứ mệnh lớn của Công ty, để mang đến thành công cho mọi người, bao gồm khách hàng, cổ đông, đối tác, cán bộ công nhân viên và cộng đồng. Chúng tôi chỉ thực sự **THÀNH CÔNG** khi bạn hài lòng với sản phẩm dịch vụ cũng như hoạt động minh bạch của Công ty. Sứ mệnh này được xác định và được thấu hiểu trong tập thể.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI



*** Hướng đến khách hàng**

Khách hàng cùng TNG phát triển, với thông điệp “Khách hàng là người trả lương cho chúng tôi” thể hiện khách hàng vừa là đối tác, là những người bạn được tôn trọng, cùng hợp tác, duy trì và phát triển.

*** Công bố thông tin minh bạch**

Năm 2014 ghi dấu ấn quan trọng trong hoạt động Quan hệ cổ đông tại TNG. Công tác quan hệ cổ đông và nhà đầu tư không ngừng được chuyên nghiệp, đa dạng hoá để góp phần vào sự phát triển bền vững của Công ty.

Ý thức được trách nhiệm tối đa hoá lợi ích của cổ đông và phấn đấu lọt TOP đầu doanh nghiệp công bố thông tin minh bạch nhất sàn chứng khoán HNX, TNG luôn đảm bảo công bố thông tin kịp thời và minh bạch.

Liên tục hoàn thiện và phát triển website <http://tng.vn>, cập nhật đầy đủ thông tin cơ bản và quan trọng cho cổ đông, nhà đầu tư cũng như tin tức hoạt động và thông cáo báo chí.

Địa chỉ email ducnguyen@tng.vn liên tục nhận và phản hồi thắc mắc, chuyển tải thông tin, tài liệu tới cổ đông và nhà đầu tư.

*** Phát triển thương hiệu nội địa**

Phấn đấu xây dựng và phát triển thương hiệu TNG lọt vào TOP 10 thương hiệu Việt. Tạo thêm sự lựa chọn đa dạng mới mức giá, mẫu mã phù hợp với người tiêu dùng Việt Nam.

*** Trách nhiệm với cộng đồng và xã hội**

“Người lao động làm việc tại TNG không bị vi phạm về quyền lợi”, cam kết này được Chủ tịch HĐQT TNG đảm bảo và duy trì trong suốt các năm qua. Gần 10,000 người lao động của Công ty không những được đảm bảo các quyền lợi cơ bản, mà còn không ngừng được bổ sung thêm các chế độ đãi ngộ khác.





GIỚI THIỆU CÔNG TY

Tên giao dịch:
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG

Tên giao dịch quốc tế:
TNG INVESTMENT AND TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt:
TNG

Vốn điều lệ:
219.425.690.000 VNĐ

Giấy chứng nhận ĐKDN:
Số 4600305723 do Sở KH & ĐT tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 02/01/2003, sửa đổi lần 21 ngày 06/3/2015

MST:
4600305723

Mã CK:
TNG



Giá trị vốn hóa:
566.118.280.200 VNĐ (tại ngày 06/3/2015)

Giá giao dịch trên TTCK:
25.800 VNĐ (tại ngày 06/3/2015)

Tổng lao động năm 2014:
8.963 người.

Địa chỉ trụ sở chính:
Số 160, đường Minh Cầu, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại - Fax:
02803.856.508 - 02803.856.408

Email - Website:
info@tng.vn - http://tng.vn



Ban quan hệ cổ đông

Ông: Nguyễn Văn Đức - Trưởng BKS
SĐT: 091 446 2992
Email: ducnguyen@tng.vn

Bà: Lê Quỳnh Anh - Thư ký HĐQT
SĐT: 098 892 0136
Email: quynhanh@tng.vn

CONTACT US!





TRUNG QUỐC



Cách thành phố Hà Nội 80 km về phía Bắc, cách sân bay quốc tế Nội Bài 50 Km. Thời gian di chuyển từ trung tâm thành phố Hà Nội tới Thái Nguyên mất 01 giờ đi xe ô tô, thời gian từ sân bay Quốc tế Nội Bài tới TNG mất 40 phút.



Cách thành phố Hải Phòng 180 km. Thời gian di chuyển từ trung tâm thành phố Hải Phòng tới Thái Nguyên mất 2,5 giờ đi xe ô tô.

TNG[★]



Công ty cổ phần xây lắp điện Bắc Thái

- Tỷ lệ sở hữu: TNG góp 49% vốn điều lệ.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Xây lắp các công trình về lưới điện
- TNG hiện đang tham gia vào quá trình tái cơ cấu, hoàn thiện bộ máy và chiến lược kinh doanh.



Công ty cổ phần thời trang TNG

- Vốn điều lệ: 10,000,000,000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu: TNG góp 3,500,000,000 đồng, chiếm 35% vốn điều lệ.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh các sản phẩm hàng may mặc.
- Doanh Thu năm 2014 đạt khoảng 70 tỷ và đang phấn đấu đến năm 2015 đạt 130-150 tỷ.

Ngày thành lập

Công ty CP đầu tư và thương mại TNG, tiền thân là Xí nghiệp may Bắc Thái, được thành lập ngày 22/11/1979 theo Quyết định số 488/QĐ-UB của UBND tỉnh Bắc Thái (nay là tỉnh Thái Nguyên), với số vốn ban đầu là 659,4 nghìn đồng. Xí nghiệp đi vào hoạt động ngày 02/1/1980 với 02 chuyên sản xuất. Sản phẩm chính của xí nghiệp là quần áo trẻ em, bảo hộ lao động theo chỉ tiêu kế hoạch của UBND tỉnh.

Niên yết

Công ty CP đầu tư và thương mại TNG được Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận niêm yết từ ngày 14 tháng 11 năm 2007.

Phát triển

Trong những năm vừa qua, TNG không ngừng đầu tư mở rộng nhà máy may để cải thiện năng lực sản xuất. Tính đến cuối năm 2014, công ty đang sở hữu 10 chi nhánh may với 178 chuyên và 4 chi nhánh sản xuất hàng phụ trợ may mặc. Tháng 2/2015, TNG đã chính thức đưa vào hoạt động giai đoạn 1 nhà máy Đại Từ với 10 chuyên may và sẽ nâng lên 16 chuyên may trong năm 2015. Giai đoạn 2, TNG dự kiến tăng gấp đôi số chuyên may lên thành 32 chuyên. Đây được xem là nhân tố giúp TNG tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận trong tương lai.



35 NĂM

XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

1979

Thành lập xí nghiệp may Bắc Thái – tiền thân của Công ty CP đầu tư và thương mại TNG - ngày 22/11/1979 theo Quyết định số 488/QĐ-UB của UBND tỉnh Bắc Thái (nay là tỉnh Thái Nguyên) với số vốn ban đầu là 659,4 nghìn đồng.

1980

Xí nghiệp may Bắc Thái đi vào hoạt động ngày 02/01/1980 với 02 chuyên sản xuất. Sản phẩm chủ yếu là quần áo trẻ em, bảo hộ lao động theo chỉ tiêu kế hoạch của UBND tỉnh.

1981

Sáp nhập Trạm may mặc gia công thuộc Ty thương nghiệp vào Xí nghiệp may Bắc Thái theo Quyết định số 124/QĐ-UB ngày 07/5/1981 của UBND tỉnh Bắc Thái, nâng số vốn của Xí nghiệp lên 843,7 nghìn đồng. Năng lực sản xuất của xí nghiệp tăng lên 08 chuyên. Doanh thu năm 1981 tăng gấp đôi năm 1980.

1991 - 1992

Thực hiện Nghị định số 388/HĐBT ngày 20/11/1991 của Hội đồng Bộ trưởng về thành lập lại doanh nghiệp nhà nước. Xí nghiệp được thành lập lại theo Quyết định số 708/QĐ-UB ngày 22/12/1992 của UBND tỉnh Bắc Thái. Theo đó, số vốn hoạt động của Công ty được nâng lên 577,2 triệu đồng.

Xí nghiệp đầu tư 2.733 triệu đồng để đổi mới máy móc thiết bị, mở rộng thị trường tiêu thụ ra các nước EU và Đông Âu, đưa doanh thu tiêu thụ đạt 336 triệu đồng, giải quyết việc làm ổn định, tăng thu nhập cho người lao động.

1997

Đổi tên Xí nghiệp thành Công ty may Thái Nguyên theo Quyết định số 676/QĐ-UB ngày 04/11/1997 của UBND tỉnh Thái Nguyên, tổng số vốn kinh doanh là 1.735,1 triệu đồng. Liên doanh với Công ty may Đức Giang trực thuộc Tổng công ty Dệt may Việt Nam thành lập Công ty may liên doanh Việt Thái, vốn điều lệ là 300 triệu đồng, năng lực sản xuất là 08 chuyên may.

2000

Chính thức trở thành thành viên của Hiệp hội Dệt may Việt Nam (Vitas).

2003

Đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần may xuất khẩu Thái Nguyên theo Quyết định số 3744/QĐ-UB ngày 16/12/2002, vốn điều lệ 10 tỷ đồng.

2006

Nâng vốn điều lệ Công ty lên trên 18 tỷ đồng và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng nhà máy TNG Sông Công với tổng vốn đầu tư là 200 tỷ đồng.

2007

Nâng vốn điều lệ Công ty lên trên 54,3 tỷ đồng. Phê duyệt chiến lược phát triển Công ty đến năm 2011 và định hướng chiến lược cho các năm tiếp theo.

Đổi tên Công ty thành Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Thái Nguyên.

Đăng ký niêm yết cổ phiếu tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội.

2008

Đón nhận cờ thi đua của Tập đoàn dệt may Việt Nam.

2009

Vinh dự đón nhận Huân chương lao động hạng II của

2010 - 2012

Khởi công xây dựng nhà máy TNG Phú Bình với tổng mức đầu tư trên 275 tỷ đồng, năng lực 64 chuyên may, thu hút trên 4.000 lao động vào làm việc. Đi vào hoạt động Giai đoạn 1: 13/06/2011; Giai đoạn 2: 31/12/2012.

Nâng vốn điều lệ lên 134,6 tỷ đồng sau khi được Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận chào bán 4.773.775 cổ phiếu ra công chúng.

2014

Khởi công xây dựng nhà máy may TNG Đại Từ với tổng mức đầu tư trên 170 tỷ đồng, thu hút trên 2000 lao động vào làm việc.

Vinh dự đón nhận cờ danh hiệu Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua do Chính phủ trao tặng.

15/03/2014:

Asean Small Cap Fund chính thức trở thành cổ đông lớn - nhà đầu tư chiến lược - của TNG, số lượng cổ phiếu hiện đang nắm giữ (tính đến ngày 22/12/2014) là 1,284,899 CP, chiếm 7,8% tổng vốn điều lệ.

1



11/2014:

Tổ chức cuộc thi thơ giới lần thứ II năm 2014, gần 1,2 tỷ đồng là số tiền chi thưởng. Cuộc thi nhằm vinh danh những người thơ giới, có tay nghề cao, là hoạt động thiết thực, thi đua lập thành tích chào mừng 35 năm thành lập Công ty TNG.

2



22/11/2014:

Kỷ niệm 35 năm xây dựng phát triển và đón nhân cơ thi đua danh hiệu Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua do Chính phủ trao tặng.

3



25/11/2014:

Tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX), Công ty CP đầu tư và Thương mại TNG, mã chứng khoán: TNG tổ chức chương trình gặp gỡ cổ đông, nhà đầu tư mang tên "Công bố thông tin minh bạch". Đây là chương trình ĐẦU TIÊN trong chuỗi chương trình các doanh nghiệp niêm yết tổ chức gặp gỡ với nhà đầu tư trong khuôn khổ hoạt động của Góc nhà đầu tư HNX.

4



12/2014:

Tổ chức thực hiện Quy chế phân phối thu nhập KPIs trong toàn bộ Công ty. Thực hiện minh bạch chính sách chi trả tiền lương theo chất lượng kết quả lao động, tạo động lực cho CBCNV phấn đấu và cống hiến.

5



6



2014: Hoạt động an sinh xã hội

Tổ chức tặng quà, hoa cho tập thể chị em phụ nữ nhân ngày Quốc tế phụ nữ 8/3 và ngày thành lập liên hiệp phụ nữ Việt Nam 20/10 với số tiền là hơn 200 triệu đồng.

7



Tổ chức Giải bóng đá TNG cúp, Thi liên hoan tiếng hát TNG chào mừng 35 năm ngày thành lập công ty và 70 năm ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam với các chương trình đơn ca, song ca và tốp ca của các chi nhánh trong toàn công ty với tổng chi phí: gần 100 triệu đồng.

8



Tổ chức cho trên 8000 lượt người lao động đi nghỉ mát trong nước trong dịp 30/4, 1/5; tổ chức cho 50 CBCNV Hội hưu của công ty đi thăm quan, tổng số tiền hai đợt là 1,3 tỷ đồng. Tổ chức tốt những ngày lễ trong năm ngày gia đình Việt Nam 28/6, ngày thương binh liệt sỹ 27/7.

9



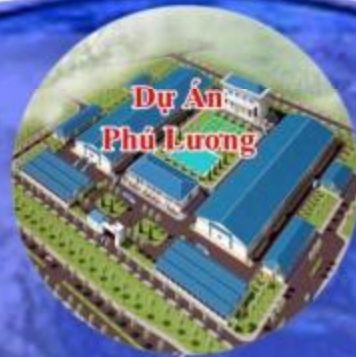
Tặng quà cho 560 các cháu là con CBCNV học giỏi; tổ chức và tặng quà cho gần 6000 cháu là con CBCNV nhân dịp Tết Trung thu, ngày quốc tế thiếu nhi 01/6 với số tiền là gần 500 triệu đồng.

Thăm và tặng quà các gia đình CBCNV có hoàn cảnh khó khăn trong công ty nhân dịp Tết cổ truyền.

10



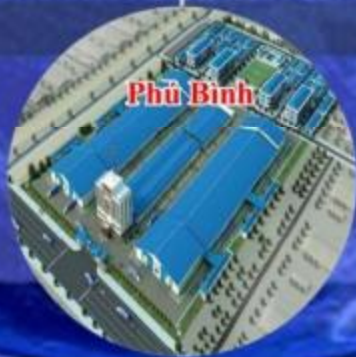
Làm tốt công tác xã hội từ thiện thông qua việc vận động CBCNV đóng góp quỹ tình nghĩa (400tr đồng/năm) để ủng hộ các quỹ chất độc da cam, quỹ vì người nghèo, quỹ khuyến học... với số tiền ủng hộ là trên 125 triệu đồng. Hỗ trợ xây dựng nhà tình nghĩa 03 nhà với số tiền hỗ trợ là 30 triệu đồng/nhà.



Công ty CP đầu tư và thương mại TNG được thành lập ngày 22/11/1979, là một doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước.

Thực hiện theo chủ trương cổ phần hoá và thoái vốn Nhà nước tại các doanh nghiệp Nhà nước nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp, thúc đẩy phát triển nền kinh tế, ngày 01/01/2003, TNG được cổ phần hoá với 100% vốn tư nhân. Thời điểm này, TNG mới có hai nhà máy may Việt Đức và Việt Thái, tổng diện tích đất khoảng 02 ha.

Sau 11 năm cổ phần hoá, TNG nay đã phát triển với quy mô 5 khu vực sản xuất, tổng diện tích đất lên đến trên 30 ha.





NĂNG LỰC SẢN XUẤT



DIỆN TÍCH (m ²)	DÂN SỐ (Người)	MẬT ĐỘ (Người / km ²)
7,1	217 500	1 228

◆ Chi nhánh may Việt Đức

Giám đốc: Đặng Đình Vụ	Diện tích nhà xưởng: 9847 m ²
M: 0983.131.888	Năng lực sản xuất: 20 chuyền may, 1000 công nhân, 1,2 triệu sản phẩm jackets/ năm
E: dinhvu@tng.vn	Sản phẩm chủ lực: hàng dân seam, trượt tuyết, thể thao, iacket bông

◆ Chi nhánh may Việt Thái

Giám đốc: Lưu Đức Huy	Diện tích nhà xưởng: 12691 m ²
M: 0912 229 515	Năng lực sản xuất: 16 chuyền may, 940 công nhân, 1 triệu sản phẩm jacket/ năm
E: duchuy@tng.vn	Sản phẩm chủ lực: hàng dân seam, jacket các loại

◆ Chi nhánh may Sông Công: Gồm 4 chi nhánh may Sông Công 1, 2, 3, 4. Thành lập năm 2006

Giám đốc Sông Công 1: Đỗ Văn Hoàn M: 0915 267 276 E: huando@tng.vn	Diện tích nhà xưởng: 14 000 m ²
Giám đốc Sông Công 2: Nguyễn Văn Tú M: 0917 51 2992 E: huangtu@tng.vn	
Giám đốc Sông Công 3: Hoàng Thị Minh Thanh M: 0982 105 334 E: minhthanh@tng.vn	
Giám đốc Sông Công 4: Nguyễn Xuân Hoàn M: 0974 057 779 E: hoannguyen@tng.vn	
	Năng lực sản xuất: 66 chuyền may, 3700 lao động, 4 triệu sản phẩm jacket/ năm
	Sản phẩm chủ lực: quần, jacket, áo dân seam

◆ Chi nhánh may Phú Bình: Gồm 4 chi nhánh Phú Bình 1, 2, 3, 4. Thành lập năm 2012

Giám đốc Phú Bình 1: Phạm Thanh Tuấn M: 0915 600 800 E: tuangham@tng.vn	Diện tích nhà xưởng: 93 131 m ²
Giám đốc Phú Bình 2: Đoàn Thị Thu M: 0912 452 261 E: thudoan@tng.vn	
Giám đốc Phú Bình 3: Nguyễn Văn Quân M: 0985 866 700 E: tonynguyen@tng.vn	
	Năng lực sản xuất: 60 chuyền may, 3,6 triệu sản phẩm jacket/ năm
	Sản phẩm chủ lực: jacket, jacket lông vũ, váy

◆ Chi nhánh may Đại Từ

Giám đốc: Lưu Đức Huy	Diện tích nhà xưởng: 13388m ²
M: 0912 229 515	Năng lực sản xuất: 35 chuyền may, 4000 công nhân, 1,8 triệu sản phẩm jacket/ năm
E: duchuy@tng.vn	Sản phẩm chủ lực: hàng đồng phục, jacket thương, quần áo ný da

◆ Chi nhánh sản xuất bông tằm, thêu, trần bông

Giám đốc: Lê Anh Chiến	Diện tích nhà xưởng: 10000m ²
M: 0912 103 690	Năng lực sản xuất: Sản xuất bông tằm và bông vón theo tiêu chuẩn Hàn Quốc, Mỹ và châu Âu, chủng loại sản phẩm: Seal, Soft, 2SFS, AC3D, RS, 2SFM, 2SDF
	Công xuất : 5400 yds/ 8 h và 1.9 mil yard/year
	Giá công các loại trần bông với 1 triệu yards trần bông/ năm
	Với 300 loại kiểu trần khác nhau với năng lực trần là 2283 yards/8h và 1 triệu yard/ năm
	Thêu công nghiệp: 16 máy thêu công nghiệp nhãn hiệu tajima với 20 đầu và mỗi đầu 9 kim mỗi năm thực hiện thêu 2.1 triệu mũi.
E: manhchien@tng.vn	



THÀNH QUẢ SAU 11 NĂM CỔ PHẦN HÓA

Quy mô lao động (người)

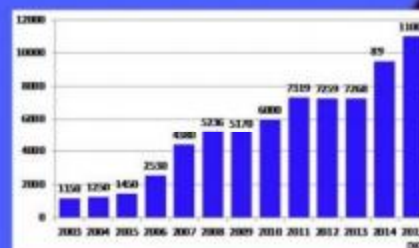
Năm 2003, tổng số lao động của TNG là 1150 người. Năm 2014, số lao động làm việc tại TNG khoảng 8,963 người. Đây là tài sản quý giá nhất làm nên những giá trị sản xuất kinh doanh và được TNG đặc biệt quan tâm.

Đến năm 2015, tổng số lao động dự kiến là 11000, tăng 9,5 lần so với năm 2003.

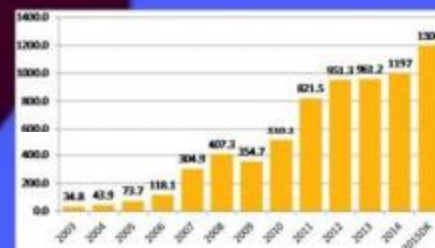
Giá trị tài sản (Tỷ đồng)

TNG mở rộng quy mô nhà máy, khu công nghiệp Sông Công gồm 8 nhà máy may và phụ trợ; cụm công nghiệp Kha Sơn, Phú Bình có 4 nhà máy may. Giá trị tài sản sau 11 năm cổ phần hoá tăng 35 lần. Trong tương lai TNG tiếp tục mở rộng các nhà máy và mong muốn trở thành một trong những công ty may mặc tư nhân lớn nhất

Quy mô lao động (người)



Giá trị tài sản (Tỷ đồng)



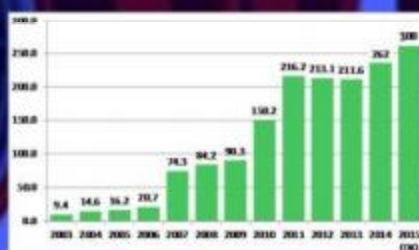
Vốn chủ sở hữu (Tỷ đồng)

Giai đoạn 2003 – 2006 phát triển chưa mạnh, năm 2007 – 2011 là giai đoạn phát triển mạnh do có nhà máy TNG Sông Công và Phú Bình đi vào hoạt động, chứng lại năm 2012, 2013. Và giai đoạn tăng tốc năm 2014, 2015. So với năm 2003, vốn chủ sở hữu đã tăng 28 lần

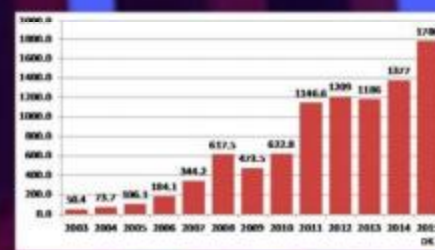
Doanh thu tiêu thụ (Tỷ đồng)

Lợi thế năng lực sản xuất lớn, TNG rất thuận lợi trong việc đàm phán với các thương hiệu lớn trên thế giới để sản xuất đơn hàng. Sau 11 năm cổ phần hoá, giá trị doanh thu tăng 35 lần. TNG phấn đấu đạt 4,200 tỷ VNĐ vào năm 2020

Vốn chủ sở hữu (Tỷ đồng)



Doanh thu tiêu thụ (Tỷ đồng)

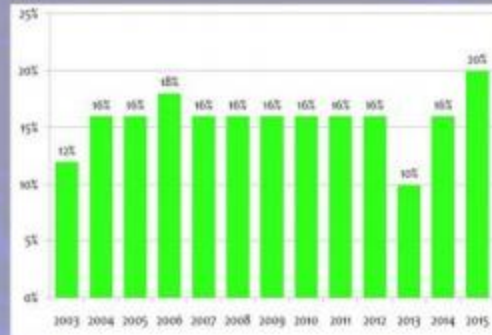




Tỷ lệ chia cổ tức (%)

Trong 11 năm cổ phần hoá, TNG duy trì ổn định tỷ lệ chi trả cổ tức. Năm qua, cổ đông của TNG được hai lần cổ tức bằng cổ phiếu và tiền mặt. Lần 1 với tỷ lệ 10%, là cổ tức tạm ứng đợt 1 năm 2014, được chi trả bằng cổ phiếu. Đợt 2 được TNG thực hiện vào tháng 4/2015 với tỷ lệ 6%, được chi trả bằng tiền mặt. Tổng số tiền TNG đã chi tổng cộng hơn 23 tỷ đồng.

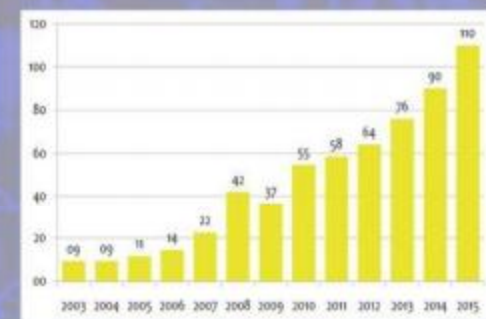
Tỷ lệ chia cổ tức (%)



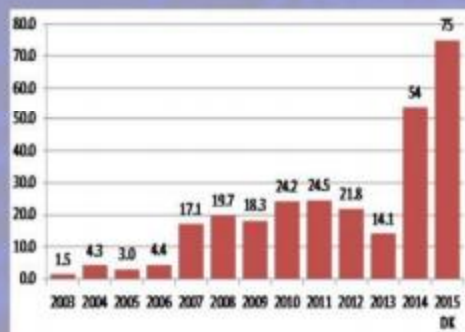
Kim ngạch xuất khẩu (Triệu USD)

Kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may sau 11 năm cổ phần hoá tăng mạnh. Kim ngạch năm 2014 đạt \$90 triệu USD, gấp 10 lần năm 2003. Năm 2015, kim ngạch xuất khẩu dự kiến đạt \$110 triệu USD, tăng 120% so với cùng kỳ. Hoa Kỳ, EU, Canada, Mexico vẫn là ba thị trường hàng đầu tiêu thụ hàng dệt may của TNG, riêng 3 thị trường này đã chiếm 83% trong tổng kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may. Dệt may là một trong những điểm sáng trong bức tranh xuất khẩu của Việt Nam. Dưới tác động của các Hiệp định thương mại tự do (FTA) sắp được ký kết, đà tăng trưởng mạnh mẽ được đánh giá sẽ tiếp tục duy trì trong năm 2015.

Kim ngạch xuất khẩu (Triệu USD)



Lợi nhuận sau thuế (Tỷ đồng)

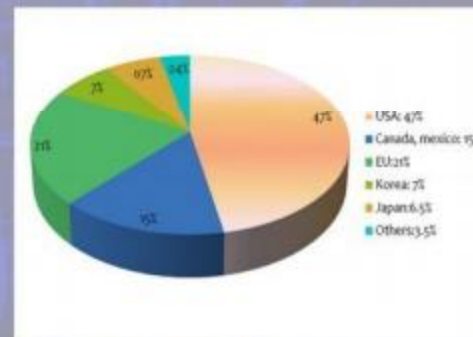


Lợi nhuận sau thuế (Tỷ đồng)

Năm 2014, lợi nhuận sau thuế đạt 54 tỷ đồng, so với cùng kỳ năm ngoái tăng 380%, đạt 110% so với kế hoạch được giao. Tình hình vĩ mô được cải thiện, số lượng các đơn hàng khả quan, phát triển các khách hàng lớn và lâu dài, kiểm soát chi phí lãi vay, chi phí ngân hàng và chi phí nguyên vật liệu đầu vào ổn định là các yếu tố chính tác động tích cực đến kết quả SXKD. Đặc biệt, chi phí quản lý doanh nghiệp được giảm bớt do TNG chủ động áp dụng hệ thống quản trị phần mềm ERP vào kiểm soát các hoạt động khá hiệu quả. Bên cạnh đó, TNG thiết lập nhiều chính sách khuyến khích CBCNV hăng say làm việc.

Năm 2015, TNG đặt kế hoạch lợi nhuận sau thuế dự kiến đạt 75 tỷ đồng, tăng 1,5 lần so với cùng kỳ, tăng 50 lần so với năm 2003. Sắp tới, Hiệp định thương mại TPP hứa hẹn sẽ tạo ra động lực tăng trưởng mới cho TNG. Quá trình tái cấu trúc, phát triển các nhà máy và công nghiệp phụ trợ của TNG là kế hoạch "đón đầu", hứa hẹn đưa TNG cất cánh, bảo đảm vững chắc niềm tin và đem lại hiệu quả cao cho Quý cổ đông và nhà đầu tư.

Thị trường xuất khẩu 2014



Thị trường xuất khẩu

Công ty bán trực tiếp tới bán ODM. Doanh thu xuất khẩu tăng bình quân 25%/ năm. Thị trường xuất khẩu chính của TNG là Mỹ với tỷ lệ 47% sản lượng; thị trường EU đạt 21%; Canada, Mexico đạt khoảng 15%; Hàn Quốc đạt 7% và Nhật Bản đạt 6,5%. Các thị trường khác chiếm tỷ trọng không đáng kể đạt 3,5%.

Hoạt động sản xuất KD: Theo đặc trưng sản xuất của doanh nghiệp, chi phí nguyên liệu và chi phí nhân công thường chiếm tỷ cao trong tổng chi phí, tương ứng khoảng 49% và 39%.

Phương thức sản xuất: TNG hiện đang hoạt động chủ yếu theo 2 phương thức sản xuất chính là CMT và FOB, cụ thể:

- CMT (Cut-Make-Trim): là phương thức sản xuất gia công toàn phần trong đó doanh nghiệp thực hiện việc cắt, may và hoàn thiện sản phẩm, toàn bộ nguyên liệu đầu vào được bên đặt hàng cung cấp.
- FOB (Free on Board): là phương thức sản xuất gia trong đó doanh nghiệp sản xuất chủ động trong việc mua nguyên liệu, gia công và bán thành phẩm cho bên đặt hàng. Phương thức này là phương thức xuất khẩu ở bậc cao hơn cũng như mang lại giá trị lợi nhuận cao hơn so với phương thức CMT.

TNG định hướng tập trung sản xuất theo phương thức FOB là chủ yếu và tiếp tục đa dạng hóa các mặt hàng sản xuất theo phương thức CMT.

Nguyên liệu đầu vào: Nhờ chủ động sản xuất bông tấm và chân bông, TNG đã giảm phụ thuộc vào nguyên liệu ngoại nhập, tỷ lệ nguyên liệu nhập khẩu nước ngoài đã giảm xuống 60% năm 2013 so với mức 90% năm 2007. Trong đó, TNG chủ yếu nhập khẩu bông tự nhiên từ Hàn Quốc, còn vải và phụ liệu may mặc, đa phần từ Trung Quốc. Hiện nay, chi phí nguyên liệu của TNG chiếm đến 49% tổng chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố, tương đương với 56% doanh thu thuần. Và đa phần sản phẩm làm ra dưới dạng FOB, TNG tự mua nguyên liệu và xuất thành phẩm cho đối tác. Do vậy, biến động về giá và số lượng nguyên liệu cung cấp trên thị trường có ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả kinh doanh của TNG.

Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố



(Nguồn: VCBS tổng hợp theo BCTC 6T.2014)

Năng lực sản xuất: Hiện TNG đang có khoảng 9.000 lao động làm việc tại 14 chi nhánh sản xuất bao gồm 10 chi nhánh may (trong đó có Chi nhánh Việt Đức và Sông Công 3 có quy mô sản xuất lớn nhất) và 4 chi nhánh chuyên sản xuất, cung cấp các dịch vụ, sản phẩm phụ trợ ngành dệt may chủ yếu nhằm đáp ứng nhu cầu nội bộ của công ty.

Lĩnh vực May: TNG đang sở hữu 177 dây chuyền may công nghiệp với tổng công suất khoảng 12 triệu áo jacket/năm, tương đương 1 triệu áo jacket/tháng.

Lĩnh vực Thêu: 16 máy thêu công nghiệp hiệu Tajima với 20 đầu có công suất là 42 triệu mũi thêu/năm.

Lĩnh vực Bông: gồm 2 mảng chính là (1) Sản xuất bông tấm có công suất 1.737 m/năm (tương đương 2 triệu yard/năm) và (2) Gia công chân bông có công suất 914,4 m/năm (tương đương 1 triệu yard/năm). Hiện nhà máy sản xuất bông tấm và chân bông đang hoạt động hết công suất, không những đáp ứng đủ nhu cầu nội tại của TNG mà còn dư bán cho các công ty khác.

Lĩnh vực Bao bì + Túi PE: (1) Sản xuất thùng các tông, hộp giấy từ 5-7 lớp có công suất 2 triệu m2 bao bì/năm, (2) Sản xuất túi PE, PP có công suất 1 triệu m2/năm.

Lĩnh vực Giặt: 12 máy giặt công nghiệp, 2 máy giặt mẫu, 22 máy sấy và 18 máy vắt, công suất trên 5 triệu sản phẩm/năm.

Sản phẩm đầu ra: Các sản phẩm may mặc chính của TNG bao gồm:

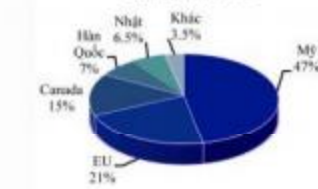
Hàng áo Jackets: Jacket chất liệu Micro, Jacket áo choàng dài, Jacket có bông, hàng jile, áo choàng, hàng trượt tuyết, hàng ép nhiệt Seam sealing, hàng đồng phục;

Hàng quần: Quần tây, quần soóc Cargo pants, quần lửng ngắn Cargo shorts, quần trượt tuyết, váy các loại, các loại chất liệu Denim, hàng đồng phục.

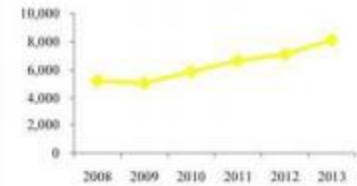
Thị trường tiêu thụ: Đa số các sản phẩm của TNG đều phục vụ xuất khẩu, chiếm khoảng 70% doanh thu toàn công ty. Thị trường xuất khẩu chính của TNG là Mỹ. Ngoài ra, doanh nghiệp cũng đã cố gắng trong việc giảm phụ thuộc vào thị trường Mỹ và mở rộng sang các thị trường khác như Canada, EU, Hàn Quốc và Nhật Bản. Hiện, thị trường Mỹ vẫn đóng góp 47% tổng

doanh thu năm 2013 so với năm 2008 là 88%. Do đó, những biến động của nền kinh tế Mỹ trong giai đoạn khủng hoảng vừa qua cũng ảnh hưởng không nhỏ tới doanh thu của TNG. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn đánh giá đây là thị trường tiềm năng cho TNG trong thời gian tới. Cụ thể trong giai đoạn từ 2008 – 2013, kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm may mặc của Việt Nam sang thị trường Mỹ có tốc độ tăng trưởng tốt 9,2% CAGR.

Cơ cấu doanh thu theo thị trường của TNG



Kim ngạch xuất khẩu sản phẩm may mặc của Việt Nam sang thị trường Mỹ (triệu USD)



(Nguồn: TNG, Otexa.com)

Thị phần và vị thế công ty

Thị phần xuất khẩu của TNG chiếm khoảng 0,19% tổng kim ngạch xuất khẩu dệt may của cả nước, lọt vào TOP 10 doanh nghiệp dệt may tư nhân lớn nhất Việt Nam.

Thị phần: Tính đến hết Q2.2014, thị phần xuất khẩu của TNG chiếm khoảng 0,19% tổng kim ngạch xuất khẩu dệt may của cả nước, tương đương 17,5 triệu USD. Thị trường xuất khẩu hàng may mặc chính của Việt Nam nói chung và TNG nói riêng vẫn luôn là Mỹ, EU, Nhật Bản và Hàn Quốc. Năm 2013, giá trị hàng dệt may của Việt Nam xuất sang 4 thị trường này đạt 15,3 tỷ USD, chiếm tới 85,5% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may của cả nước.

Vị thế công ty: Theo số liệu của Hiệp hội dệt may Việt Nam, TNG hiện đang nằm trong top các doanh nghiệp dệt may xuất khẩu cao nhất trong 6 tháng đầu năm 2014 với kim ngạch đạt 17,5 triệu USD. Trong năm 2013 vừa qua, TNG cũng lọt vào TOP 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam và TOP 10 doanh nghiệp dệt may tư nhân lớn nhất Việt Nam do Công ty CP Truyền thông VietNamNet xếp hạng.

Tương quan các doanh nghiệp

TNG là công ty có quy mô trung bình nhưng khả năng sinh lời thấp hơn các doanh nghiệp cùng ngành do công ty sử dụng đòn bẩy tài chính cao, liên tục đầu tư và mở rộng sản xuất kinh doanh nên chi phí tài chính và chi phí QLDN tăng mạnh khiến biên LN ròng bị thu hẹp.

Thông tin một số mã trong ngành sản xuất hàng may mặc xuất khẩu:

Mã	TTS (tỷ)	VCSH (tỷ)	Nợ/TTS (%)	TS LNR (%)	ROA (ttm)	ROE (ttm)	EPS (ttm)	BVPS
TNG	1.271	230	81,90%	2,42%	2,32%	12,81%	1.986	15.532
TCM	2.008	752	62,23%	5,63%	7,46%	19,91%	3.051	15.321
GMC	736	221	70,06%	4,32%	7,74%	25,86%	4.181	18.622
NPS	80	35	56,18%	6,49%	4,43%	10,11%	1.637	16.161
TB	1.024	310	67,59%	5,48%	6,55%	18,63%	2.714	16.409

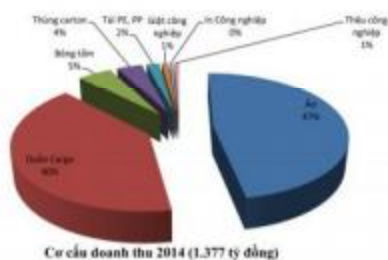
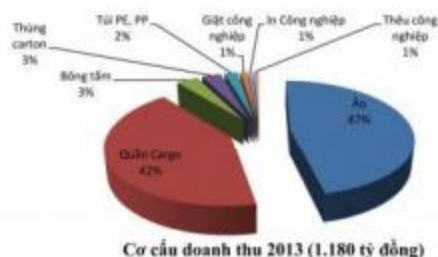
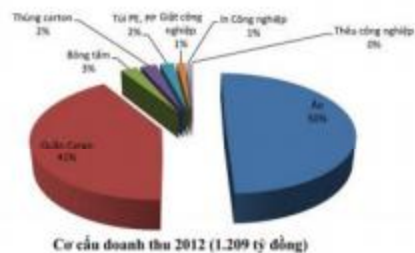
Dữ liệu cập nhật đến Q2.2014

Hiện nay, trên thị trường chứng khoán chỉ có 4 doanh nghiệp thuộc lĩnh vực sản xuất hàng may mặc xuất khẩu. So với ba doanh nghiệp còn lại, TNG là công ty có quy mô trung bình xét theo tổng tài sản và VCSH. TNG có khả năng sinh lời thấp hơn các doanh nghiệp cùng ngành do công ty sử dụng đòn bẩy tài chính cao, liên tục đầu tư và mở rộng sản xuất kinh doanh nên chi phí tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng mạnh khiến biên lợi nhuận ròng bị thu hẹp. Tỷ suất lợi nhuận ròng, ROA và ROE đều thấp hơn so với các doanh nghiệp trong ngành đạt lần lượt là 2,42%, 2,32% và 12,81%. Đặc biệt khi so sánh với GMC, công ty có cùng quy mô về tài sản, hệ số ROA và ROE của GMC đều cao gấp đôi TNG.

Hoạt động chính của Công ty CP đầu tư và thương mại TNG là mua bán hàng may mặc, sản xuất bao bì giấy, nhựa làm túi nilon, áo mưa nilon và nguyên phụ liệu hàng may mặc. Đào tạo nghề may công nghiệp, máy móc thiết bị công nghiệp, thiết bị phòng cháy, chữa cháy.

STT	Tên sản phẩm	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1	Áo jacket	Chiếc	6.700.000	7.400.000	8.400.000
2	Quần Cargo short	Chiếc	9.000.000	9.800.000	11.100.000
3	Bông tấm	Triệu yads	1.000.000	2.000.000	4.000.000
4	Thùng carton	m ²	1.000.000	2.500.000	4.500.000
5	Túi PE, PP	Tấn	50,000	150,000	250.000
6	Giặt công nghiệp	Chiếc	8.000.000	6.000.000	6.500.000
7	In công nghiệp			550.000	2.000.000
8	Thêu công nghiệp		3.000.000	2.700.000	2.000.000

Cơ cấu doanh thu



Các khách hàng chính



Hoạt động marketing

Hiện nay, Công ty xác định thị trường xuất khẩu vẫn là chủ lực. Tuy nhiên để tránh việc quá phụ thuộc vào thị trường Hoa Kỳ, Công ty sẽ đẩy mạnh phát triển thị trường Mê-hi-cô và Nam Mỹ. Đồng thời, Công ty sẽ tăng cường tiếp cận, mở rộng và từng bước thâm nhập vào thị trường nội địa.

Đối với khách hàng truyền thống, Công ty luôn duy trì và không ngừng củng cố, phát triển mối quan hệ với khách hàng truyền thống để khách hàng luôn cảm thấy hài lòng với các sản phẩm, dịch vụ của Công ty. Hàng năm, Công ty đều tổ chức gặp gỡ, trao đổi đánh giá quá trình làm việc trong năm để lắng nghe ý kiến phản hồi của khách hàng, từ đó rút kinh nghiệm trong giai đoạn tiếp theo.

Để tiếp cận các khách hàng mới, nhất là tại thị trường xuất khẩu, Công ty cũng thường xuyên tham gia các hội chợ quốc tế (như hội chợ hàng dệt may tại Hoa Kỳ, Đức, Trung Quốc, Liên Bang Nga...) và các chương trình xúc tiến thương mại cấp Quốc gia, các chương trình liên kết với Vinatex và Vitas, các hội thảo về dệt may và xuất khẩu tổ chức tại Hà Nội, các đơn vị trong ngành.

Đối với các nhà cung cấp, hàng năm Công ty đều đánh giá, tôn vinh các nhà cung cấp đã có nhiều đóng góp cho kết quả của Công ty.

Nhãn hiệu thương mại



Nhãn hiệu thương mại của Công ty là LIMA và TNG đã được đăng ký với cơ quan hữu quan. Ngoài ra, với vị thế và uy tín của Công ty đã được các khách hàng tin nhiệm ủy quyền sản xuất các nhãn hiệu như: The Childrensplace, Columbia Sport wear, Julio, Lolitog, Target,... Công ty đã đăng ký Logo TNG tại Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam.



MAY CÔNG NGHIỆP XUẤT KHẨU

TNG là một trong những thành viên tích cực của Hiệp hội dệt may Việt Nam (Vitas). Hàng quần áo trẻ em: Doanh số bán hàng tăng trưởng trong suốt thời kỳ 2010 – 2014, EU là thị trường lớn và đầy tiềm năng đối với mặt hàng này. Số lượng các mặt hàng quần áo được mua theo đầu người tăng, tuy nhiên, giá cả sẽ không tăng theo tỷ lệ tương ứng.

Hàng quần áo các loại: Mỹ, Canada, Mexico là thị trường khá hấp dẫn, lý tưởng của ngành dệt may vì dân số đông, đa số sống ở thành thị có mức thu nhập quốc dân cao. Do đó, sức mua rất lớn và nhu cầu đa dạng. Để xuất khẩu vào Mỹ, các mặt hàng phải đảm bảo không vấp phải những rào cản thương mại ngày càng nhiều và dày đặc của nước này. Từ đó, khả năng tìm hiểu thị trường và định hướng cho việc nhập khẩu công nghệ hiện đại để sản xuất ra những mặt hàng chất lượng cao.





CÔNG NGHIỆP PHỤ TRỢ

Dệt may là một trong số ít các ngành của nước ta có lợi thế so sánh và khả năng cạnh tranh với các quốc gia khác, được Chính phủ xác định là một trong những ưu tiên tại bàn đàm phán các Hiệp định thương mại tự do. Trong hơn 10 năm qua, với sự nỗ lực của toàn ngành dệt may – da giày, tỷ lệ nội địa hoá về nguyên liệu đã được cải thiện đáng kể.

Để không phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu, giải pháp quan trọng nhất từ lâu đã được nhắc đến là xây dựng ngành công nghiệp hỗ trợ. Đón đầu xu hướng đó, TNG đã đầu tư tổ hợp công nghiệp phụ trợ, gồm: trần bông, thêu, giặt, là, in và sản xuất bao bì, thùng carton, túi P.E. Trong năm 2015, TNG lên kế hoạch đầu tư thêm 01 dây chuyền máy bông, tổng mức dự kiến là \$2 triệu USD, thời gian đi vào hoạt động khoảng quý II/2015.

Là công nghiệp



Embroidery



Padding



Washing



Túi P.E



In công nghiệp



Carton box



Nhuộm công nghiệp





SẢN XUẤT HÀNG NỘI ĐỊA MANG THƯƠNG HIỆU TNG

TNG đang trong quá trình xâm nhập thị trường nội địa. Hàng năm, TNG đều ra những bộ sưu tập độc đáo, đa dạng về màu sắc và kiểu dáng, bắt kịp với xu hướng thời trang thế giới.

Với slogan **"TNG – Sự lựa chọn của tôi"**, TNG hướng đến những sản phẩm may mặc đẹp mắt và không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm. Trong năm 2015 – 2016, TNG dự kiến triển khai dự án Trung tâm thương mại Thái Nguyên tại địa điểm: Số 160 đường Minh Cầu, TP Thái Nguyên, Thái Nguyên.

Trung tâm thương mại TNG



TNG Fashion





THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG NGUYỄN VĂN THỜI



ÔNG NGUYỄN ĐỨC MẠNH



ÔNG NGUYỄN VĂN THỜI



BÀ LÝ THỊ LIÊN



ÔNG NGUYỄN VIỆT THÀNH

Chủ tịch HĐQT
Năm sinh: 1958

Thời điểm bổ nhiệm
Năm 2003

Quá trình công tác

1982 – 1992: Đội trưởng đội vật tư Công ty xây lắp điện Bắc Thái
1993: Phó giám đốc xí nghiệp may Bắc Thái
1993 – 2002: Giám đốc công ty may Thái Nguyên
2003 – nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP đầu tư và thương mại TNG

Trách nhiệm

Quyết định kế hoạch phát triển kinh doanh và ngân sách hàng năm
Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược do ĐHCĐ thông qua
Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty

Trình độ chuyên môn

Kỹ sư cơ điện mô, Cử nhân kinh tế, Cử nhân chính trị

Kinh nghiệm quản lý tại công ty

Hơn 20 năm kinh nghiệm tổng giám đốc và hơn 13 năm kinh nghiệm chủ tịch HĐQT

Số CP hiện nắm giữ

4.435.020 CP, tương đương 20,21%.

Quốc tịch

Việt Nam

Khác

Chủ tịch Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Thái Nguyên
Phó Chủ tịch Hiệp hội doanh nghiệp TP Thái Nguyên

Thành tích tiêu biểu

Giải thưởng doanh nhân tiêu biểu
Huân chương lao động Hạng ba năm 2007

Thành viên HĐQT độc lập
Năm sinh: 1983

Thời điểm bổ nhiệm
Năm 2007

Quá trình công tác

1995: Công ty may Thái Nguyên
2010– 2011: Trưởng phòng kinh doanh Công ty CP đầu tư và thương mại TNG
2011 – nay: Ủy viên HĐQT, Phó tổng giám đốc Công ty CP đầu tư và thương mại TNG

Trách nhiệm

Giám sát các hoạt động hàng hóa mang thương hiệu TNG tại thị trường trong nước
Đưa TNG làm việc các tập đoàn, các thương hiệu lớn của Hoa Kỳ, EU và Nhật Bản

Trình độ chuyên môn

Cử nhân CNTT – USA,
Cử Nhân ngoại ngữ: Shanghai, China

Kinh nghiệm quản lý tại công ty

Quản lý kinh doanh của TNG từ năm 2007.

Số CP hiện nắm giữ

611.050 CP

Quốc tịch

Việt Nam

Khác

Chủ tịch HĐQT Công ty CP thời trang TNG

Thành viên HĐQT
Năm sinh: 1971

Thời điểm bổ nhiệm
Năm 2013

Quá trình công tác

1995 – 2013: Cán bộ Công ty CP may Thái Nguyên
2013 – 8/2014: Phó Tổng giám đốc Công ty CP đầu tư và thương mại TNG
9/2014 – nay: Tổng giám đốc Công ty CP đầu tư và thương mại TNG

Trách nhiệm

Giám sát các hoạt động hàng hóa xuất khẩu
Đưa doanh thu, lợi nhuận của TNG tăng trưởng cao

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Quản trị kinh doanh, Đại học kinh tế quốc dân

Kinh nghiệm quản lý tại công ty

Có 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực dệt may.
- Trên 10 năm làm quản lý trong ngành may mặc

Số CP hiện nắm giữ

163.713 CP

Quốc tịch

Việt Nam

Khác

Nguyễn Giám đốc Công ty TNHH Thái Bình Nguyên VN

Thành viên HĐQT
Năm sinh: 1962

Thời điểm bổ nhiệm
Năm 2009

Quá trình công tác

1989 – 1995: Ngân hàng công thương Yên Bái
1996: Công ty may Thái Nguyên
1998 – 2008: Kế toán trưởng công ty may Thái Nguyên
2008 – nay: Ủy viên HĐQT – Phó tổng giám đốc công ty CP đầu tư và thương mại TNG

Trách nhiệm

Giám sát các hoạt động nhân sự, tài chính, xuất nhập khẩu, công tác nội chính và văn phòng tổng công ty
Đưa ra nhiều giải pháp để kiểm soát dòng vốn của TNG

Trình độ chuyên môn

Cao đẳng tài chính, ngân hàng

Kinh nghiệm quản lý tại công ty

19 năm kinh nghiệm trong ngành dệt may.
17 năm quản lý trong lĩnh vực tài chính, nhân sự của TNG

Số CP hiện nắm giữ

173.251 CP

Quốc tịch

Việt Nam

Thành viên HĐQT độc lập
Năm sinh: 1956

Thời điểm bổ nhiệm
Năm 2013

Quá trình công tác

1985 – 1993: Chuyên viên tiêu chuẩn hoá – Tổng cục đo lường chất lượng
1993 – 1994: Kế toán trưởng tại Công ty liên doanh Nga – Việt Chaika
2004 – 2006: Chuyên viên đầu tư – Công ty tài chính Bưu điện
2007 – nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP quản lý vốn đầu tư Việt Nhân

Trách nhiệm

Giám sát các hoạt động liên quan đến phát hành cổ phiếu, trái phiếu

Phân tích CP TNG, định hướng các phát hành thành công

Trình độ chuyên môn

Kỹ sư cơ hóa

Kinh nghiệm quản lý tại công ty

Trên 20 năm kinh nghiệm lĩnh vực tài chính, ngân hàng.
Có trên 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực cổ phiếu, chứng khoán, quản lý quỹ và ngân hàng.

Số CP hiện nắm giữ

253.001 CP

Quốc tịch

Việt Nam

Khác

Chủ tịch HĐQT Công ty quản lý quỹ Việt Nhân



BAN GIÁM ĐỐC
NHIỆM KỲ: 2014 - 2018



ÔNG NGUYỄN VĂN THỚI



BÀ LÝ THỊ LIÊN



Bà ĐOÀN THỊ THU



Bà LƯƠNG THỊ THUÝ HÀ

Tổng giám đốc
Năm sinh: 1971

Thời điểm bổ nhiệm
Năm 2013

Quá trình công tác

1995 – 2013: Cán bộ Công ty CP may Thái Nguyên
2013 – 8/2014: Phó Tổng giám đốc Công ty CP đầu tư và thương mại TNG
9/2014 – nay: Tổng giám đốc Công ty CP đầu tư và thương mại TNG

Trách nhiệm

Giám sát các hoạt động hàng hóa xuất khẩu
Đưa doanh thu, lợi nhuận của TNG tăng trưởng cao

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Quản trị kinh doanh, Đại học kinh tế quốc dân

Kinh nghiệm quản lý tại công ty

- Có 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực dệt may,
- Trên 10 năm làm quản lý trong ngành may mặc

Số CP hiện nắm giữ

163.713 CP

Quốc tịch

Việt Nam

Khác

Nguyên Giám đốc Công ty TNHH Thái Bình Nguyên VN

Phó tổng giám đốc
Năm sinh: 1962

Thời điểm bổ nhiệm
Năm 2009

Quá trình công tác

1989 – 1995: Ngân hàng công thương Yên Bái
1996: Công ty may Thái Nguyên
1998 – 2008: Kế toán trưởng công ty may Thái Nguyên
2008 – nay: Ủy viên HĐQT – Phó tổng giám đốc công ty CP đầu tư và thương mại TNG

Trách nhiệm

Giám sát các hoạt động nhân sự, tài chính, xuất nhập khẩu, công tác nội chính và văn phòng tổng công ty
Đưa ra nhiều giải pháp để kiểm soát dòng vốn của TNG

Trình độ chuyên môn

Cao đẳng tài chính, ngân hàng

Kinh nghiệm quản lý tại công ty

19 năm kinh nghiệm trong ngành dệt may,
17 năm quản lý trong lĩnh vực tài chính, nhân sự của TNG

Số CP hiện nắm giữ

173.251 CP

Quốc tịch

Việt Nam

Phó tổng giám đốc
Năm sinh: 1972

Thời điểm bổ nhiệm
Năm 2011

Quá trình công tác

1994 – 2003: Cán bộ Công ty CP may Thái Nguyên
2004 – 2011: Giám đốc nhà máy may Việt Thái – Công ty CP đầu tư và thương mại TNG
2011 – nay: Phó Tổng giám đốc – Công ty CP đầu tư và thương mại TNG

Trách nhiệm

Kiểm soát hoạt động chất lượng của hệ thống sản xuất tại TNG

Trình độ chuyên môn

Cử nhân công nghệ dệt may thời trang Hà Nội - Chuyên ngành công nghệ may

Kinh nghiệm quản lý tại công ty:

Trên 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kỹ thuật, chất lượng dệt may

Số CP hiện nắm giữ

68.728 CP

Quốc tịch

Việt Nam

Kế toán trưởng
Năm sinh: 1969

Thời điểm bổ nhiệm
Năm 2008

Quá trình công tác

1991 – 2008: Nhân viên kế toán – Công ty CP may Thái Nguyên
2008 – nay: Kế toán trưởng – Công ty CP đầu tư và thương mại TNG
Trách nhiệm
Kiểm soát tài chính, giám sát xuất nhập khẩu

Trình độ chuyên môn

Cử nhân kế toán

Kinh nghiệm quản lý tại công ty

Trên 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, tài chính

Số CP hiện nắm giữ

141.803 CP

Quốc tịch

Việt Nam



BAN KIỂM SOÁT
NHIỆM KỲ: 2014 - 2018



ÔNG NGUYỄN VĂN ĐỨC



BÀ HÀ THỊ TUYẾT



Bà BUI THỊ THẨM

Trưởng ban BKS - Thành viên chuyên trách
Năm sinh: 1977

Thời điểm bổ nhiệm
Năm 2011

Quá trình công tác

1999 – 2007: Cán bộ - Công ty CP may Thái Nguyên
2008 – nay: Trưởng Ban kiểm soát – Công ty CP đầu tư và thương mại TNG

Trách nhiệm

Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi hoạt động liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập
Kiểm tra BCTC hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình HĐQT
Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty

Trình độ chuyên môn

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Cử nhân kế toán, Cử nhân ngoại ngữ

Kinh nghiệm quản lý tại công ty

Có trên 16 năm làm trên lĩnh vực dệt may. Đã từng qua các vị trí: kế toán ngân hàng, phòng kế hoạch vật tư, phòng xuất nhập khẩu, phòng kinh doanh, phòng marketing, phòng tổ chức, phòng sản xuất, quản lý phòng kinh doanh, phòng sản xuất, Giám đốc điều hành nhà máy, trợ lý Tổng giám đốc, Chủ tịch HĐQT

Số CP hiện nắm giữ
20.037 CP

Quốc tịch
Việt Nam

Thành viên BKS
Năm sinh: 1984

Thời điểm bổ nhiệm
Năm 2013

Quá trình công tác

2007 – nay: Thư ký Chủ tịch HĐQT Công ty CP đầu tư và thương mại TNG
2013 – nay: Ủy viên BKS Công ty CP đầu tư và thương mại TNG

Trách nhiệm

Kiểm soát về mặt pháp lý, hồ sơ HĐQT, Ban giám đốc công ty
Giám sát chặt chẽ theo hệ thống luật các văn bản của TNG
Giám sát hệ thống an sinh, xã hội của công ty

Trình độ chuyên môn

Cử nhân luật, Luật sư
Chứng chỉ hành nghề Luật sư

Kinh nghiệm quản lý tại công ty
Trên 8 năm kinh nghiệm tại TNG

Số CP hiện nắm giữ
0

Quốc tịch
Việt Nam

Khác

Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP thời trang TNG

Thành viên BKS
Năm sinh: 1959

Thời điểm bổ nhiệm
Năm 2007

Quá trình công tác

1980 – 2007: Cán bộ - Công ty CP may Thái Nguyên
2008 – nay: Ủy viên BKS – Công ty CP đầu tư và thương mại TNG

Trách nhiệm

Giám sát các hoạt động về xây dựng, đào tạo, kỹ thuật của TNG

Trình độ chuyên môn:

Kỹ thuật may
Cử nhân kế toán, Đại học Thương mại

Kinh nghiệm quản lý tại công ty

Trên 35 năm kinh nghiệm công ty, giữ chức vụ cán bộ quản lý nhiều năm

Số CP hiện nắm giữ
121.726 CP

Quốc tịch
Việt Nam



Những thay đổi thành viên HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Trần Minh Hiếu	Ủy viên HĐQT	2012	2013
2	Nguyễn Văn Thới	Ủy viên HĐQT	2013	

Những thay đổi thành viên Ban giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Trần Minh Hiếu	Ủy viên HĐQT	2012	2013
2	Nguyễn Văn Thới	Ủy viên HĐQT	2013	

Thu nhập, thù lao, các khoản lợi ích và chi phí cho thành viên HĐQT, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổng cộng
1	Nguyễn Văn Thới	Chủ tịch HĐQT	814,519,100
2	Nguyễn Đức Mạnh	Ủy viên HĐQT	470,375,634
3	Lý Thị Liên	UVHĐQT, PT GD	442,020,360
4	Nguyễn Văn Thới	UVHĐQT, TGD	567,216,601
5	Nguyễn Việt Thành	UVHĐQT	60,560,000
6	Đoàn Thị Thu	PTGD	567,216,601
7	Lương Thị Thúy Hà	KTT	262,624,293
8	Nguyễn Văn Đức	Trưởng BKS	227,070,600
9	Bùi Thị Thắm	UV BKS	190,831,000
10	Hà Thị Tuyết	UV BKS	114,866,000

Giao dịch cổ phiếu:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Văn Thới	Em trai chủ tịch HĐQT			135,300	0,8%	Mua cổ phiếu TNG
2	Nguyễn Thị Miên	Em gái chủ tịch HĐQT	0		16,000	0,1%	Mua cổ phiếu TNG

Các giao dịch khác: (các giao dịch của cổ đông nội bộ/ cổ đông lớn và người liên quan với Công ty)

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Văn Thới	Chủ tịch HĐQT	2.155.947	14,56 %	2.445.147	16,51 %	Mua 289.200 cổ phiếu TNG



Danh sách cổ đông nội bộ và người có liên quan

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ĐKKD	Ngày cấp CMND/ĐKKD	Nơi cấp CMND/ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Thời		Chủ tịch HĐQT	090117808	11/08/2014	Thái Nguyên	Phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên	2.689.661		
2	Nguyễn Đức Mạnh		Ủy viên HĐQT	090882528	09/01/1998	Thái Nguyên	Phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên	611.050		
3	Đỗ Thị Hà		Ủy viên HĐQT	090513872	21/03/2007	Thái Nguyên	Phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên	580.800		Người có liên quan đến CT HĐQT
4	Nguyễn Mạnh Linh			090972003	14/04/2002	Thái Nguyên	Phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên	496.100		Người có liên quan đến CT HĐQT
5	Nguyễn Việt Thành		Ủy viên HĐQT	090972003	20/09/1999	Thái Nguyên	Số nhà 57, Láng Hạ, Hà Nội	253.001		
6	Lý Thị Liên		Ủy viên HĐQT	090888102	05/07/1997	Thái Nguyên	Phường Tân Lập, TP Thái Nguyên	173.251		
8	Lương Thị Thủy Hà		Kế toán trưởng	090555417	23/04/2001	Thái Nguyên	Phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên	141.803		

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ĐKKD	Ngày cấp CMND/ĐKKD	Nơi cấp CMND/ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
8	Bùi Thị Thắm		Ủy viên HĐQT	091592405	23/11/2006	Thái Nguyên	Phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên	121.726		
9	Đoàn Thị Thu		Phó TGD	090632991	05/07/1997	Thái Nguyên	Phường Trương Vương, TP Thái Nguyên	68.728		
10	Nguyễn Văn Thới		UV HĐQT, TGD	090784558	20/11/2009	Thái Nguyên	Phường Gia Sáng, TP Thái Nguyên	163.713		
11	Nguyễn Văn Đức		Trưởng BKS	090709267	01/11/2009	Thái Nguyên	Xã Quyết Thắng, TP Thái Nguyên	20.037		
12	Trần Thị Thu Hà		TP kế toán	090888105	05/07/1997	Thái Nguyên	Phường Hoàng Văn Thị, TP Thái Nguyên	4.800		
13	Hà Thị Tuyết		Ủy viên BKS	090783966	01/10/1999	Thái Nguyên	Phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên	0		
14	Nguyễn Thị Miện			150752752	01/12/2010	Thái Bình	Thị xã Sông công, TP Thái Nguyên	16.000		Người có liên quan đến CT HĐQT

Định hướng chiến lược phát triển trung và dài hạn

Trên cơ sở định hướng chung của ngành, TNG xây dựng định hướng phát triển của Công ty trong những năm tới như sau:

- May mặc giữ vai trò chủ đạo, từng bước đầu tư kinh doanh thêm các ngành sản xuất kinh doanh mới, trước hết để phục vụ trực tiếp cho hàng may mặc là giặt, bao bì, in, thêu, ...
- Thị trường xuất khẩu vẫn là chính, tăng dần tỷ lệ doanh thu hàng nội địa lên 10 -15% từ nay đến năm 2015, cân bằng giữa các thị trường, tránh phụ thuộc quá nhiều vào thị trường nước Mỹ, tiếp cận và khai thác thị trường Nhật Bản.
- Liên tục phát triển sản xuất theo cả chiều rộng và chiều sâu, phát huy tối đa công suất thiết kế để nâng cao năng suất lao động. Công ty cũng thường xuyên bổ sung, đổi mới máy móc thiết bị công nghệ mới.

Định hướng phát triển ngành may là chủ lực, mở rộng sang các lĩnh vực phù hợp với chiến lược phát triển toàn diện của ngành Dệt may Việt nam trong thời gian tới. Việc tăng cường đầu tư được xác định trên cơ sở nhận định về tiềm năng, lợi thế của Việt nam trên thị trường dệt may thế giới và mục tiêu chiến lược của Dệt may Việt Nam giai đoạn tới. Bên cạnh đó, cũng như các đơn vị trong ngành, Công ty luôn ý thức được sức nặng của thị trường nội địa với hơn 92 triệu dân, cơ cấu dân số trẻ, nhu cầu tiêu dùng ngày càng lớn.



Phát triển ngành nghề cốt lõi

Công ty xác định ngành nghề sản xuất kinh doanh cốt lõi của TNG là sản xuất hàng may mặc xuất khẩu vì nó tiếp tục mang sự ổn định và lợi nhuận cho TNG trong nhiều năm tới.

TNG đang có các khách hàng là nhà bán lẻ có thương hiệu lớn như Columbia, Sports wear, The Children's Place, Capital, Itochu, Cahard, John New York, ... Các khách hàng này đều cam kết đặt hàng lâu dài, ổn định với Công ty. Các khách hàng này đều đề nghị TNG tăng thêm sản lượng hàng năm, TNG chủ động cung cấp được nguyên phụ liệu và chuyển dần sang làm mẫu phát triển để tăng giá trị lợi nhuận trên sản phẩm.

TNG có bề dày kinh nghiệm trong sản xuất hàng may mặc xuất khẩu nên có nhiều lợi thế để tạo ra sản phẩm có sức cạnh tranh mạnh trên thị trường.

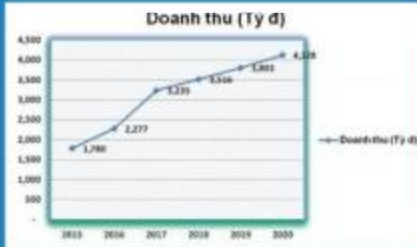




MỤC TIÊU 2015 - 2020

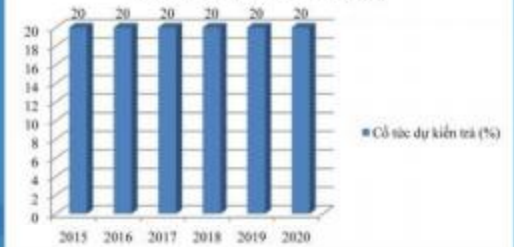
Mục tiêu doanh thu

Kế hoạch doanh thu tiêu thụ đến năm 2020 tăng trưởng bình quân 121%/ năm, đạt khoảng 4,200 tỷ đồng.

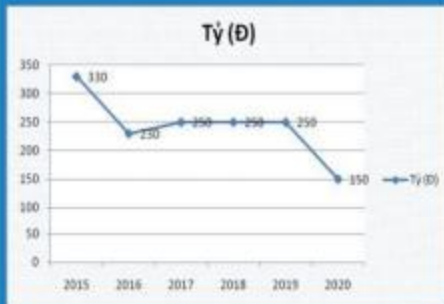


Mục tiêu cổ tức

Cổ tức dự kiến trả (%)



Kế hoạch đầu tư



Kế hoạch đầu tư của TNG thời gian tới nằm trong chiến lược đón đầu cơ hội khi Việt Nam ký kết Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP). Theo đó, TNG sẽ đầu tư tăng tỷ lệ nội địa hoá, trước mắt, đầu tư thêm một dây chuyền sản xuất bóng, thay vì chỉ có một dây chuyền như hiện nay.

Ngoài xuất khẩu, TNG cũng không giấu tham vọng "phù sống" tại thị trường nội địa. Ông Thời cho biết, trong các năm tới, mỗi năm TNG sẽ mở thêm 10 cửa hàng tại 10 tỉnh, thành phố khác nhau (hiện Công ty có 40 cửa hàng dạng này). Mục tiêu của TNG tại thị trường nội địa là phù sống hệ thống bán lẻ tại 50% tỉnh, thành phố trong cả nước với doanh thu bán lẻ tăng bình quân 50%/năm.

Để thực hiện hoá các mục tiêu trên, TNG cũng đã "lên dây cót" cho một khoảng thời gian khá dài hơi, gồm kế hoạch đầu tư và kế hoạch kinh doanh. Dự kiến, nhu cầu vốn đầu tư từ quý IV/2014 đến hết năm 2020 sẽ lên tới hơn 1.460 tỷ đồng.

Trong 6 năm tới, năm 2015 là thời điểm TNG căng sức đầu tư với số vốn dự kiến lớn nhất (330 tỷ đồng). Năm 2016 đầu tư dự kiến khoảng 230 tỷ. Trong 3 năm tiếp theo, vốn đầu tư dự kiến khoảng 250 tỷ.

Tuy nhiên, từ năm 2019 đến 2020 sẽ là giai đoạn giảm dần để TNG tập trung đầu tư chiều sâu, nghiên cứu tăng năng suất và các biện pháp khác nên kế hoạch đầu tư giảm chỉ còn 150 tỷ.

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ ĐẾN NĂM 2020 DỰ KIẾN 1.460 TỶ ĐỒNG						
TT DANH MỤC ĐẦU TƯ	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Tổng cộng	330	230	250	250	250	150
1 Nhà máy may TNG Dự Tô	150					
2 Nhà máy may TNG Phú Lương 1		100	100			
3 TT thiết kế thời trang TNG	80	80				
4 Nhà máy may TNG Phú Lương 2			100	100		
5 Nhà máy may TNG Vĩ nhai				100	100	
6 Nhà máy may TNG Dịch hời					100	100
7 Đầu tư dây chuyền bóng, Dao M	80					
8 Đầu tư bổ sung máy móc thiết bị	50	50	50	50	50	50

Mục tiêu lợi nhuận sau thuế

Kế hoạch lợi nhuận sau thuế đến năm 2020 tăng trưởng bình quân 138%/ năm, đạt khoảng 320 tỷ đồng



Mục tiêu môi trường

TNG hướng tới hình ảnh của một công ty thân thiện với môi trường. Chúng tôi tôn trọng, thực hiện và cam kết kiểm soát nghiêm ngặt quy trình sản xuất để không vi phạm các tiêu chuẩn về môi trường.

Tính đến thời điểm này, Công ty chưa ghi nhận được bất kì thông tin trái chiều phản hồi từ nhân dân xung quanh khu vực nhà máy sản xuất về các vấn đề liên quan đến môi trường.

TNG đầu tư dự án hệ thống xử lý nước thải tốt nhất tại các nhà máy của mình. Mục tiêu này được phổ biến cho toàn thể CBCNV TNG cũng như thông tin tới các khách hàng và các bên có liên quan làm việc trên danh nghĩa của nhà máy cùng thấu hiểu và thực hiện.

Chính sách môi trường

TNG luôn ý thức được tầm quan trọng của môi trường đối với sự sống và tương lai của nhân loại. Các hoạt động/sản phẩm hoặc dịch vụ của chúng tôi không chỉ bảo đảm chất lượng tốt mà còn có nghĩa vụ bảo vệ môi trường.

- Tuân thủ các yêu cầu luật định và các yêu cầu khác liên quan đến các tác động môi trường của Công ty.
- Tăng cường kiểm soát, quản lý các vấn đề liên quan đến môi trường nhằm ngăn ngừa ô nhiễm, giảm thiểu tác động đáng kể đến môi trường bằng các biện pháp:
 - o Tối ưu hóa việc sử dụng năng lượng và nước sinh hoạt
 - o Xử lý rác và nước thải
 - o Tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên
- Phát huy tinh thần sử dụng các sản phẩm thân thiện môi trường, khuyến khích toàn thể nhân viên tái sử dụng trong quá trình sản xuất.
- Nâng cao nhận thức cho toàn thể nhân viên thông qua đào tạo kiến thức về công tác bảo vệ môi trường.
- Sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường góp phần thúc đẩy tăng trưởng.



Xã hội ngày càng phát triển càng đòi hỏi doanh nghiệp càng phải có trách nhiệm hơn đến các vấn đề xã hội. TNG hiểu rằng doanh nghiệp chỉ phát triển bền vững khi xã hội phát triển bền vững; trách nhiệm xã hội là yếu tố sống còn để tăng sức cạnh tranh của doanh nghiệp



Cam kết phát triển bền vững tại các địa điểm chúng tôi đặt chi nhánh

Đầu tư vào đào tạo, đổi mới và thành lập chi nhánh là ba quy trình tạo thành vòng tròn ổn thúc đẩy kinh tế địa phương. Các lộ trình thể hiện trách nhiệm xã hội của TNG góp phần làm bền vững, lâu dài các mối quan hệ trong cả một hệ thống: công ty, khách hàng, chi nhánh mới thành lập, các đối tác.

Tại các huyện, thị xã trong tỉnh Thái Nguyên, nơi còn thiếu cả về nguồn lực, về đào tạo, về năng lực, Công ty TNG cam kết:

- Tuân thủ Luật lao động và trả lương người lao động cao hơn 13% so với lương tối thiểu vùng nơi có đóng nhà máy
- Đảm bảo về hệ thống quản lý và đào tạo thường xuyên

Ở TNG, chia sẻ kiến thức được coi là một cách làm giàu tri thức. Tất cả mọi nhân viên đều được tiếp cận thông tin và được tham gia các khóa đào tạo, nhằm tăng giá trị nguồn nhân lực.



TNG – Điểm sáng trong công tác xã hội, từ thiện của Thái Nguyên

Là doanh nghiệp, ngoài việc tập trung sản xuất kinh doanh, hoàn thành kế hoạch được giao ... trong năm vừa qua, TNG còn tích cực tham gia công tác từ thiện xã hội, đền ơn đáp nghĩa, xoá đói giảm nghèo ... Qua đó góp phần cải thiện đời sống cho nhân dân địa phương và đồng bào vùng sâu vùng xa, phát huy truyền thống tương thân tương ái của dân tộc.

Trên tinh thần đó, toàn thể lãnh đạo, CBCNV và người lao động Công ty luôn ý thức sâu sắc và xem đây là việc làm thiết thực, ý nghĩa và đồng lòng đồng sức thực hiện trên tinh thần trách nhiệm đối với xã hội, hướng về cộng đồng, phát huy truyền thống tương thân tương ái, là lành đùm là rách ...

Hưởng ứng lời kêu gọi của Ủy ban mặt trận tổ quốc các cấp, TNG còn đồng góp cho Quỹ vì người nghèo, Quỹ đền ơn đáp nghĩa, giúp đỡ đồng bào bị thiên tai lũ lụt ...

Bên cạnh đó, TNG còn thực hiện công tác phụng dưỡng Mẹ Việt Nam anh hùng; tặng quà cho các gia đình chính sách, gia đình có công với cách mạng. Công ty còn triển khai xây dựng nhà tình nghĩa, nhà tình thương.

Với trách nhiệm xã hội của mình, TNG tin tưởng xây dựng được bản sắc riêng trong cạnh tranh và tạo nên đà tăng trưởng trong hệ sinh thái kinh doanh.



SA 8000

“ Người lao động

là nhân tố tạo nên sự khác biệt ”

John Locke

TNG là một doanh nghiệp uy tín trong lĩnh vực dệt may. Với hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 và hệ thống trách nhiệm xã hội SA 8000:2001; đạt tiêu chuẩn khách hàng lớn tại Mỹ như Wal-mart, Columbia, JC Penny, Kohl's, Bắc Mỹ ... TNG tự hào là một trong những công ty tạo được một môi trường làm việc với tác phong công nghiệp. Không ngừng phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cũng là một trong những chính sách của chúng tôi nhằm xây dựng nền tảng của TNG.

“Người lao động làm việc tại TNG không bị vi phạm về quyền lợi” cam kết được đảm bảo và duy trì như một Giá trị cốt lõi.

Công ty luôn quan tâm tới đời sống và môi trường làm việc cho người lao động. Bên cạnh các chế độ về Bảo hiểm, an toàn lao động mà Bộ luật Lao động quy định, Công ty còn áp dụng các tiêu chuẩn về lao động khác như tiêu chuẩn Trách nhiệm Xã hội SA:8000, để đảm bảo các quyền lợi của người lao động, từ đó, người lao động luôn an tâm gắn bó với Công ty.





Năm 2014 đánh dấu một năm thành công của TNG xét về mặt quản trị rủi ro. Tại TNG đã không xảy ra rủi ro đáng kể gây thiệt hại cho Công ty về mặt tài chính, uy tín, nhân lực, ... Kết thúc năm 2014, TNG đã đạt được kế hoạch SXKD do Đại hội đồng cổ đông đề ra từ đầu năm.

TNG cũng đã từng bước triển khai xây dựng Hệ thống Quản trị rủi ro hoàn chỉnh theo quy định tại Thông tư số 210/2012/TT-BTC và Hướng dẫn thiết lập và vận hành hệ thống quản trị rủi ro cho công ty chứng khoán theo Quyết định số 105/QĐ-UBCK ngày 26/02/2013 của Ủy ban chứng khoán nhà nước. Hệ thống quản trị rủi ro được xây dựng dựa trên việc thay đổi chức năng của các thành phần liên quan cũng như bổ sung nhân sự phù hợp với yêu cầu mới.

Rủi ro về kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Nền kinh tế ổn định và tăng trưởng sẽ thúc đẩy và làm gia tăng nhu cầu xã hội. Trong một nền kinh tế phát triển thì nhu cầu về các sản phẩm hàng hoá, nhất là các sản phẩm cao cấp, ngày càng tăng. Ngược lại, khi kinh tế suy thoái, nhu cầu tiêu dùng cũng giảm hẳn. Sản phẩm may mặc là một trong những mặt hàng đáp ứng nhu cầu thiết yếu của con người là ăn, mặc,... do đó, nhu cầu đối với hàng may mặc, nhất là các sản phẩm thông thường ít chịu tác động của ảnh hưởng suy thoái kinh tế.

Lãi suất

Để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty có sử dụng nguồn vốn vay ngắn hạn và dài hạn. Vì vậy, sự biến động lãi suất ít nhiều cũng có ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Nếu lãi suất thị trường tăng sẽ làm tăng chi phí nợ, qua đó sẽ làm ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh của công ty.

Tỷ giá hối đoái & Lạm phát

Hoạt động kinh doanh của Công ty thanh toán chủ yếu bằng ngoại tệ do cả đầu vào và đầu tư đều liên quan nhiều đến xuất nhập khẩu. Do đó, việc biến động tỷ giá chắc chắn sẽ ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh của Công ty.

Chỉ số lạm phát ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty thông qua các chi phí nguyên liệu đầu vào. Nếu tốc độ lạm phát cao hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế, chắc chắn sẽ khiến chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty tăng cao do tăng giá nguyên liệu, giá nhân công, ... Để đối phó với vấn đề này, Công ty luôn tăng cường hoạt động kiểm soát, quản lý biến động giá cả nguyên vật liệu để kịp thời đưa ra các biện pháp xử lý linh hoạt nhằm tối thiểu hoá chi phí.

Rủi ro về luật pháp

Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên của tổ chức thương mại thế giới (WTO) là cơ hội để hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế thế giới đang mở ra trước mắt. Các Công ty Việt Nam đang đứng trước các cơ hội làm ăn mới, thông thoáng hơn nhưng cũng bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về tính biến động pháp lý mang lại.

Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật đầu tư mới có hiệu lực thi hành vào ngày 01/07/2006, các Luật liên quan đến đất đai, hoạt động đầu tư bất động sản sắp được sửa đổi, bổ sung và ban hành mới sẽ tạo ra những biến động nhất định trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Rủi ro đặc thù

Rủi ro về cạnh tranh

TNG và các doanh nghiệp dệt may Việt Nam chịu sự cạnh tranh rất gay gắt từ các đối thủ Trung Quốc, Ấn Độ, Indonexia, ... Áp lực cạnh tranh từ các đối thủ này luôn đòi hỏi Công ty phải đảm bảo chất lượng, giá cạnh tranh, đảm bảo tiến độ hợp đồng, ...

Rủi ro về thị trường

Là một doanh nghiệp xuất khẩu nên mọi biến động của thị trường thế giới có ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy Việt Nam chính thức gia nhập WTO năm 2006, song việc thực hiện lộ trình gia nhập còn cần có thời gian. Do đó, bên cạnh những thuận lợi Công ty vẫn còn chịu một số các rủi ro từ việc áp thuế chống bán phá giá, cơ chế giám sát, các rào cản kỹ thuật ... từ các thị trường này. Dưới sự hỗ trợ của Bộ Công thương, Công ty đã chủ động xây dựng những phương án tích cực để phòng ngừa, đối phó như: Ký các đơn hàng giá cao, tham khảo mức giá FOB mà các đơn vị khác trong ngành đã thực hiện hoặc tham khảo tốc độ hàng xuất cùng chủng loại vào các thị trường nhạy cảm.

Rủi ro về nguồn cấp nguyên vật liệu

Vì nguồn nguyên vật liệu chính của Công ty thường phải nhập khẩu từ nước ngoài (hơn 60%), nên sự biến động về số lượng và giá cả cả nguồn cung có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Trong thời gian qua, Công ty đã thực hiện các biện pháp để hạn chế các rủi ro này.

Rủi ro khác

Một số rủi ro khác ít khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra cũng sẽ ảnh hưởng rất lớn đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty như thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh, động đất, ...





CƠ CHẾ ĐỐI PHÓ VÀ GIẢM THIỂU RỦI RO



Quản trị nguồn nhân lực

Duy trì hoạt động tuyển dụng trên diện rộng theo hướng minh bạch thông tin và có quy trình rõ ràng. Tuân thủ quy trình cụ thể từ bước đăng tuyển, sàng lọc ứng viên, sát hạch, phỏng vấn và đào tạo (nếu có).

Đẩy mạnh các hoạt động đào tạo nội bộ, nhằm tìm kiếm thế mạnh cạnh tranh xuất phát từ chính năng lực của mỗi CBCNV.

Cán bộ quản lý, cán bộ nghiệp vụ đều được hỗ trợ tối đa để tham gia các khoá đào tạo chứng chỉ chuyên môn nhằm đáp ứng công việc.

Bên cạnh đó, trong năm 2014, TNG tiếp tục thực hiện và phát triển chính sách chi trả thu nhập gắn liền với yêu cầu công việc và hiệu quả công việc một cách công bằng và minh bạch. TNG nghiên cứu chính sách sao cho phù hợp nhất với sự cống hiến của mỗi cá nhân và đảm bảo sự công bằng trong nội bộ, cũng như cạnh tranh trên thị trường và tạo động lực cho CBCNV. TNG tin rằng, một hệ thống đánh giá công bằng là điểm mấu chốt để tạo và giữ động lực cho CBCNV trong công việc.

Công nghệ thông tin

Trong khi tiếp tục hoàn thiện nâng cao sản phẩm dịch vụ, việc đảm bảo an toàn bảo mật thông tin được đặt lên hàng đầu.

Lấy yếu tố con người làm trọng tâm, TNG liên tục tinh lọc bộ máy, xây dựng đội ngũ CNTT chất lượng cao. Hiệu quả công việc cũng được lượng hoá bằng những thước đo cụ thể nhằm nâng cao tinh cạnh tranh, đánh giá hiệu suất và sàng lọc nhân viên.

Duy trì hệ thống hạ tầng ổn định, bảo mật, an toàn và linh hoạt đáp ứng đầy đủ nhu cầu cho các hoạt động kinh doanh hàng ngày. Hệ thống máy chủ, các thiết bị hạ tầng và đường truyền kết nối liên tục được nâng cấp và hiện đại hoá nhằm đáp ứng nhu cầu không chỉ hiện tại mà còn sẵn sàng cho việc mở rộng trong tương lai.

Quản trị Công ty theo ERP

Lợi thế cạnh tranh của TNG nằm ở quản trị doanh nghiệp. Từ mấy năm trước, TNG đã đầu tư hệ thống quản trị. Tất cả các hoạt động kinh doanh của công ty và tình hình làm việc của công nhân đều được hệ thống quản trị ghi lại, giúp công ty quản lý tốt đơn hàng, tình hình sản xuất, tình hình cung cấp hàng hoá cho khách hàng cũng như quá trình giao hàng.

Quan hệ nhà đầu tư & cổ đông

Nhằm hỗ trợ hoạt động của HĐQT để việc quản lý giám sát việc thực hiện các quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông được thực hiện phù hợp với pháp luật, TNG đã thành lập Ban quan hệ cổ đông vào ngày 03/11/2014, theo nguyên tắc:

- *Đảm bảo quyền lợi của cổ đông.*
- *Đối xử công bằng giữa các cổ đông.*
- *Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty.*

Ban quan hệ cổ đông giải quyết mọi thắc mắc, khiếu nại về chủ trương, chính sách liên quan đến hoạt động của TNG hay liên quan đến quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hoặc bất cứ quyền và nghĩa vụ nào được pháp luật quy định; theo hai hướng: chủ động cung cấp thông tin và cung cấp thông tin theo yêu cầu.

TNG chủ động cung cấp thông tin về tình hình hoạt động của mình trên Website của Công ty <http://tng.vn>. Đây là cổng thông tin trực tuyến cung cấp thông tin nhanh và đầy đủ nhất về tình hình hoạt động của TNG. Tại website có bố trí mục riêng về Quan hệ cổ đông, trong đó, nhà đầu tư và cổ đông sẽ tìm thấy các thông tin đã được công bố ra công chúng, báo cáo tài chính, tài liệu họp ĐHCĐ thường niên cùng những văn bản quan trọng khác như Điều lệ, Quy chế quản trị công ty. Website đang được hoàn thiện theo hướng cung cấp thông tin bằng hai thứ tiếng: tiếng Việt và tiếng Anh, để thuận tiện cho nhà đầu tư và cổ đông nước ngoài tham khảo, theo dõi.

TNG công khai liên lạc của Ban quan hệ cổ đông và người được uỷ quyền công bố thông tin trên Website của Công ty. Nhà đầu tư và cổ đông có thể liên hệ để được cung cấp thông tin theo yêu cầu nếu thông tin đó được cung cấp ra công chúng. TNG tạo nhiều kênh trao đổi thông tin như qua Website, điện thoại, email hoặc tiếp xúc trực tiếp tại văn phòng ... nhằm đảm bảo việc công bố thông tin cũng như nhận phản hồi yêu cầu từ nhà đầu tư và cổ đông một cách chính xác, kịp thời.



TIP

Đầu tư nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Đầu tư cho cán bộ quản lý, cán bộ nghiệp vụ đi đào tạo nâng cao trình độ kỹ thuật làm việc ở trong và ngoài nước. Ưu tiên số 1 là cán bộ kỹ thuật và cán bộ đơn hàng.
- Đầu tư bằng cơ chế tiền lương, đề bạt bổ nhiệm và các chế độ phúc lợi khác thu hút được cán bộ có năng lực và trình độ cao vào làm việc cho công ty.
- Cùng cố, phát triển mạnh đội ngũ phòng kinh doanh của công ty.
- Thương, phạt đúng lúc, đúng người.

Đầu tư nâng cao chất lượng công tác quản lý

- bằng việc đầu tư ứng dụng các phần mềm vào công tác quản lý, phần đầu đến hết năm 2015 tất cả các số liệu sản xuất kinh doanh của công ty đều được cập nhật và online trên phần mềm máy tính và ứng dụng các kỹ năng quản lý tiên tiến vào công tác điều hành sản xuất kinh doanh.
- Hoàn chỉnh phần mềm quản lý ERP và theo dõi các chế độ chính sách cho người lao động kiểm soát được việc thanh toán chế độ không đúng quy định.
- Đầu tư phần mềm về theo dõi tất cả những hoạt động sản xuất đánh giá chất lượng cán bộ, phần đầu đến hết năm 2015 việc đánh giá chất lượng cán bộ quản lý, cán bộ nghiệp vụ của toàn công ty được lượng hoá bằng điểm số theo phần mềm.
- Tiếp tục nghiên cứu để ứng dụng các phần mềm tiên tiến khác vào công tác quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của công ty để giảm chi phí, tăng được giá trị gia tăng cho sản phẩm và tăng được hiệu quả sản xuất kinh doanh.

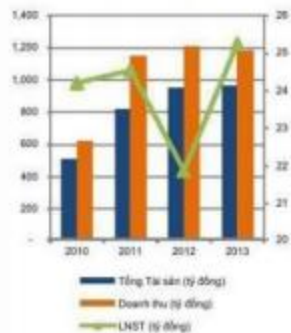
Đầu tư cơ sở vật chất

- Tiếp tục đầu tư thêm một số máy móc thiết bị chuyên dùng để làm được các đơn hàng có chất lượng cao mang lại hiệu quả kinh tế lớn hơn cho công ty.
- Tiếp tục nghiên cứu lập các dự án đầu tư cho sản phẩm mới để khi khấu hao hết giá trị đầu tư của các nhà máy may thì đầu tư tiếp.
- Bảng kế hoạch kinh doanh của Công ty được xây dựng trên cơ sở các khảo sát thực tế và dự báo của Công ty về tình hình ngành cũng như trên cơ sở tham khảo kế hoạch chiến lược của Hiệp hội dệt may, dự kiến của các khách hàng lớn, khách hàng tiềm năng và chương trình phát triển kinh tế xã hội của địa phương tỉnh Thái Nguyên. Vì vậy, Công ty tin chắc rằng khi tình hình kinh doanh của Công ty được đặt trong bối cảnh hiện nay và những năm sắp tới thì mục tiêu mà Công ty đặt ra là có cơ sở để đạt được.

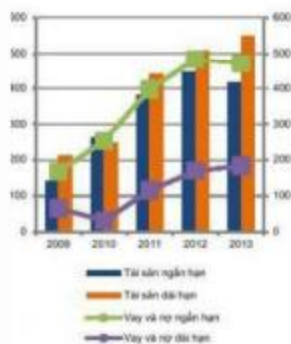
HOẠT ĐỘNG SXKD



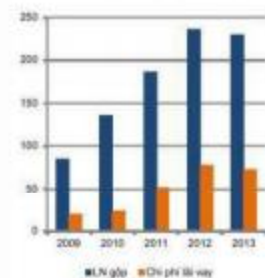
Tổng tài sản – Doanh thu – LNST



Cơ cấu Tài sản và Nợ



Chi phí lãi vay - LN Gộp



TNG có doanh thu năm 2013 cao thứ 3 trong nhóm doanh nghiệp dệt may xuất khẩu niêm yết. Trong giai đoạn 2009 – 2013, tăng trưởng doanh thu trung bình đạt 25,84%, tăng trưởng mạnh nhất trong các năm 2010 và 2011 với mức tăng trưởng lần lượt là 32,14% và 84,09%. Vay và nợ ngắn hạn/dài hạn tăng mạnh qua các năm, cùng với đó, tài sản dài hạn cũng tăng nhưng mức tăng lớn hơn so với tài sản ngắn hạn. Tại ngày 31/12/2013, vốn lưu động ròng của TNG âm 144,81 tỷ đồng.

• Cơ cấu vốn và cơ cấu tài sản:

Cơ cấu tài sản của TNG: tài sản dài hạn chiếm trên 50% tổng tài sản qua các năm. Năm 2011, tài sản ngắn hạn chỉ tăng 45,13%/yoy, trong khi tài sản dài hạn tăng đến 78%/yoy; năm 2013, tài sản ngắn hạn giảm 6,26%/yoy, tài sản dài hạn tăng 8,22%/yoy so với năm trước.

Hiện đơn bẫy tài chính của TNG ở mức 4,39, cao nhất trong nhóm các doanh nghiệp dệt may niêm yết (A/E trung bình của nhóm ngành là 2,32). Bên cạnh đó, Vay nợ ngắn hạn và dài hạn của TNG hiện chiếm tới 67,88% tổng tài sản.

• Về năng lực hoạt động:

Q3.2013, vòng quay hàng tồn kho của TNG là 3,72, ở mức trung bình trong nhóm dệt may (thấp hơn TCM và GMC, với vòng quay hàng tồn kho đều ở mức trên 4), vòng quay khoản phải thu là 12,69 cao hơn và tốt hơn trung bình ngành, và vòng quay khoản phải trả là 15,87, cao hơn so với GMC (13,47) nhưng thấp hơn TCM (19,6)

• Về thanh khoản tài chính:

Do vốn lưu động ròng của TNG đang ở mức âm nên thanh khoản tài chính của Công ty hiện ở mức thấp nhất trong nhóm công ty dệt may với hệ số thanh toán ngắn hạn là 0,742 và hệ số thanh toán nhanh là 0,26; trong khi hệ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh trung bình ngành lần lượt ở mức 1,39 và 0,66.

• Về khả năng sinh lời:

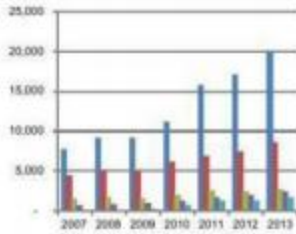
Tổng kết 2013, doanh thu TNG đạt 1181,92 tỷ đồng, giảm 2,26% so với năm 2012. Lợi nhuận gộp đạt 229,99 tỷ đồng, giảm 2,53%/yoy, biên LNG đạt 19,46% (thấp hơn so với 2012, biên LNG 2012 = 19,51%).

Chi phí lãi vay giảm 6,56% so với cùng kỳ 2012, chi phí bán hàng tăng nhẹ, chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 7,62%. Do đó, LNST 2013 đạt 25,25 tỷ đồng, tăng 15,37%/yoy, biên LN thuần đạt 2,14% cao hơn so với biên LN thuần đạt 1,81% của năm 2012.

ROE (Q3.2013) là 11,83%, mức trung bình trong nhóm, cao hơn TCM (11,4%) nhưng thấp hơn GMC (31,03%). ROA (Q3.2013) ở mức 2,6%, gần thấp nhất trong nhóm ngành, trong khi ROA trung bình ngành là 5,15%, TCM là 3,93% và GMC là 9,92%, nguyên nhân do Công ty đầu tư nhiều vào tài sản cố định.



Chỉ tiêu cơ bản	TNG	TCM	GMC
Cơ cấu vốn			
Vốn vay/VCSH	2.98	1.26	1.01
Tổng tài sản/VCSH	4.39	2.70	3.10
Cơ cấu tài sản			
TS dài hạn/ Tổng TS	0.57	0.52	0.29
TS ngắn hạn/Tổng TS	0.43	0.48	0.72
Khả năng thanh toán			
Hệ số TT nhanh	0.74	1.02	1.12
Hệ số TT ngắn hạn	0.24	0.33	0.52
Năng lực HD Q3.2013			
Vòng quay phải thu	12.69	16.99	7.36
Vòng quay tồn kho	3.72	4.08	4.99
Vòng quay phải trả	15.87	19.60	13.47
Khả năng sinh lời (%) Q3.2013			
Lợi nhuận gộp biên	15.13	13.59	11.98
ROS	1.19	5.20	4.00
ROE	11.84	11.41	31.03
ROA	2.59	3.93	9.92

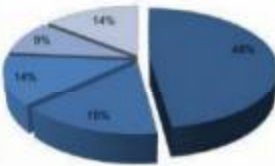


■ Tổng XK dệt may ■ Mỹ ■ EU ■ Nhật Bản ■ Hàn Quốc

Nguồn: Hiệp hội dệt may Việt Nam, Tổng cục Hải quan (Đơn vị: triệu USD)

XK của Việt Nam 11T 2013

■ Mỹ ■ EU ■ Nhật Bản ■ Hàn Quốc ■ Nước khác



Nguồn: Hiệp hội dệt may Việt Nam

Việt Nam hiện là nước xuất khẩu dệt may lớn thứ 5 trên thế giới, ngành dệt may là ngành kinh tế mũi nhọn với gần 4.000 doanh nghiệp, thu hút 2,5 triệu lao động. Trong năm 2012, ngành dệt may đã tạo doanh thu gần 20 tỷ USD, chiếm khoảng 15% GDP cả nước. **Kết thúc năm 2013, theo số liệu thống kê 12 tháng của Tổng cục Hải quan, tổng kim ngạch xuất khẩu xơ sợi và hàng dệt may đạt 20,096 tỷ** (chỉ đứng sau nhóm hàng điện thoại linh kiện), tăng 18% so với năm 2012, vượt chỉ tiêu hơn 1 tỷ USD.

Năm 2013, nhập khẩu dệt may của Mỹ từ Việt Nam tăng 14,07% về giá trị, mức tăng mạnh nhất trong nhóm 10 nhà cung cấp lớn nhất vào thị trường nước này, nhập khẩu dệt may của Mỹ trong năm ước đạt 105 tỷ USD, tăng 4,04%/yoy. Hiện Việt Nam là nhà xuất khẩu hàng dệt may lớn thứ 2 vào Mỹ sau Trung Quốc với thị phần 10,13%, tăng so với mức 9,23% năm 2012, trong khi đó thị phần của các nước khác xuất khẩu vào Mỹ đều giữ ổn định thậm chí giảm nhẹ. Năm 2014, xuất khẩu dệt may của Việt Nam sang Mỹ được kỳ vọng sẽ đạt 10 tỷ USD, tăng 17% so với năm 2013.

Đối với các thị trường trọng điểm còn lại là EU, Nhật Bản và Hàn Quốc, dệt may Việt Nam vẫn duy trì được đà tăng trưởng ấn tượng. Trong năm 2013, xuất khẩu dệt may của Việt Nam sang EU đạt 2,66 tỷ USD, tăng 11,76%/yoy (tổng kim ngạch nhập khẩu dệt may vào EU chỉ tăng 0,52% so với năm 2012). Đối với thị trường Nhật Bản, nhập khẩu từ Việt Nam ước đạt 2,39 tỷ USD, tăng 33,4% về giá trị và tăng 11,3% về lượng; dự kiến kim ngạch XK sẽ đạt từ 2,8 – 3 tỷ USD trong năm 2014. Đối với thị trường Hàn Quốc, nhập khẩu từ Việt Nam ước đạt 1,67 tỷ USD, tăng 53,92% so với năm 2012.

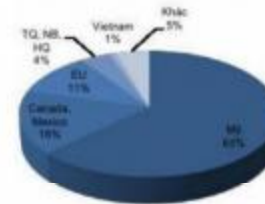
Tình trạng thừa đơn hàng, thiếu nguyên phụ liệu vẫn đang tiếp diễn. Tổng kim ngạch nhập khẩu nguyên phụ liệu dệt may năm 2013 ước đạt 13,58 tỷ USD, tăng 19,1%/yoy. Cụ thể, theo tổng cục hải quan, nhập khẩu bông nguyên liệu đạt hơn 581 ngàn tấn, trị giá 1,17 tỷ USD, tăng 39,1% về lượng và tăng 33,4% về trị giá so với năm 2012; nhập khẩu vải đạt gần 8,4 tỷ USD, tăng 19,3%/yoy. Trong khi đó, nhiều doanh nghiệp đã nhận được đơn hàng đến hết Q2.2014, do vậy, NK NPL dệt may năm 2014 được dự đoán sẽ tăng khoảng 15% so với năm 2013.

Triển vọng từ đàm phán TPP: dù trong năm 2013, đàm phán TPP vẫn chưa đi đến kết quả cuối cùng nhưng các bên vẫn mong muốn tiếp tục đàm phán và kỳ vọng sẽ hoàn thành trong năm 2014. Tuy nhiên quy tắc xuất xứ "từ sợi trở đi" sẽ vẫn là rào cản lớn với ngành dệt may khi đa phần NPL phải nhập khẩu từ Trung Quốc, do vậy nhằm đón đầu cơ hội từ TPP, một số doanh nghiệp sản xuất xơ, sợi, dệt có tên tuổi trên thế giới đã tới Việt Nam để đầu tư, ngoài ra tập đoàn dệt may cũng đang tiến hành cơ cấu, tập trung phát triển nhóm ngành NPL dệt may.

Tháng 4 sẽ có chuyến công du của Tổng Thống Hoa Kỳ Obama tới các quốc gia châu Á. Giới quan sát cũng đang kỳ vọng sẽ có những cải thiện nhất định trong tiến trình đàm phán TPP sau chuyến công du này.

Triển vọng từ TPP: các thị trường chủ độ của TNG là Mỹ, Canada, Mexico, EU, Nhật Bản và Hàn Quốc đều là các quốc gia đang tham gia đàm phán TPP, tuy nhiên 60% nguồn nguyên liệu chính của Công ty phải nhập khẩu từ nước ngoài là Trung Quốc, Hàn Quốc, Pakistan, Đài Loan do vậy nguyên tắc "từ sợi trở đi" sẽ là một rào cản lớn để tận dụng cơ hội từ TPP.

Thị trường của TNG năm 2012



TNG là một trong những doanh nghiệp đầu ngành dệt may với doanh thu 2013 cao thứ 3 trong nhóm các doanh nghiệp dệt may xuất khẩu niêm yết (chỉ sau TCM và GMC). Tiền thân của Công ty là xí nghiệp may Bắc Thái, được thành lập ngày 22/11/1979. Vốn điều lệ là hơn 134,61 tỷ đồng. Ngoài ngành nghề kinh doanh cốt lõi là sản xuất hàng may mặc, các ngành nghề kinh doanh phụ trợ bao gồm: sản xuất bao bì cát tông, túi PE, sản xuất bông tấm, chăn bông, thêu công nghiệp, giặt công nghiệp.

4 hệ thống nhà máy may với tổng số chuyên may là 156 chuyên với số lao động trên một vạn người, hệ thống nhà máy gồm nhà máy may Việt Đức, nhà máy may Việt Thái, nhà máy may Sông Công 1-2-3-4 và nhà máy may Phú Bình 1-2-3-4. Ngoài ra, TNG đang triển khai dự án nhà máy may Đại Từ quy mô đầu tư 16 chuyên may, tổng mức đầu tư của dự án là 99 tỷ đồng, tiến độ thực hiện dự án từ Q4.2013 đến Q4.2014.

TNG có nhà máy thêu với 14 máy thêu, công nghệ thêu vi tính, công suất 2,1 tỷ mũi/năm. Bên cạnh đó, Công ty còn có nhà máy sản xuất bao bì Cát tông, túi PE (công suất bao bì 1 triệu m²/năm; công suất sản xuất túi PE 150 tấn/năm), nhà máy giặt (công suất giặt 1.100 tấn/năm), nhà máy sản xuất bông tấm, chăn bông (công suất sản xuất bông tấm 2,2 triệu m²/năm; công suất chăn bông 395.000 m²/năm).

Sản phẩm chính của Công ty là áo Jacket, quần Áo, quần bò, chủ yếu dành cho thị trường xuất khẩu; đặt mục tiêu tăng tỷ lệ doanh thu hàng nội địa lên 15% trong năm 2015. Công ty đang tiếp cận và khai thác thị trường Nhật Bản nhằm tránh phụ thuộc quá nhiều vào thị trường Mỹ. Các khách hàng chính của TNG gồm: Wal-mart, Zara, Mango, CK, GAP... Ngoài ra, những công nghệ sản xuất đang được TNG sử dụng bao gồm: Công nghệ cắt laser, Công nghệ may không chỉ, Công nghệ dán ép, Công nghệ nhồi lông vũ tự động, Công nghệ may tự động hóa bằng máy lập trình điện tử.



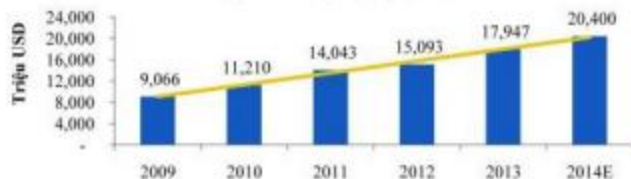


Triển vọng ngành

Đur địa phát triển của ngành còn rất lớn khi cơ hội Việt Nam tham gia kỳ kết các hiệp định tự do thương mại như TPP đang đến gần.

Ngành dệt may luôn được kỳ vọng và xác định là một trong những ngành xuất khẩu mũi nhọn của Việt Nam. Trong giai đoạn từ 2009 đến 2013, kim ngạch xuất khẩu của ngành dệt may nói chung và hàng may mặc nói riêng luôn duy trì tốc độ tăng trưởng tốt và ổn định, tương ứng với 20,5% CAGR và 18,6% CAGR. Theo báo cáo của Bộ Công thương, 7 tháng đầu năm 2014, xuất khẩu dệt may đạt 11,48 tỷ USD, tăng 19,4% yoy và hoàn thành 56% kế hoạch xuất khẩu dự kiến của toàn ngành. Ngành dệt may Việt Nam cũng dẫn đầu định minh trên thị trường quốc tế thể hiện qua việc các đơn hàng của các công ty may xuất khẩu trong nước hầu như đều tăng về số lượng và giá trị. So với năm 2013, kim ngạch xuất khẩu tại các thị trường lớn đều tăng trưởng ấn tượng với hai con số: thị trường Mỹ tăng 14,85%; thị trường châu Âu tăng trên 26%; thị trường Nhật Bản tăng 13,82%; thị trường Hàn Quốc tăng 36%.

Kim ngạch XK hàng may mặc (USD)



(Nguồn: Tổng cục thống kê, Bộ Công thương)

Thủ tướng Chính phủ và Bộ Công thương đã lần lượt ra các quyết định mang tính chiến lược về quy hoạch phát triển ngành công nghiệp Dệt may Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030. Các quyết định nêu rõ kế hoạch đầu tư phát triển vùng nguyên liệu, đào tạo nhân lực cũng như đẩy mạnh các đàm phán thương mại đa quốc gia nhằm đa dạng hóa thị trường cho ngành dệt may. Tuy nhiên, các hiệp định thương mại đang đàm phán, đặc biệt là hiệp định TPP khả năng cao sẽ bị đẩy lùi vào nửa đầu năm 2015.

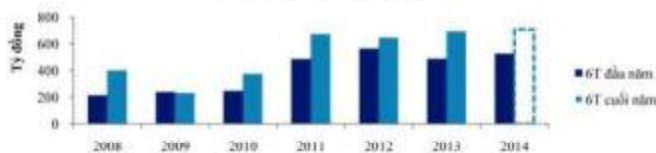
Trong thời điểm kinh tế còn nhiều khó khăn như hiện nay, dệt may được đánh giá là một trong số ít những ngành vẫn giữ được tăng trưởng dương và ổn định. Và qua các số liệu thống kê của ngành cũng như chủ trương của chính phủ, chúng tôi nhận thấy rằng tiềm năng phát triển của ngành dệt may vẫn còn dư địa rất lớn và sẽ kéo dài ít nhất khoảng 20 năm nữa.

Triển vọng năm 2014

Tiếp tục kiểm soát tốt chi phí bán hàng và chi phí QLDN như 6 tháng đầu năm theo đó LNST nửa cuối năm 2014 sẽ đạt khoảng 25 tỷ đồng (+178% yoy), lũy kế cả năm LNST đạt 45 tỷ đồng (+105% yoy, hoàn thành 90% kế hoạch). EPS ước tính đạt mức 1.580 đồng.

TNG đặt kế hoạch doanh thu đạt 1.426 tỷ đồng (+19% yoy) và LNST đạt 50 tỷ đồng (+356% yoy). Kế hoạch này đặt ra từ tháng 04.2014, dựa trên kết quả sản xuất kinh doanh của Q1.2014. Tính đến hết Q2.2014, TNG đã hoàn thành được 40% kế hoạch LNST và 36% kế hoạch DTT.

Doanh thu theo kỳ bán niên



(Nguồn: TNG, VCBS tổng hợp)

Ngành dệt may có tính mùa vụ do hầu hết các đơn hàng tập trung nhiều vào mùa cao điểm là từ tháng 5 đến tháng 8 (tức Q2-Q3) và giảm dần về cuối năm (mùa thấp điểm là Q1). DT 6 tháng

cuối năm thường cao hơn DT 6 tháng đầu năm. Qua trao đổi với doanh nghiệp, số lượng đơn hàng của TNG khá ổn định và có chiều hướng gia tăng qua từng năm do đã tạo dựng được uy tín với các đối tác. Do vậy, DT 6 tháng cuối năm 2014 của TNG có thể tăng cao hơn 35% so với DT 6T đầu năm, đạt khoảng 709 tỷ. Theo đó, DT cả năm 2014 ước tính sẽ đạt 1.234 tỷ (tương đương 87% kế hoạch đặt ra).

Giá nguyên liệu bông đang xuống thấp nhất so với 4 năm trở lại đây, diễn biến khá ổn định và có khả năng tiếp tục giảm trong giai đoạn tới do Trung Quốc giảm khối lượng dự trữ bông. Tuy nhiên giá nguyên liệu thô khác như sợi tổng hợp được dự đoán sẽ biến động nhẹ trong nửa cuối năm 2014. Biến LN góp do vậy cũng sẽ không biến động nhiều.

Chi nhánh Phú Bình 3 và 4 của TNG đã được đưa vào hoạt động khoảng hơn 1 năm trở lại đây nhưng vẫn chưa hoạt động được hết công suất do thiếu nguồn nhân lực có trình độ, tỷ lệ nghỉ việc khá cao nên chi phí để đào tạo và quản lý doanh nghiệp chưa thể cải thiện ngay lập tức. Tuy nhiên, nguồn nhân lực của hai chi nhánh này bắt đầu đi vào ổn định và đem lại kết quả khá quan trọng cho TNG trong 6 tháng đầu năm. Chúng tôi cho rằng TNG sẽ tiếp tục kiểm soát tốt chi phí bán hàng và chi phí QLDN. Theo đó, LNST nửa cuối năm 2014 sẽ đạt khoảng 25 tỷ đồng (+178% yoy), lũy kế cả năm LNST đạt 45 tỷ đồng (+105% yoy, hoàn thành 90% kế hoạch). EPS ước tính đạt mức 1.580 đồng.

Kế hoạch tăng vốn đợt 2 của TNG vào quý 4 này thông qua việc phát hành 5.676.191 cổ phiếu (tương đương khoảng 57 tỷ đồng) cho cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên được chúng tôi đánh giá là khả thi và sẽ giúp phần giảm bớt hệ số nợ của TNG. Theo đó, LN và khả năng thanh toán của công ty cũng sẽ được cải thiện dần. Hiện tại, những vấn đề chính của TNG cần giải quyết chính là việc cơ cấu lại nguồn vốn để giảm chi phí lãi vay, tăng cường quản lý nâng cao chất lượng nhân công.



Vị thế của TNG trong ngành

Ngành hàng dệt may là một trong những ngành chủ đạo của công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, liên quan đến các khâu sản xuất sợi, dệt nhuộm, vải, thiết kế sản phẩm, hoàn tất hàng may mặc và phân phối hàng may mặc đến tay người tiêu dùng. Công ty Cổ phần Đầu Tư và Thương Mại TNG tập trung hoạt động sản xuất từ khâu may hàng hóa cho đến khâu phân phối đến người tiêu dùng.

TNG từng là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, được thành lập từ năm 1979 khi nền kinh tế Việt Nam đang còn là nền kinh tế tập trung với tên gọi Xí nghiệp may Bắc Thái. Với bề dày lịch sử phát triển, Công ty đã phát triển bền vững trong suốt những năm qua. Năm 2003, TNG được phép cổ phần hóa và trở thành doanh nghiệp ngoài Quốc doanh thuộc sở hữu tư nhân. Đến năm 2007, Công ty được phép niêm yết trên sàn giao dịch HNX. Hiện nay, TNG nằm trong top 10 doanh nghiệp tiêu biểu toàn diện ngành May Việt Nam – theo Giải thưởng Doanh nghiệp tiêu biểu ngành Dệt may Việt Nam - một giải thưởng có uy tín, có sức lan toả tốt trong ngành Dệt may, được tổ chức 3 năm một lần do Bộ Công Thương chủ trì và Hiệp hội Dệt may Việt Nam thực hiện.

Với vị trí nằm trong TOP 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất, TOP 10 doanh nghiệp trong vô số những công ty may mặc có mặt tại Việt Nam, TNG đang chiếm những lợi thế lớn trong toàn ngành; trong các thế mạnh đó phải kể đến các hợp đồng gia công Quốc tế cho các nhãn hiệu nổi tiếng như ZARA, MANGO, GAP, C&A, CK, TCP, Columbia, Walmart, Marks & Spencer, Target, Decathlon, JCPenney, The Children Place. Mục tiêu lâu dài mà TNG hướng đến là bán hàng trực tiếp cho các nhà bán lẻ hàng đầu thế giới nhằm gia tăng lợi nhuận. Mặt khác TNG cũng đang tận dụng thế mạnh, khai thác và củng cố vị thế của mình đối với thị trường thời trang trong nước.

Hiện nay, TNG đã phát triển được hệ thống các xưởng may mặc rộng khắp tỉnh Thái Nguyên quy mô lớn với 12 chi nhánh may có trang thiết bị hiện đại; đồng thời xây dựng kênh TNG Fashion Store hứa hẹn TNG tăng trưởng đột phá trong thời gian tới.

Thông tin một số mã trong ngành sản xuất hàng may mặc xuất khẩu:

MA	TTS	VCSH	N _q /TTS	TS	ROA	ROE	EPS	BVPS
	(tỷ)	(tỷ)		LNR	(ttm)	(ttm)	(ttm)	
TNG	1.271	230	81,90%	2,42%	2,32%	12,81%	1.986	15.532
TCM	2.008	752	62,23%	5,63%	7,46%	19,91%	3.051	15.321
GMC	736	221	70,06%	4,32%	7,74%	25,86%	4.181	18.622
NPS	80	35	56,18%	6,49%	4,43%	10,11%	1.637	16.161
TB	1.024	310	67,59%	5,48%	6,55%	18,63%	2.714	16.409

Dữ liệu cập nhật đến Q2.2014

Triển vọng phát triển của ngành

Tăng trưởng xuất khẩu hàng Dệt may 2014

Sự phục hồi kinh tế thế giới năm 2014, đặc biệt là sự hồi phục kinh tế của Mỹ, Nhật Bản, EU, Hàn Quốc – những quốc gia tiêu thụ đến 70% giá trị hàng dệt may xuất khẩu Việt Nam. Theo thống kê của Tổng cục Hải quan, giá trị xuất khẩu ngành dệt may nửa đầu năm 2014 đạt 9,38 tỷ USD, tăng 19,8% so với cùng kỳ năm 2013 và chiếm 13,3% tổng kim ngạch xuất khẩu Việt Nam; đồng thời ngành dệt may vươn lên vị trí dẫn đầu về giá trị xuất khẩu trong 6 tháng đầu năm.

Cơ hội từ các Hiệp định Thương Mại Quốc tế

Giai đoạn sắp tới, ngành dệt may Việt Nam tiếp tục phát triển mạnh hơn nữa khi Việt Nam thuận lợi ký kết thành công các Hiệp định Quốc tế song phương và đa phương.

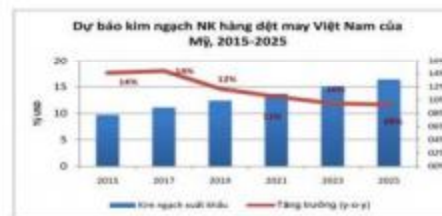
Hiệp định TPP- Hiệp định đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương

Khu vực TPP là khu vực tiêu thụ đến 60% hàng may mặc xuất khẩu của Việt Nam, đặc biệt là Mỹ. Thị trường Mỹ rất hấp dẫn và là thị trường lý tưởng cho ngành dệt may của bất kỳ nước nào. Với tổng số dân lên đến 317 triệu người, đa số sống ở thành thị, thu nhập cao chính vị thế nhu cầu nhập khẩu của Mỹ hơn 100 tỷ USD mỗi năm. Hiện nay, Trung Quốc đang là nước chiếm thị phần cao nhất với hơn 37% (dù đã giảm mạnh từ 50% trước đây), Việt Nam đứng thứ hai với 9%/năm và thị phần mỗi năm đang có xu hướng tăng đều.

Hiệp định đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương (TPP) đang ở giai đoạn đàm phán then chốt; đàm phán về 20 lĩnh vực xếp vào loại phức tạp về mặt kỹ thuật và nhạy cảm trong việc mở cửa thị trường. Mặc dù cuộc đàm phán giữa các nước vẫn chưa đạt được sự đồng thuận từ các nước thành viên nhưng cũng đã đạt được những tiến bộ nhất định. Một điểm đáng mừng cho Dệt may Việt Nam là Trung Quốc - nước đang chiếm thị phần lớn nhất vào Hoa Kỳ hiện vẫn chưa tham gia đàm phán vào Hiệp định TPP này. Đây là cơ hội để Việt Nam và các quốc gia khác có cơ hội gia tăng xuất khẩu hàng hóa vào Mỹ.

Dự báo kim ngạch nhập khẩu hàng Dệt may Việt Nam của Mỹ:

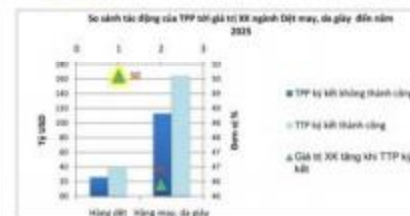
Theo các chuyên đề nghiên cứu Bộ Thương mại Mỹ, hàng Dệt may của Việt Nam sẽ tiếp tục được Mỹ nhập khẩu với kim ngạch ngày càng tăng. Dự kiến đến năm 2019, tỷ lệ kim ngạch nhập khẩu gia tăng sẽ ở quanh vùng 14%, và trong giai đoạn tiếp sau đó đến năm 2020, tỷ lệ này giảm dần và xuống 9,5% vào năm 2025.



Nguồn: Bộ Thương mại Mỹ

Bảng dự báo so sánh tác động của TPP:

Theo dự đoán của các chuyên gia, giá trị XK ngành dệt may của Việt Nam vào thị trường Mỹ và các nước thuộc khối nước TPP sẽ gia tăng đáng kể khi TPP được ký kết. Cụ thể là giá trị Xuất khẩu ngành dệt, may mặc và da giày sẽ tăng gấp rưỡi tính đến năm 2025. Hiệp định TPP kỳ vọng sẽ tạo nhiều tác động tích cực đến ngành hàng Dệt may Việt Nam.



(Nguồn: Nghiên cứu của giáo sư Peter Petri - Đại học Brandeis, 1/2011)



Hiệp định EVFTA – Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Liên minh Châu Âu

Phiên đàm phán lần thứ tám hiệp định này diễn ra ngày 27/06/2014 với nhiều kết quả khả quan cho các bên. Hai bên đều khẳng định quyết tâm sớm đạt được thỏa thuận về một EVFTA toàn diện. Ngoài ra, Việt Nam cũng đang tham gia đàm phán FTA với các khối nước EFTA (Thụy Sĩ, Na Uy, Iceland, Liechtenstein) và Liên minh Hải quan Nga – Belarus – Kazakhstan. Sự tiến triển trong các hiệp định này sẽ giúp cho tình hình Xuất Nhập khẩu của các mặt hàng nói chung và các mặt hàng ngành Dệt may nói riêng được tăng trưởng nhanh chóng.

Từ những thuận lợi nêu trên, Hiệp hội Dệt may Việt Nam (Vitas) kỳ vọng năm 2015 giá trị xuất khẩu ngành dệt may có thể cán đích 25 tỷ đến 27 tỷ USD đồng thời nâng tỷ lệ nội địa hóa lên mức 70- 75% vào năm 2020 thay vì hơn 48% nhu hiện nay.

Mục tiêu và định hướng Quốc gia đối với ngành Dệt may

Mục tiêu cho ngành Dệt may từ năm 2017-2020, Dệt may Việt Nam sẽ phấn đấu đứng trong top hai, hoặc top ba các nước xuất khẩu dệt may lớn nhất trên toàn thế giới. Đồng thời, Việt Nam sẽ phấn đấu để 5-7% thương hiệu Việt hội nhập và có chỗ đứng trong ngành thời trang, dệt may của thế giới. Đối với thị trường nội địa, tháng 04/2014 Bộ trưởng Bộ Công Thương đã phê duyệt quy hoạch phát triển ngành Dệt may đến năm 2020 tầm nhìn 2030 (Quyết định 3218/QĐ-BCT) với mục tiêu tăng trưởng xuất khẩu và tăng trưởng thị trường nội địa đạt 10% - 12% và một số quan điểm đáng lưu ý như sau:

Với quan điểm phát triển ngành dệt may theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững; chuyển dịch hướng sản xuất từ gia công sang mua nguyên liệu, bán thành phẩm; đảm bảo nâng cao chất lượng và đa dạng hóa các mặt hàng xuất khẩu. Lấy xuất khẩu làm phương thức cơ sở cho sự phát triển của ngành, đồng thời đáp ứng tối đa nhu cầu thị trường nội địa, tập trung phát triển mạnh các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, sản xuất nguyên phụ liệu, nâng cao giá trị gia tăng của các sản phẩm trong ngành; phát triển các khu công nghiệp sợi dệt nhuộm tập trung để tạo điều kiện xử lý chất thải bảo vệ môi trường.

Ngành Dệt may không những chiếm vị trí rất quan trọng trong cơ cấu ngành công nghiệp của Việt Nam mà đó còn là ngành được Chính phủ đặt làm ngành kinh tế mũi nhọn của Quốc gia. Do vậy, Nhà nước sẽ chú trọng đến việc đẩy mạnh sản xuất kinh doanh ngành may mặc của các công ty bằng cách đưa ra các chính sách đẩy mạnh, khuyến khích các doanh nghiệp may sản xuất để xuất khẩu, tận dụng cơ hội thị trường; xây dựng chương trình sản xuất vải phục vụ xuất khẩu phát triển các sản phẩm dệt kỹ thuật, y tế; và phát triển nguồn nguyên liệu bông, sợi, phụ liệu thông qua các phương án trồng cây lấy sợi như là bông. Đồng thời, nâng cao tính tự chủ và đẩy mạnh giá trị gia tăng trong từng sản phẩm của các công ty may mặc Việt Nam

Ngành Dệt may không những chiếm vị trí rất quan trọng trong cơ cấu ngành công nghiệp của Việt Nam mà đó còn là ngành được Chính phủ đặt làm ngành kinh tế mũi nhọn của Quốc gia. Do vậy, Nhà nước sẽ chú trọng đến việc đẩy mạnh sản xuất kinh doanh ngành may mặc của các công ty bằng cách đưa ra các chính sách đẩy mạnh, khuyến khích các doanh nghiệp may sản xuất để xuất khẩu, tận dụng cơ hội thị trường; xây dựng chương trình sản xuất vải phục vụ xuất khẩu phát triển các sản phẩm dệt kỹ thuật, y tế; và phát triển nguồn nguyên liệu bông, sợi, phụ liệu thông qua các phương án trồng cây lấy sợi như là bông. Đồng thời, nâng cao tính tự chủ và đẩy mạnh giá trị gia tăng trong từng sản phẩm của các công ty may mặc Việt Nam

Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Căn cứ vào tình hình nội tại của doanh nghiệp và các định hướng của ngành cùng chính sách của Nhà nước, Công ty cũng đã bàn luận trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và đưa ra những hướng triển khai phù hợp, đồng thời nâng cao vị thế đối với các doanh nghiệp sản xuất hàng may mặc trong nước. Cụ thể như sau:

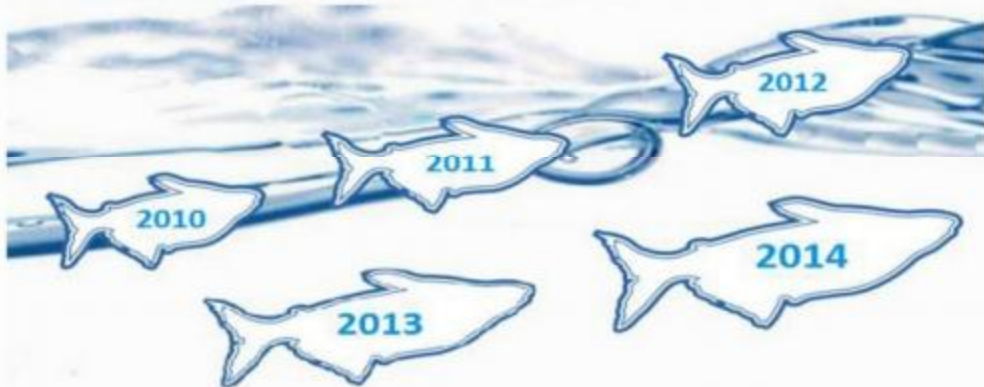
- May mặc giữ vai trò chủ đạo, từng bước đầu tư kinh doanh thêm các ngành sản xuất kinh doanh mới, trước hết để phục vụ trực tiếp cho hàng may mặc là giầy, bao bì, in, thêu,...

- Thị trường xuất khẩu vẫn là chính, tăng dần tỷ lệ doanh thu hàng nội địa lên 10 - 15% từ nay đến năm 2015, cân bằng giữa các thị trường, tránh phụ thuộc quá nhiều vào thị trường nước Mỹ, tiếp cận và khai thác thị trường Nhật Bản.

- Liên tục phát triển sản xuất theo cả chiều rộng và chiều sâu, phát huy tối đa công suất thiết kế để nâng cao năng suất lao động. Công ty cũng thường xuyên bổ sung, đổi mới máy móc thiết bị theo công nghệ mới.

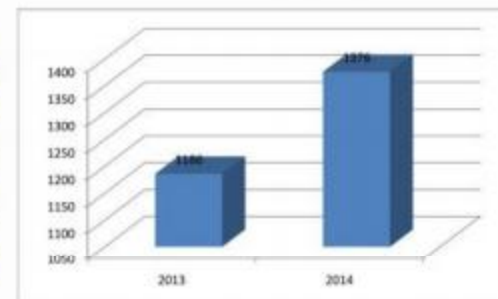
- Bên cạnh đó, cũng như các đơn vị trong ngành, Công ty luôn ý thức được sức nặng của thị trường nội địa với hơn 92 triệu dân, cơ cấu dân số trẻ, nhu cầu tiêu dùng ngày càng lớn. Định hướng phát triển ngành may là chủ lực, mở rộng sang các lĩnh vực phụ trợ đồng thời chú trọng phát triển thị trường nội địa là rất phù hợp với chiến lược phát triển toàn diện của ngành Dệt may Việt Nam trong thời gian tới..





Doanh thu tiêu thụ

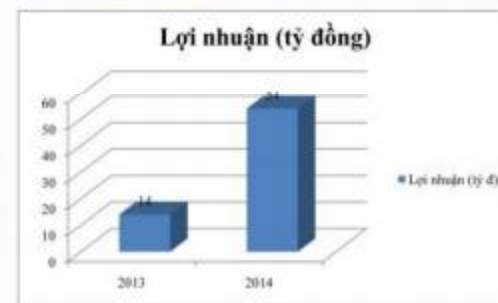
Doanh thu tiêu thụ đạt 96% so kế hoạch là do công ty chủ động thay đổi cơ chế quản trị công ty, thay đổi tỷ lệ FOB/ CMPT (Tỷ lệ hàng bán FOB/ Tỷ lệ hàng gia công) theo hướng doanh thu gia công tăng lên theo mục tiêu là khách hàng đem duy trì sự ổn định, tăng trưởng và lại lợi nhuận cho TNG. Mục tiêu đã thực hiện được theo việc tăng trưởng thể hiện ở mặt kim ngạch xuất khẩu tăng cao so năm 2013. Doanh thu 2014 so 2013 tăng 116%.



Lợi nhuận sau thuế

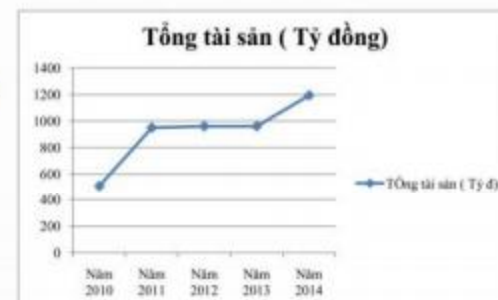
Lợi nhuận sau thuế đạt và vượt kế hoạch ĐHCĐ 2014 đã đề ra 108% so kế hoạch, đạt 378% so 2014 (lợi nhuận lấy số chẵn là 54 tỷ) do công ty đã breakdown, kiểm soát kết quả hoạt động kinh doanh theo tháng, công bố báo cáo KQSXKD theo tháng trên website tại www.tng.vn và <http://hnx.vn>

So với năm 2013 tăng 385%



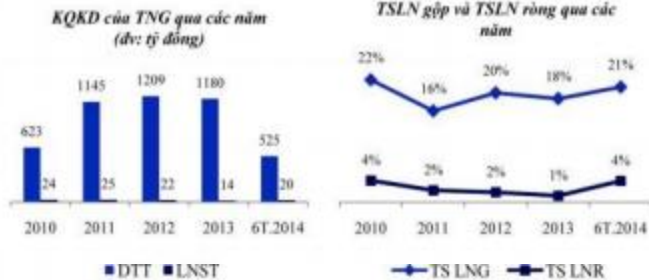
Tình hình tài sản

Tài sản của TNG năm 2014 tăng 124.17% so với năm 2013.

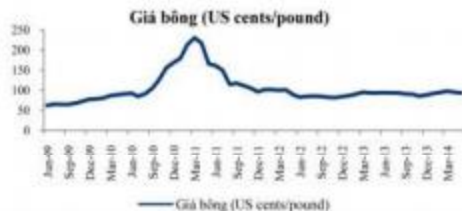




Kết quả kinh doanh: Kết thúc 6 tháng đầu năm 2014, TNG đã hoàn thành 36% kế hoạch doanh thu và 40% kế hoạch LNST.



KQKD 2010-2011 tăng trưởng đột biến, đặc biệt là năm 2010: Doanh thu năm 2010 tăng 32% yoy và LNST tăng tương ứng 33% yoy. Xét về mặt giá trị, doanh thu của năm 2010 không cao bằng năm 2011, tuy nhiên biên LN của năm 2010 khá cao nên LN đạt mức tăng trưởng ấn tượng nhất trong 5 năm trở lại đây. Đây là kết quả của việc thắt chặt và đổi mới công tác quản lý chi phí hoạt động của công ty. Năm 2011, doanh thu tăng mạnh về giá trị, đạt 1.145 tỷ đồng (tăng 83,79% yoy) chủ yếu nhờ vào 2 yếu tố chính: (1) sự phục hồi của nền kinh tế Bắc Mỹ. Đây là thị trường xuất khẩu lớn nhất của TNG chiếm 83,4% kim ngạch xuất khẩu và đóng góp 48,7 triệu USD vào tổng doanh thu của doanh nghiệp trong năm 2011; (2) nhà máy Phú Bình 1 và 2 bắt đầu đi vào hoạt động. Hai nhà máy này đã giúp TNG nâng công suất sản xuất của mình thêm 2 triệu sản phẩm jackets/năm. Tuy nhiên biên LN gộp năm 2011 chỉ đạt 16% so với mức 22% năm 2010 do giá bông ở mức cao và chi phí khấu hao tăng. Biên LN ròng cũng giảm mạnh xuống còn 2% do chi phí lãi vay tăng mạnh (tăng 125% yoy và chiếm 4,5% DTT).



(Nguồn: www.indexmundi.com)



Các chỉ tiêu tài chính khác

TNG có tỷ lệ đòn bẩy tài chính cao hơn trung bình ngành, khả năng thanh toán thấp. Công ty hiện đang tăng vốn hóa hên sẽ giúp tăng khả năng thanh toán và giảm chi phí lãi, cải thiện biên LN.

KQKD 2012-2013 tăng trưởng chững lại, có chiều hướng giảm: Doanh thu trong giai đoạn này bắt đầu tăng trưởng chững lại với tốc độ +1,46% CAGR (tính từ năm 2011). Với việc giá bông dần đi vào ổn định trong năm 2012 – 2013, biên LN gộp trong giai đoạn này cũng dần hồi phục đạt mức 19,51% năm 2012 và 18,48% năm 2013 (cao hơn so với trung bình các công ty xuất khẩu may mặc là 16,33%). Tuy nhiên, LNST giảm mạnh với tốc độ -25% CAGR do:

(1) TNG phụ thuộc nhiều vào việc sử dụng đòn bẩy tài chính cao để đầu tư mở rộng sản xuất, đổi mới máy móc thiết bị, cải tạo nhà xưởng khiến gánh nặng chi phí lãi vay tăng đáng kể (+ 49,81% yoy năm 2012), trung bình chiếm đến 6,3% doanh thu thuần;

(2) Nhân công tuyển vào chưa đáp ứng được nhu cầu mở rộng quy mô sản xuất cả về số lượng lẫn chất lượng khiến chi phí quản lý doanh nghiệp tăng cao (+39% yoy năm 2012 và +7,6% yoy năm 2013), trung bình chiếm tỷ trọng khoảng 9% doanh thu thuần.

KQKD 6T.2014, doanh thu tăng nhẹ, LNST tăng đột biến nhờ cơ cấu lại chi phí: Doanh thu đạt 525 tỷ đồng (+6,5% yoy) tương đương với 36% kế hoạch đặt ra và LNST đạt 20 tỷ đồng (+56,33% yoy) tương đương 40% kế hoạch. Việc TNG cơ cấu lại chi phí hoạt động của mình, ổn định nguồn lao động đã góp phần nới rộng biên LN ròng lên 4%. Cụ thể, chi phí bán hàng giảm 62% yoy và chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 92% yoy. Ngoài ra, do mặt bằng lãi suất cho vay cũng giảm từ 0,5% đến 1% so với cùng kỳ năm 2013 giúp cho chi phí lãi vay của TNG giảm 13,92% yoy.

Cơ cấu vốn và khả năng thanh toán: Cơ cấu vốn của TNG thiên về sử dụng vốn vay, với tỷ lệ đòn bẩy tài chính khá cao so với trung bình ngành và ngày càng tăng (từ 3,44 năm 2010 lên 4,54 năm 2013). Kể từ năm 2010 cho đến nay, TNG liên tục gặp khó khăn trong việc cân đối và quản lý nguồn vốn lưu động do sử dụng vốn ngắn hạn để đầu tư tài sản cố định. Vốn lưu động hiện đang âm khoảng 194 tỷ đồng. Đồng thời, chu kỳ chuyển đổi tiền mặt của TNG năm 2013 đang ở mức 119 ngày, cao hơn nhiều so với trung bình ngành là 91 ngày. Theo đó, các hệ số thanh toán ngắn hạn, tiền mặt và hiện hành đều thấp hơn trung bình ngành, lần lượt đạt 0,78, 0,24 và 0,01. Bên cạnh đó, hệ số khả năng thanh toán lãi vay của TNG hiện đang ở mức thấp là 1,23 so với trung bình ngành là 9,17.

TNG có kế hoạch tăng vốn điều lệ từ 134,6 tỷ đồng lên 284,8 tỷ đồng thông qua việc trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, cổ đông chiến lược và cán bộ công nhân viên theo chương trình ESOP. Sau khi trả cổ tức bằng cổ phiếu vào tháng 6 vừa qua, TNG đã nâng tổng vốn điều lệ của mình lên 148 tỷ đồng. Theo kế hoạch, việc phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và cho cán bộ công nhân viên sẽ thực hiện trong quý 4 tới. Trong khi đó, việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông chiến lược vẫn chưa có mốc thời gian cụ thể. Nếu thành công, kế hoạch tăng vốn này sẽ giúp công ty giảm bớt nợ, cải thiện đáng kể khả năng thanh toán lãi vay của TNG trong thời gian tới.

Khả năng sinh lời: Tổng tài sản của TNG tăng mạnh từ năm 2009 đến nay với tốc độ 31% CAGR nhờ tập trung đầu tư máy móc và xây dựng nhà xưởng. Tuy nhiên việc đầu tư tài sản này chưa đem lại hiệu quả rõ ràng cho doanh nghiệp khi KQKD tăng trưởng chậm có phần chững lại với 1,46% CAGR. Chúng tôi cho rằng TNG đang gặp nhiều khó khăn trong quản lý doanh nghiệp và sắp xếp vốn khi quy mô tăng trưởng mạnh kể từ năm 2010. Do vậy, các chỉ số ROE (ttm), ROA (ttm) của TNG đều thấp hơn so với các công ty cùng lĩnh vực kinh doanh tương ứng với 12,81% và 2,32%.

Đòng tiền: Tính đến hết Q2.2014, dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh của TNG đang âm 197 tỷ đồng chủ yếu là do đọng hàng tồn kho. Dòng tiền thuần từ hoạt động đầu tư của TNG cũng âm 48 tỷ đồng do chi phí mua sắm và xây dựng tài sản cố định tăng cao. Theo đó, dòng tiền từ hoạt động tài chính dương 240 tỷ đồng để bù đắp cho sự thiếu hụt dòng tiền từ HDKD và HDDT. Dòng tiền này đến chủ yếu từ việc tăng vay nợ ngân hàng (+3,1% yoy, tương đương 21 tỷ đồng) và lợi nhuận giữ lại thông qua việc trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông (tương đương 13,5 tỷ đồng). Tuy vậy, dòng tiền thu về này vẫn chưa đủ lớn nên lưu chuyển tiền thuần trong kỳ vẫn ở mức âm là 5,6 tỷ đồng.

Kết quả kinh doanh

Đơn vị (tỷ VNĐ)	2010	2011	2012	2013	2014
Doanh thu	623	1.147	1.209	1.180	1.377
Giá vốn	487	960	973	962	1.115
Lợi nhuận gộp	136	187	236	218	264
Doanh thu tài chính	9	16	5	2	3
Chi phí tài chính	36	76	81	76	68
Lợi nhuận sau thuế	24	25	22	14	53

Bảng cân đối kế toán

Đơn vị (tỷ VNĐ)	2010	2011	2012	2013	2014
Tiền & khoản tương đương tiền	23	60	14	12	14
Các khoản phải thu ngắn hạn	100	122	171	125	174
Hàng tồn kho	134	187	252	266	324
Tài sản cố định hữu hình	238	424	488	533	642
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1	1	5	5	5
Tổng tài sản	510	821	951	961	1.197
Nợ ngắn hạn	254	397	482	471	618
Nợ dài hạn	31	116	170	185	188
Vốn chủ sở hữu	148	215	213	212	262
Tổng nguồn vốn	510	821	951	961	1.197

Chỉ tiêu	2010	2011	2012	2013	2014
Chỉ tiêu tăng trưởng					
Tăng trưởng doanh thu (%)	32,1%	84,1%	5,5%	-2,4%	16,6%
Tăng trưởng lợi nhuận sau thuế (%)	32,6%	1,4%	-10,8%	-35,8%	278,8%
Chỉ tiêu sinh lời					
Lợi nhuận gộp biên (%)	21,8%	16,3%	19,5%	18,5%	19,1%
Lợi nhuận thuần biên (%)	3,9%	2,1%	1,8%	1,2%	3,9%
ROA (%)	5,6%	3,7%	2,5%	1,5%	4,9%
ROE (%)	20,3%	13,5%	10,2%	6,6%	22,5%
Chỉ tiêu cơ cấu vốn					
Tổng nợ/Tổng tài sản (%)	0,71	0,74	0,78	0,78	0,78
Tổng nợ/Tổng vốn chủ sở hữu (%)	2,44	2,83	3,47	3,54	3,55
Chỉ tiêu trên mỗi cổ phần					
EPS (đồng/cổ phần)	2.787	1.823	1.626	1.044	3.596
Giá trị sổ sách (đồng/cổ phần)	17.088	15.941	15.827	15.715	17.708

Chỉ tiêu thanh toán

Từ năm 2006 đến nay, Công ty phát triển mạnh theo hướng chú trọng xuất khẩu hàng FOB, do đó nguyên phụ liệu dự trữ thường rất lớn. Ngoài ra, với đặc thù sản xuất kinh doanh của Công ty, giá trị hợp đồng xuất khẩu thường từ vài trăm nghìn đến hàng triệu USD, thủ tục thanh toán mất khá nhiều thời gian (lên tới cả tháng), cộng với dự trữ nguyên phụ liệu và thành phẩm chờ xuất cho các đơn hàng lớn khiến hàng tồn kho chiếm tỷ lệ không nhỏ trong tổng tài sản (trên 27,03%). Mặc dù vậy, nhờ việc tìm nguồn, ký kết các hợp đồng tiêu thụ sản phẩm và mua nguyên vật liệu từ trước khi bắt đầu năm tài chính, Công ty vẫn chủ động được vốn lưu động trong sản xuất kinh doanh, đảm bảo được khả năng thanh toán.



Tình hình nợ phải trả

Theo công nợ với khách hàng nước ngoài giao dịch bằng L/C và các điều kiện thanh toán khác thì khi khách hàng nhận được chứng từ tiền hàng, sau đó tiến hành thanh toán ngay khi nhận được hàng.

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.
- Tình hình nợ hiện tại đối với nhà cung cấp và khách hàng theo hợp đồng vẫn trong kiểm soát của TNG
- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.
- TNG không có nợ xấu ảnh hưởng đến hoạt động SXKD.

Tổng dư nợ vay

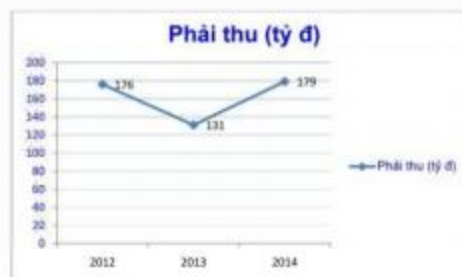
Trong những năm qua Công ty TNG luôn là khách hàng truyền thống của NH đầu tư & PT Việt Nam (BIDV) và NH Viettin Bank – Chi nhánh Thái Nguyên, VCB và MB. Công ty luôn được vay vốn ưu đãi

Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2014
Vay ngắn hạn	427.878	410.899	546
Vay trung và dài hạn	169.877	184.543	187.672

Tình hình công nợ hiện nay

* Các khoản phải thu

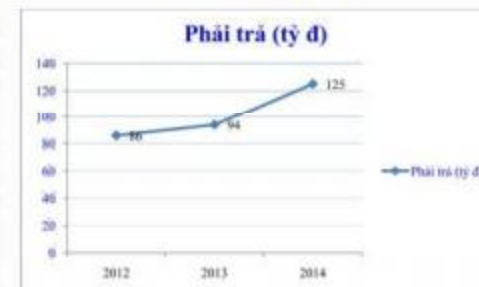
Do đặc thù sản xuất của Công ty, sau khi xuất hàng, thời gian hoàn chính thủ tục bán hàng, thanh toán và nhận tiền từ khách hàng thường mất thời gian (do hơn 90% sản phẩm của Công ty tiêu thụ tại thị trường nước ngoài), có thể lên tới cả tháng kể từ khi xuất hàng. Vì vậy, các khoản phải thu trên báo cáo tài chính tại một thời điểm cụ thể có thể có giá trị lớn.



Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2014
	Tổng số	Tổng số	CKT
Phải thu khách hàng	150.975	111.034	164.641
Trả trước cho người bán	6.437	9.845	4.115
Phải thu khác	18.656	10.526	11.710
Tổng	176.068	131.405	180.465
Dự phòng phải thu khó đòi	5.040	6.223	5.535

* Các khoản phải trả

Các khoản phải trả hầu hết là mở L/C hoặc trả trước để nhận hàng thuận lợi. Riêng khoản phải trả công nhân viên là chi phí lương tháng thứ 13 được trích trước. Lương tháng thứ 13 cộng với các khoản thưởng cho cán bộ công nhân viên, thực tế các khoản này được thanh toán vào thời điểm đầu quý I năm tài chính tiếp theo sau khi Công ty tổng kết hoạt động kinh doanh cả năm. Chi phí này thường được thể hiện bằng khoản phải trả công nhân viên trong báo cáo tài chính năm.



Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2014
	Tổng số	Tổng số	Tổng số
Phải trả cho người bán	64.732	65.123	76.375



Cơ sở đạt được thành công

Từ đầu năm 2013 tới nay HDQT, BKS, BCH Đảng ủy và cơ quan điều hành Công ty đã đưa ra rất nhiều phương án để đổi mới công tác quản trị công ty, đó là:

Thứ nhất, chuyển việc bổ nhiệm Giám đốc chi nhánh sang việc ký Hợp đồng thuê giám đốc. Việc phân giao chức năng nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của Giám đốc đã được thể hiện trong nội dung hợp đồng.

Thứ hai, đổi mới công tác giao trích nộp cho Công ty từ việc giao theo tỷ lệ % DSSX(Doanh số sản xuất) (đối với chi nhánh may) và tỷ lệ % DTTT (Doanh thu tiêu thụ) đối với chi nhánh phụ trợ sang việc giao cố định mức thu hàng tháng đối với chi nhánh may thông qua quyết định giao kế hoạch.

Thứ ba, đổi mới công tác tìm kiếm đơn hàng, khách hàng từ việc Chi nhánh chỉ được nhận đơn hàng từ Chi nhánh kinh doanh sang việc Chi nhánh được tìm kiếm đơn hàng FOB. Đến nay chi nhánh được hoàn toàn tự quyết định việc tìm kiếm khách hàng, đơn hàng FOB hoặc CM miễn là có hiệu quả.

Tuy nhiên, các biện pháp trên vẫn chưa đạt hiệu quả cao, chưa tạo ra động lực bứt phá để đạt hiệu quả SXKD cao hơn nữa. **Nguyên nhân:**

Thứ nhất, Giám đốc chi nhánh vẫn phải lo chống chọi, đối phó với mức giao khoán trích nộp của công ty.

Thứ hai, Giám đốc chi nhánh chưa được phân chia lợi nhuận khi tạo ra lợi nhuận cao cho công ty.

Giải pháp tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sự phát triển của công ty

Để khắc phục những tồn tại trên Hội đồng quản trị công ty tiếp tục đưa ra phương án đổi mới công tác quản trị công ty từ việc “Giao khoán trích nộp sang việc phân chia lợi nhuận trước thuế”. Nghĩa là kết quả SXKD của chi nhánh có lãi thì: Giám đốc chi nhánh, tập thể CBCNV chi nhánh, Phó tổng giám đốc phụ trách khu vực, Công ty đều được phân chia lợi nhuận.

1. Thống nhất với nội dung dự thảo hợp đồng thuê Giám đốc gồm 9 điều (Form số 01/HDTGD).
2. Chấm dứt hiệu lực các Quyết định bổ nhiệm cán bộ quản lý cấp công ty từ Tổng giám đốc đến các Trưởng phòng Công ty kể từ 0h ngày 01/01/2013 để bổ nhiệm lại theo qui trình dân chủ. Trước hết là xây dựng qui trình bổ nhiệm chánh văn phòng công ty theo phương án ứng cử và đề cử. Người ứng cử và người được đề cử phải xây dựng mô hình tổ chức công ty theo phương án:

- Bước 1: Thống kê các chức danh công việc công ty cần có của toàn công ty.
- Bước 2: Đưa ra phương án phân bổ các chức danh công việc đó ở văn phòng công ty hay ở các chi nhánh.
- Bước 3: Phân loại các chức danh công việc bố trí ở văn phòng công ty theo cụm, theo nhóm. Một nhóm hoặc một số nhóm có chức năng tương đương được gom lại với nhau được gọi là một phòng giao cho một đồng chí được bổ nhiệm làm trưởng phòng phụ trách. Một phòng hoặc một số phòng có chức năng xuyên suốt từ công ty tới các chi nhánh được giao cho một đồng chí được bổ nhiệm làm Phó tổng giám đốc phụ trách.

• Bước 4: Phân tích mỗi một người phụ trách một chức danh công việc hay một số chức danh công việc và một chức danh công việc có thể phải cần một số người phụ trách từ đó tính ra số định biên cho từng phòng chức năng.

• Bước 5: Xây dựng tiêu chí cho từng chức danh công việc để làm căn cứ chọn nhân sự cho chức danh công việc, cho nhóm công việc.

3. Giao cho đồng chí Đoàn Thị Thu viết báo cáo về phương án đổi mới công tác quản lý chất lượng của công ty để báo cáo HDQT.

4. Giao cho đồng chí Lý Thị Liên viết báo cáo về phương án đổi mới công tác kế toán và tài chính của công ty.

5. Giao cho đồng chí Hà Thị Tuyết viết báo cáo phân tích về điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức theo SWOT trong việc ký hợp đồng thuê giám đốc chi nhánh.

6. Giao cho phòng kế toán kiểm tra giám sát việc vay, sử dụng vốn của các chi nhánh và thẩm định báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hàng tháng của các chi nhánh





Quản lý chi phí

Với phần mềm kế toán, hiện nay công tác quản lý chi phí của các chi nhánh đã thực hiện công khai, minh bạch. Công ty giúp Chi nhánh quản lý, kiểm soát chi phí bằng:

- **Công cụ quản lý chi phí:** Báo cáo phân tích đọc, phân tích ngang các khoản mục chi phí của Chi nhánh theo DSSX: Chi nhánh có tất cả 29 khoản mục chi phí, trong đó có 2 khoản mục chi phí cố định, bất biến hàng tháng (chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí quản lý), còn lại 27 khoản mục chi phí khả biến do Chi nhánh quản lý, quyết định chi tiêu. Thông qua công cụ phân tích ở báo cáo đọc, báo cáo ngang, toàn thể CBCNV Chi nhánh, cấp quản lý điều hành, khối đoàn thể đều biết và hiểu được rõ chi nhánh đang bị lãng phí ở khoản mục chi phí nào, từ đó đưa ra cách thức để nâng cao hiệu quả SXKD của Chi nhánh bằng cách:

- [1] Tăng doanh số
- [2] Giảm chi phí khả biến.

- Về chỉ đạo điều hành:

- [1] Công ty giúp Giám đốc Chi nhánh khoán từng khoản mục chi phí đến cá nhân, phòng ban quản lý theo tỉ lệ.
- [2] Công ty triển khai các phương án giảm từng khoản mục chi phí của Chi nhánh, toàn Công ty.

- Về chính sách, cơ chế:

- [1] Hiệu quả SXKD cuối cùng của Chi nhánh tác động trực tiếp đến thu nhập của cán bộ quản lý, Người lao động, thông qua cách xác định nguồn tiền lương hàng tháng được chi của Chi nhánh

Nguồn tiền lương – DSSX – các khoản mục chi phí

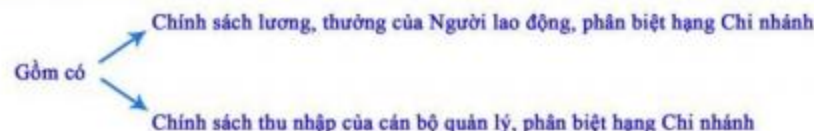
- [2] Chính sách phân hạng Chi nhánh theo nguồn tiền lương kết dư như sau:

□ **Chi nhánh loại đặc biệt:** Khi lũy kế đến tháng tính lương (chi nhánh đã hạch toán đầy đủ mọi khoản mục chi phí theo DSSX (Doanh số SX) đối với chi nhánh may và theo DTTT (Doanh thu tiêu thụ) đối với các chi nhánh phụ trợ) mà chi nhánh kết dư nguồn tiền lương □ 10%

□ **Chi nhánh loại 1:** Khi lũy kế đến tháng tính lương (chi nhánh đã hạch toán đầy đủ mọi khoản mục chi phí theo DSSX đối với chi nhánh may và theo DTTT đối với các chi nhánh phụ trợ) mà chi nhánh kết dư nguồn tiền lương < 10%/ tổng quỹ lương lũy kế.

□ **Chi nhánh loại 2:** Khi lũy kế đến tháng tính lương (chi nhánh đã hạch toán đầy đủ mọi khoản mục chi phí theo DSSX đối với chi nhánh may và theo DTTT đối với các chi nhánh phụ trợ) mà chi nhánh còn nợ nguồn tiền lương < nguồn tiền lương của tháng tính lương.

□ **Kết quả phân hạng Chi hạng Chi nhánh là cơ sở để áp dụng các chính sách sau**



Chính sách phúc lợi đối với CBCNV chi nhánh: Tham quan du lịch trong nước, nước ngoài / phân biệt hạng Chi nhánh.

Quản trị nguồn tiền lương của Chi nhánh

Hội đồng tiền lương: Tham mưu ban hành Quy chế lương, thưởng, thẩm tra trình Chủ tịch HĐQT quyết định cho Chi nhánh vay tiền trả lương khi Chi nhánh thiếu nguồn lương.

Quản trị nguồn vốn lưu động phục vụ SXKD của Chi nhánh

- Phê duyệt hạn mức vốn lưu động của Chi nhánh theo vòng quay vốn, theo FOB hay CM.
- Khi có nhu cầu vay vượt hạn mức, phải được Hội đồng tín dụng thẩm định, quyết định cho vay tiếp hay không trên cơ sở nhu cầu mua vật tư và kế hoạch tiền về.
- Gắn trách nhiệm tài chính của cá nhân Giám đốc với việc quản lý nguồn vốn lưu động của Chi nhánh trên cơ sở số lượng cổ phần sở hữu của Giám đốc.
- Gắn trách nhiệm vật chất của Giám đốc, Kế toán trưởng, cán bộ phụ trách kinh doanh của Chi nhánh với việc đề nghị vay vượt hạn mức tín dụng: Số tiền lãi vay vượt hạn mức được khấu trừ thẳng vào thu nhập của 3 cá nhân trên.

Quản trị khách hàng, đơn hàng, quản trị sản xuất

- Từ chỗ HĐQT phân giao khách hàng cho từng Chi nhánh trên cơ sở định hướng, chia nhóm khách hàng 3 nhóm: Nhà bán lẻ, Vender trung gian, gia công, lấy cơ cấu khách hàng 70% khách FOB, 30% khách CM.
- Đến nay, HĐQT đã xác định đưa ra định hướng khách hàng mới: Không kể FOB hay CM, không nhất định phải chọn khách hàng đơn giá cao, miễn là có đơn hàng dài, chất lượng vừa phải, thanh toán tốt. (Nguyên tắc: Mèo đen hay mèo trắng cũng là mèo, miễn là bắt được chuột).
- Chiến lược khách hàng của TNG, giai đoạn 2014 – 2020 được xác định dựa trên cơ sở:

Xây dựng Bộ tiêu chí đánh giá, lựa chọn khách hàng của TNG (Đã có)
Đánh giá, phân tích các khách hàng hiện có trên cơ sở các tiêu chí đưa ra (Đã có)
Chọn lọc khách hàng, tìm kiếm các khách hàng mới.
Duy trì và phát triển quan hệ khách hàng.

- Thay vì ủy quyền cho Giám đốc Chi nhánh tự quyết định lựa chọn, hợp tác với khách hàng nào, nay chuyển thành Hội đồng đàm phán đơn hàng để nâng cao vị thế của TNG là đơn vị có năng lực sản xuất hàng đầu miền Bắc, từ đó khai thác lợi thế, khắc phục nhược điểm khi đàm phán nhỏ lẻ với từng nhà máy.
- Quản trị sản xuất bằng phần mềm sản xuất, cập nhật kịp thời diễn biến tình hình đơn hàng, sản xuất của Chi nhánh để có điều tiết phù hợp.



Thành lập các hội đồng:

Hội đồng đàm phán hợp đồng

- Tiếp nhận thông tin mã hàng, tính toán thời gian công nghệ, xây dựng phương án đơn giá mã hàng cho phù hợp với thị trường để nhận đơn hàng.
- Xây dựng kế hoạch sản xuất bằng việc dàn chuyển trên phần mềm sản xuất sao cho phù hợp với khách hàng.
- Xây dựng chiến lược lựa chọn khách hàng, chủng loại hàng hóa phù hợp với quy mô và năng lực sản xuất của từng đơn vị.
- Đánh giá năng lực của các khách hàng, nhà cung cấp.
- Trình hội đồng thẩm tra, chuẩn bị đàm phán với khách hàng.

Hội đồng khoa học

- Tổ chức đánh giá các sáng kiến của tác giả gửi về theo các tiêu chí:
 - + *Thể hệ công nghệ SX.*
 - + *Hiệu quả kinh tế.*
- Tổng kết đánh giá theo quý, năm.

Hội đồng đánh giá nhà cung cấp, nhà thầu xây dựng cơ bản

- Xây dựng các tiêu chí đánh giá.
- Nhận thư chào thầu – thẩm định cơ sở SX.
- Trực tiếp thông báo với nhà thầu chính sách chống tham nhũng, nhận hối lộ của TNG.
- Báo cáo kết quả đánh giá nhà cung cấp làm cơ sở để tham mưu cho lãnh đạo công ty.

Hội đồng tín dụng

- Thẩm định hạn mức tín dụng của chi nhánh,
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện hạn mức tín dụng các chi nhánh,
- Thẩm định và trình chủ tịch HĐQT phê duyệt khi chi nhánh có nhu cầu vay vượt hạn mức tín dụng đã ban hành.



Hội đồng tiền lương

- Kiểm tra, giám sát nguồn tiền lương của các đơn vị theo quy chế của công ty,
- Thẩm định và trình chủ tịch HĐQT phê duyệt khi chi nhánh có nhu cầu vay .
- Phân tích tình hình KT-XH trên địa bàn tỉnh Thái nguyên để tham mưu chính sách hàng năm và từng thời điểm.

Hội đồng thi đua khen thưởng, kỷ luật

- Xây dựng kế hoạch, phát động các phong trào thi đua, tổ chức xét khen thưởng cho CBCNV và trình TGD quyết định khen thưởng,
- Xét kỷ luật, xử lý các vụ việc vi phạm kỷ luật lao động của CBCNV theo nội quy lao động của công ty.

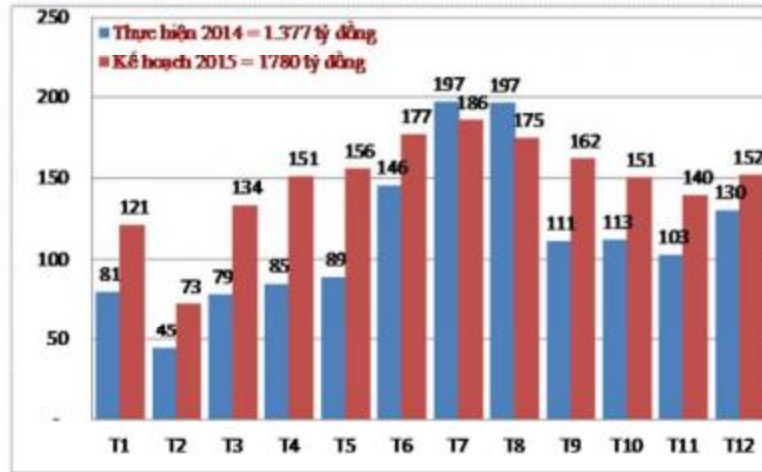
Hội đồng nghiệm thu

- Kiểm tra công tác quản lý chất lượng và chất lượng công trình xây dựng.
- Kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư và nhà thầu.
- Tổ chức nghiệm thu các hạng mục công trình XD mới hoàn thành, đưa vào SD.
- Tổ chức nghiệm thu các hạng mục công trình XD đã sử dụng hết thời gian bảo hành theo quy định của hợp đồng.

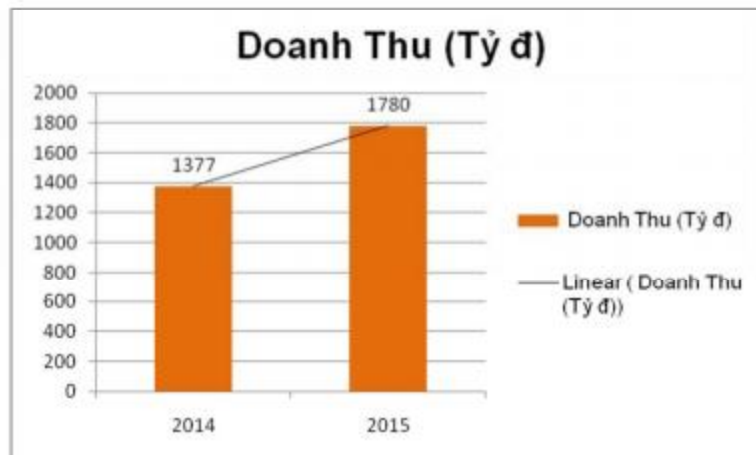
Nhờ thực hiện đồng bộ các giải pháp, trong năm 2014 các chỉ phí đều tiết giảm, mặc dù doanh thu có giảm hơn KH, Lợi nhuận đạt 108 % so kế hoạch

TNG công bố thông tin dự báo kết quả kinh doanh sáu tháng đầu năm 2015. Theo đó, doanh thu 6 tháng năm 2015 tăng trưởng 45% so với cùng kỳ năm ngoái. Tuy nhiên, TNG phần đầu vượt 15% so với kế hoạch đặt ra. Với chỉ tiêu này, TNG lên kế hoạch 830 tỷ đồng doanh thu và phần đầu đạt đến 935 tỷ đồng trong 6 tháng đầu năm 2015.

Mục tiêu 2015 – Breakdown theo tháng

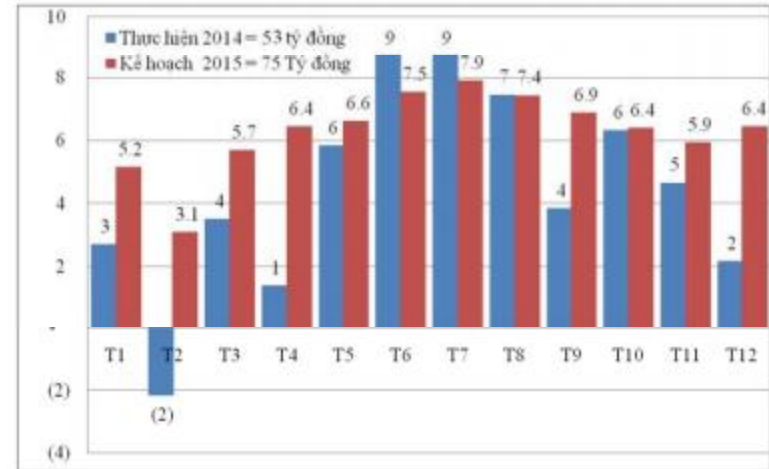


Kế hoạch 2015: 1780 tỷ

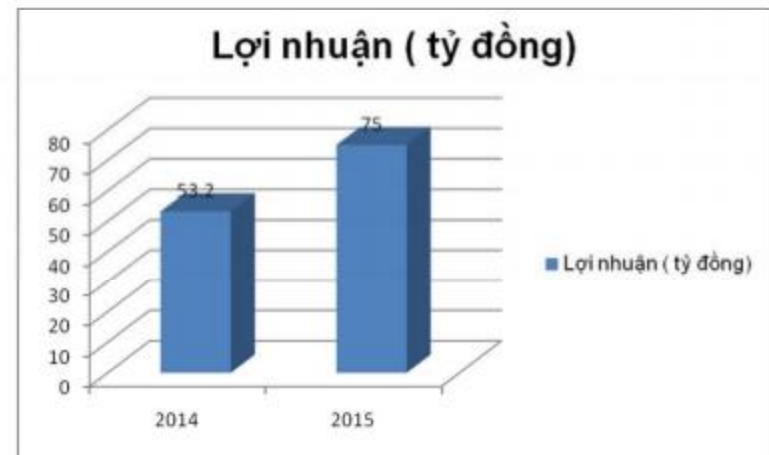


Mục tiêu phần đầu của năm 2015 là 75 tỷ đồng, tăng 140% so thực hiện 2014. Chi tiết ước thực hiện lợi nhuận breakdown theo tháng như sau:

Kế hoạch lợi nhuận sau thuế



Kế hoạch lợi nhuận : 75 tỷ





CÁC CƠ SỞ ĐỀ THỰC HIỆN

1

Tuyển dụng đủ lao động

- Thực hiện đúng cam kết với người lao động: Không một người lao động nào làm việc tại TNG bị vi phạm chế độ và quyền lợi theo quy định của pháp luật.
- TNG hàng ngày chi trả hết chi phí cho các suất ăn của toàn bộ nhân viên với giá trị 12.000 đồng/ suất ăn. Mỗi ngày có khoảng 5.000 suất ăn miễn phí tại các nhà máy của TNG. Đáng chú ý là, TNG còn bố trí các suất ăn dành cho Tổng giám đốc và toàn bộ cán bộ nghiệp vụ với phòng ăn đầy đủ tiện nghi và đẹp mắt.
- Tăng thu nhập cho người lao động: Tiền lương tối thiểu vùng tính trong đơn giá tiền lương tăng 13% so với quy định của Nhà nước.
- Xây dựng nhà ở xã hội: Tạo điều kiện cho khoảng 10,000 người lao động có nhà ở tập thể hiện đại, nhà ở xã hội bằng cách trả góp thông qua thu nhập hàng tháng.
- Tổ chức xe đưa, đón nhân viên tới làm việc tại các nhà máy làm việc: Xe đưa đón CBCNV được bố trí tại các địa điểm thuận lợi cho người lao động. Thời gian tới, để phục vụ cho việc đi lại, TNG dự kiến đầu tư 50 xe bus 45 chỗ đưa đón CBCNV hàng ngày.

2

T-Kiểm soát chất lượng theo 06 bước

Sau khi triển khai áp dụng chương trình 5S, TNG tiếp tục nghiên cứu áp dụng công nghệ sản xuất theo Lean. Cách tiếp cận của TNG là tìm hiểu căn nguyên nhân của từng loại "lãng phí" trong quá trình sản xuất và tìm ra các giải pháp khắc phục, thường là bằng phương pháp trải nghiệm. TNG cũng tổ chức cho Lãnh đạo Công ty và cán bộ nghiệp vụ đi thăm quan, học hỏi kinh nghiệm áp dụng Lean trên thực tế, nhằm triển khai có hiệu quả tại các nhà máy của mình.

TNG xây dựng nguyên tắc tác nghiệp của riêng mình:

- Loại bỏ các lãng phí
- Sự tham gia của mọi người
- Cải tiến liên tục

Các bước kiểm soát chất lượng:

1. Kiểm soát phụ liệu
2. Kiểm tra nguyên liệu
3. Kiểm tra công đoạn máy traffic-light
4. Kiểm soát sản phẩm cuối truyền
5. Kiểm soát đóng gói
6. Fri-final

3

Đảm bảo đủ đơn hàng

- Các chi nhánh phải đạt chứng chỉ (WRAP, BSCI, SA, BTW) và đạt tiêu chuẩn đánh giá của khách hàng.
- Cạnh tranh giá CM bằng cách: $CM = SAM * PPM * KHS$
- Tỷ lệ chất lượng sản phẩm đạt $\geq 97\%$
- Ngày giao hàng gốc của khách hàng đạt 100%

Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị	Đơn vị	Giá trị
1. Doanh thu	TĐ	6.648.202	USD	1.576
2. Lợi nhuận trước thuế	TĐ	4.702.000	USD	900
3. Lợi nhuận sau thuế	TĐ	4.702.000	USD	900

4

Quản lý thiết bị

- Mục đích: Quy trình quản lý máy móc thiết bị Công ty nhằm bảo đảm:
- Năng lực máy móc thiết bị (số lượng, tính năng kỹ thuật) đáp ứng được các yêu cầu sản xuất kinh doanh
 - Các máy móc thiết bị được bảo vệ, kiểm soát, bảo trì, bảo dưỡng thích hợp để luôn trong tình trạng làm việc tốt
 - Việc vận hành theo đúng hướng dẫn quy định
- Trách nhiệm và quyền hạn:
- Các cán bộ được giao trách nhiệm quản lý sử dụng máy móc thiết bị bảo đảm việc khai thác, duy trì, bảo quản sửa chữa theo quy định của Công ty và hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất.

5

Quản trị công ty theo ERP

Điều giữ khách hàng ở lại với công ty là uy tín với khách hàng về quy trình sản xuất, thời gian giao hàng. Những giải pháp thực hiện hiện tại của công ty là quản lý sản xuất theo 9K: Chỉ tiêu DSSX (K1), chỉ tiêu chất lượng (K2), chỉ tiêu tích lũy (K4), chỉ tiêu tuyển dụng (K5), chỉ tiêu DTTT (K6), chỉ tiêu đánh giá nhà máy (K7), chỉ tiêu thời gian làm việc (K8) và chỉ tiêu năng suất lao động (K9). (biểu đồ 9K)





Áp dụng công nghệ mới

CÔNG NGHỆ CẮT LAZE

Máy cắt laser: Yuchang YC-16100

- Công nghệ: Cắt laser các kiểu tài, linh trang trí, lỗ thông hơi, nhúm móc và các phụ kiện cho sản phẩm...
- Đặc tính: Cắt chính xác, hình cắt đa dạng, hiệu quả và thuận tiện khi sử dụng, có hình in ngay trên sản phẩm khi không cần công nghệ in.



Trong các năm qua, TNG đã tập trung đầu tư chiều sâu cho các xí nghiệp may cung như đầu tư theo định hướng mắt hàng, nguồn hàng. Công ty đã trang bị các thiết bị chuyên dùng tự động tiên tiến, hiện đại để nâng cao năng suất và đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao của khách hàng. Vì vậy, đến nay các Xí nghiệp may, đã được đầu tư nhiều máy móc thiết bị may các loại (tự may 1 kim, 2 kim đến các máy chuyên dùng như may 1 kim điện tử tốc độ cao, may mô tui, may tra tay áo, may tự động cắt chỉ, tự động lai mũi, định số mũi may, máy ép seam, máy cộp nhiệt), một số các thiết bị này được đầu tư đồng bộ từ khâu giac sơ đồ đến khâu tra vai, cắt, may và hoàn tất trong đó có một số công đoạn được trang bị khá hiện đại tầm cơ khu vực và thế giới như thiết bị giac sơ đồ, tra vai, hoàn tất và một số dây chuyền sản xuất may mặc với quy trình công nghệ khép kín và hiện đại.

Khâu thiết kế, nhay cơ và giac sơ đồ đã được thực hiện hoàn toàn trên máy vi tính với sự hỗ trợ của các phần mềm vi tính như Gerber/ Ilextra. Khâu xây dựng quy trình công nghệ và thiết kế dây chuyền đã được thực hiện đổi mới tất cả các ma hàng trước khi sản xuất để đảm bảo tăng năng suất lao động và làm cơ sở cho việc tính đơn giá tiền lương. Từ sự đầu tư trên đã mang lại một bộ mặt mới khơi sức cho các đơn vị trong việc chu đồng được nguồn hàng, khách hàng dễ chuyển môn hoa sản xuất và mắt khác la đa giúp các đơn vị nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm tăng thêm uy tín với khách hàng cung như phát huy được lợi thế cạnh tranh và tự do đa thay đổi và phát huy được quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm; việc xây dựng quy trình công nghệ cho từng sản phẩm đã được chuyên môn hóa cao ở những khâu trọng yếu.

Về giặt công nghiệp, Công ty có 12 máy giặt, 22 máy sấy, 2 máy giặt mẫu với công suất đạt trên 5 triệu sản phẩm quần / năm.

Công ty có các máy in công nghiệp trên các chất liệu vải với đa màu sắc và 16 máy thêu công nghiệp hiệu Tajima 20 đầu và 9 kim, thêu các loại hình, theo con giống với công suất đạt trên 2.5 triệu mũi/ năm.

CÔNG NGHỆ NHỒI LÔNG VŨ

- Máy nhồi lông vũ tự động: TAININ ERIC MACHINE EF-7.
- Công nghệ: Hút lông vào từng khoang lông bằng hệ thống hút và các điện tử tự động khép kín.
- Đặc tính:
 - Nhà xưởng sạch sẽ, không bị bụi lông, đảm bảo sức khỏe cho công nhân thao tác và vận hành máy móc.
 - Sai số về trọng lượng: +/- 0.2 gam.
 - Các loại lông vũ có thể sử dụng: 50/50, 70/30, 80/20, 90/10



PHÒNG LẠP

- Máy thư độ bền kéo đứt đường may.
- Máy thư độ bền của TSSM TS-2.6.
- Hộp chọn màu TSSM CAC-6.
- Máy giặt ELECTROLUX EWW1273.
- Máy thư nước YCDM2B 00-100.



CÔNG NGHỆ MAY KHÔNG CHỈ

- Máy Ultrasonic: SEW FREE ULTRASONIC CUTTING MACHINE.
- Máy ép nhiệt: H&H CS-500 B.
- Công nghệ: Tạo đường liên kết không chỉ trên các sản phẩm áo chống nước, áo lông vũ, quần áo thể thao, áo nỉ...
- Đặc tính: Tăng tính chống thấm, tạo đường liên kết mềm mại, dễ trang trí cho sản phẩm.





Strengths

Là một trong những công ty có năng lực sản xuất may lớn nhất miền Bắc; thiết lập được mối quan hệ đối tác lâu dài với một số nhãn hiệu nổi tiếng trên thế giới như Mango, C&A, Columbia, Levi's, Gap, JCPenny ...;

Sự thông thoáng hơn của nền kinh tế đã thúc đẩy các nhà đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư vào Việt Nam, trong đó có ngành cung ứng nguyên phụ liệu dệt may, đây chính là tiền đề thuận lợi để Công ty chủ động phát triển kinh doanh theo hình thức FOB;

Năm 2014, Công ty đã đầu tư Chi nhánh May TNG Đại Từ với 34 chuyên may hiện đại và công nghệ quản lý tiên tiến, công suất 3.000.000 sản phẩm/năm, tổng vốn đầu tư lên tới 175-190 tỷ đồng. Mở rộng sản xuất bằng việc đầu tư mới với dây chuyền hiện đại đã giúp Công ty nhận được thêm nhiều đơn đặt hàng mới;

Hiệp định đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương TPP sắp có hiệu lực, tạo điều kiện cho Công ty phát triển mạng lưới khách hàng, mở rộng thị trường khiếm kim ngạch xuất sang các nước thành viên, đặc biệt là thị trường Mỹ tăng, được hưởng lợi về thuế suất khi Việt Nam gia nhập TPP;

Về nhân lực, lao động tại địa phương hầu hết là lao động phổ thông, nguồn dồi dào. Do đó, khi có nhu cầu Công ty xây dựng nhà máy đã tiến hành khảo sát, điều tra xã hội học nhân lực. Điều này không chỉ ảnh hưởng tới việc thành công của đơn vị mà còn tạo điều kiện cho đơn vị Xã, Huyện, Tỉnh giảm lao động thất nghiệp, giảm chỉ tiêu hộ nghèo nên được các cấp rất ủng hộ;

Với kết quả kinh doanh tốt trong các năm qua, các ngân hàng đã tài trợ rất tốt cho Công ty khi vay vốn hoạt động sản xuất kinh doanh.

MY GOAL

Weaknesses

Thương hiệu "TNG Fashion" tuy được các nhà nhập khẩu nước ngoài đánh giá cao song chưa quen thuộc với người tiêu dùng trong nước, điều này chứng tỏ công tác quảng bá và phát triển thương hiệu chưa thực sự tốt;

Cũng như đặc điểm chung của ngành dệt may Việt Nam, khâu thiết kế sản phẩm của Công ty chưa mạnh, chưa đóng góp nhiều giá trị gia tăng vào sản phẩm;

Tỷ lệ phụ thuộc nguồn nguyên phụ liệu vào thị trường nước ngoài còn cao (~60%);

Số lượng đơn hàng sản xuất theo phương thức ODM còn thấp nên giá trị gia tăng của công ty còn chưa cao, dẫn đến lợi nhuận chưa cao;

Ngành dệt và công nghiệp phụ trợ của Việt Nam chưa phát triển tương ứng nên hoạt động sản xuất của doanh nghiệp bị phụ thuộc nhiều vào nguồn nguyên vật liệu nhập khẩu;

Sự cạnh tranh gay gắt từ các nước xuất khẩu dệt may khác như Trung Quốc, Ấn Độ,... là những nước có nhiều lợi thế hơn về thị trường, nguyên phụ liệu,... không chỉ đe dọa thị trường xuất khẩu mà còn chiếm lĩnh cả thị trường nội địa

Rào cản thương mại tại các nước nhập khẩu lớn đang được vận dụng ngày càng tinh vi, gây khản cho quá trình xuất khẩu của Công ty;

Nhân lực có trình độ chưa đáp ứng đủ nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất;

Nợ doanh nghiệp đang ở mức cao, vốn lưu động âm và khả năng thanh toán nợ còn

Thị trường nội địa tiềm năng còn nhiều dư địa để phát triển, đặc biệt xu hướng sử dụng các sản phẩm Made in Vietnam ngày càng được ưa chuộng.

Triển vọng khách quan từ Hiệp định tự do thương mại đang được đàm phán với các thị trường xuất khẩu chính của TNG gồm hiệp định TPP, EVFTA và VKFTA.

Các nhà máy sản xuất của TNG vẫn chưa hoạt động hết công suất.

Cơ hội tăng thị phần xuất khẩu do có sự dịch chuyển nhẹ các đơn hàng từ Trung Quốc sang các nước phát triển khác.

Opportunities

Để được tham gia vào các hiệp định tự do thương mại thì TNG sẽ phải tuân thủ một số các điều kiện về mặt thuế quan và nguồn gốc hàng hoá, giảm phụ thuộc vào các nguồn nguyên liệu ngoại khu vực mậu dịch tự do, đặc biệt là Trung Quốc – nguồn cung cấp tới 60% nguyên liệu của TNG.

Chính sách ân hạn thuế 275 ngày của Bộ tài chính có nguy cơ bị huỷ sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh xuất khẩu hàng FOB (tạm nhập nguyên liệu, tái xuất thành phẩm) của TNG.

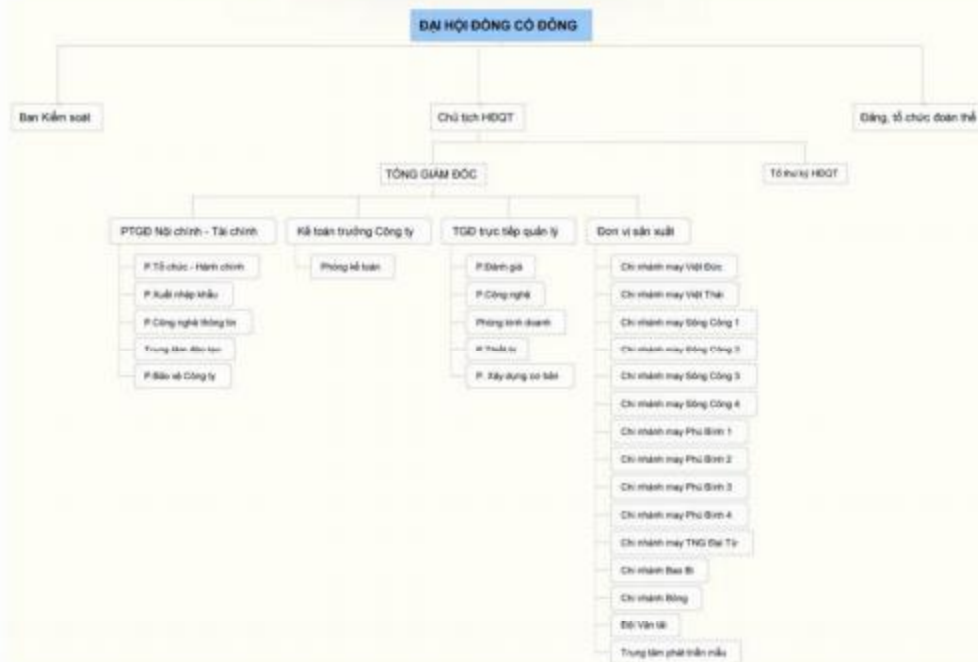
Cạnh tranh thu hút nhân lực trong vùng dự án nhà máy Samsung tại Thái Nguyên. Rủi ro về nợ lãi vay khi sử dụng đòn bẩy tài chính cao.

Threats

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

ERP

35



Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị (HDQT) được bầu bởi Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) của Công ty, là cơ quan quản lý Công ty, có quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ. HDQT TNG hiện gồm 5 thành viên, thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn cơ bản sau:

- Lập kế hoạch phát triển hoạt động kinh doanh và quyết toán ngân sách hàng năm
- Xác định mục tiêu hoạt động dựa trên mục tiêu chiến lược đã được ĐHCĐ thông qua
- Báo cáo ĐHCĐ các vấn đề liên quan đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, cổ tức dự kiến, báo cáo tài chính, chiến lược kinh doanh của công ty.
- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác được quy định bởi Điều lệ Công ty và các nghị quyết của ĐHCĐ

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HDQT

1. Ông Nguyễn Văn Thời – Chủ tịch HDQT
2. Bà Lý Thị Liên – Thành viên HDQT
3. Ông Nguyễn Đức Mạnh – Thành viên HDQT
4. Ông Nguyễn Văn Thời – Thành viên HDQT
5. Ông Nguyễn Việt Thành – Thành viên HDQT



Ban giám đốc

Ban giám đốc (BGĐ) do HDQT bổ nhiệm và bãi miễn, tại thời điểm 31/12/2014 gồm Tổng giám đốc, 2 Phó Tổng giám đốc và 1 kế toán trưởng. Các phó Tổng giám đốc là người trợ giúp Tổng giám đốc thực hiện các công việc trong phạm vi được phân công. Trách nhiệm chính của Ban giám đốc là:

- Tổ chức thực hiện các nghị quyết của ĐHCĐ, đặc biệt là những Nghị quyết liên quan đến việc thực hiện kế hoạch kinh doanh năm, kế hoạch đầu tư của TNG.
 - Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần thiết phải có nghị quyết của HDQT
- Trách nhiệm của Tổng giám đốc là:
- Điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty
 - Thay mặt Công ty thực hiện các hợp đồng và các nghĩa vụ khác

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN GIÁM ĐỐC

1. Ông Nguyễn Văn Thời – Tổng giám đốc
2. Bà Lý Thị Liên – Phó Tổng giám đốc
3. Bà Đoàn Thị Thu – Phó Tổng giám đốc
4. Bà Lương Thị Thuý Hà – Kế toán trưởng



Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có những trách nhiệm chính sau:

- Giám sát HDQT và Ban giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty
- Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh và các giao dịch quan trọng, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 6 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá hoạt động quản trị của HDQT, báo cáo thẩm định và thẩm tra các vấn đề này lên ĐHCĐ tại cuộc họp thường niên
- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác của BKS được quy định bởi các quy định hiện hành của Luật doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành, bởi Điều lệ công ty và bởi Nghị quyết của ĐHCĐ.

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

1. Ông Nguyễn Văn Đức – Trưởng Ban kiểm soát
2. Bà Bùi Thị Thảo – Thành viên BKS
3. Bà Hà Thị Tuyết – Thành viên BKS



Cải tiến về cơ cấu tổ chức

- Tập trung đầu tư chiều sâu, phân quyền sâu và bàn giao tài sản cho chi nhánh tự hạch toán độc lập như một đơn vị tài chính.
- Ban hành rất nhiều quy trình hướng dẫn và quy trình thực hiện phần mềm.

Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Tập trung đầu tư chiều sâu, nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, phát triển ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nhằm từng bước nâng tỷ trọng mặt hàng công nghệ cao có giá trị gia tăng lớn trong tổng cơ cấu mặt hàng của Công ty.
- Và dành nguồn kinh phí làm công tác chuẩn bị đầu tư cho các dự án mới
- Xây dựng chiến lược quản lý vốn và tài sản, chiến lược huy động và sử dụng vốn. Đảm bảo nguồn vốn phục vụ kịp thời cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực
- Lựa chọn các dự án đầu tư thật cần thiết sẽ thực hiện trong năm 2013.
- Làm tốt công tác AN SINH XÃ HỘI để người lao động gắn bó lâu dài với Công ty.



Cơ cấu lao động

Tổng số lao động của TNG tính đến ngày 31/12/2014 là 8.963 người, trong đó:

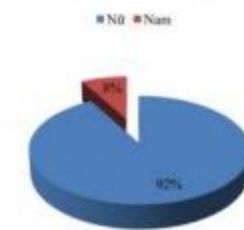
- *Hợp đồng dài hạn* : 7.963 người
- *Hợp đồng ngắn hạn và thời vụ* : 1.000 người

Trình độ chuyên môn:

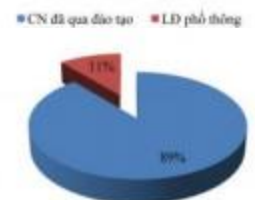
STT	Trình độ	Số lượng người	Tỷ lệ
1	Đại học	720	8%
2	Trung cấp, cao đẳng	496	6%
3	Bậc thợ	7168	80%
4	Chưa qua đào tạo	579	6%
Tổng		8963	100%

Với đặc điểm ngành may là ngành sử dụng nhiều lao động và tính chất công việc đòi hỏi sự khéo léo tỉ mỉ, phù hợp với nữ giới, nên lao động nữ chiếm 92% trong cơ cấu lao động theo giới của Công ty. Về cơ cấu lao động theo trình độ, công nhân đã qua đào tạo chiếm 89%, còn lại là lao động phổ thông. Điều này đòi hỏi Công ty phải áp dụng các chính sách phù hợp để vừa có thể thu hút và tạo động lực cho người lao động.

Cơ cấu LD theo giới



Cơ cấu LD theo trình độ



Mức lương bình quân

Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty như sau:

- Năm 2013 : 3.938.000 đồng/người/tháng
- Năm 2014 : 4.138.000 đồng/người/tháng

So với các doanh nghiệp khác cùng ngành, đây được coi là một mức thu nhập khá ổn định và có tính cạnh tranh.

Phần I. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm tài chính 2014

Kinh tế - xã hội nước ta năm 2014 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới hồi phục chậm và không đồng đều giữa các nền kinh tế sau suy thoái toàn cầu. Ngoài ra, tình hình chính trị bất ổn tại một số quốc gia, nhất là khu vực châu Âu dẫn đến kinh doanh trong lĩnh vực thương mại và công nghiệp cũng như xuất khẩu của khu vực đồng EURO bị ảnh hưởng mạnh bởi các biện pháp trừng phạt kinh tế giữa các nước trong khu vực.

Ở trong nước, kinh tế vĩ mô diễn biến theo hướng tích cực. Tuy nhiên, tổng cầu của nền kinh tế tăng chậm, hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp còn khó khăn, tồn kho hàng hóa vẫn ở mức cao. Sức hấp thụ vốn của nền kinh tế còn yếu. Tình hình biển Đông có nhiều diễn biến phức tạp, ảnh hưởng phần nào đến động thái phát triển kinh tế - xã hội và đời sống dân cư cả nước. Trong bối cảnh kinh tế thế giới suy thoái, kinh tế trong nước suy giảm, thị trường xuất khẩu gặp khó khăn, nhiều doanh nghiệp phải giải thể, phá sản hoặc ngừng hoạt động thì TNG vẫn đạt được mức tăng ổn định, thể hiện qua các hoạt động chính như sau:

=> Quản trị khách hàng

- Định hướng lựa chọn khách hàng của TNG:
- Chọn khách hàng mang lại hiệu quả sản xuất cao cho TNG
- Lựa chọn khách hàng lớn có đơn hàng sản xuất quanh năm
- Định hướng khách hàng Nhà bán lẻ trực tiếp chiếm tỷ lệ 70% cơ cấu khách hàng
- Định hướng khách hàng là các Vender trung gian chiếm tỷ lệ 30% cơ cấu khách hàng
- Lựa chọn đơn hàng dài, giá cả phải chăng, chất lượng và phải
- Thời gian sản xuất từ 45 ngày trở lên để tăng năng suất

* Để duy trì hợp tác và nâng cao uy tín với khách hàng, TNG theo đuổi thực hiện các mục tiêu sau đây:

- Đảm bảo tiến độ giao hàng
- Giá cả cạnh tranh
- Chất lượng đảm bảo
- Phương thức thanh toán linh hoạt nhất
- Gặp gỡ và trao đổi với khách hàng tìm ra cách quản lý doanh nghiệp tốt nhất
- Trong năm 2014, thay vì ủy quyền cho Giám đốc Chi nhánh tự quyết định lựa chọn, hợp tác với khách hàng nào, nay chuyển thành Hội đồng đàm phán đơn hàng để nâng cao vị thế của TNG là đơn vị có năng lực sản xuất hàng đầu miền Bắc, từ đó khai thác lợi thế, khắc phục nhược điểm khi đàm phán nhỏ lẻ với từng nhà máy.

*** Về quản trị Sản xuất**

- TNG theo đuổi các mục tiêu sau đây:
- Tìm giải pháp tăng năng suất, hạ giá CMT để nhận được đơn hàng tốt
 - Tìm giải pháp nâng cao chất lượng sản phẩm

*** Về giải pháp thực hiện:**

- Khai thác tối đa các phân hệ phần mềm để triệt tiêu các lãng phí trong sản xuất, giao hàng đúng hạn, đảm bảo chất lượng sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng.

*** Quản trị Nhân sự**

- Mặc dù bị cạnh tranh lao động gay gắt do Nhà máy Samsung và một loạt nhà máy phụ trợ có vốn đầu tư nước ngoài, nhưng kết quả tuyển dụng lao động cả năm vượt chỉ tiêu cả năm. Giảm giờ làm việc, tổ chức xe đưa đón CBCNV. Hoàn thiện cơ chế chính sách lương, thưởng phúc lợi cho Người lao động, đảm bảo đúng chế độ quyền lợi của Người lao động theo quy định pháp luật hiện hành.
- Xây dựng Bộ tiêu chuẩn chức danh công việc, triển khai phần mềm quản lý công việc để rà soát nhân sự, từ đó nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp và quy hoạch cán bộ quản lý cấp Công ty.

=> Quản chi phí

Với phần mềm kế toán, hiện nay công tác quản lý chi phí của các chi nhánh đã thực hiện công khai, minh bạch. Công ty giúp Chi nhánh quản lý, kiểm soát chi phí bằng:

*** Công cụ quản lý chi phí:**

- Báo cáo phân tích đọc, phân tích ngang các khoản mục chi phí của Chi nhánh theo DSSX (Doanh số SX), Thông qua công cụ phân tích ở báo cáo đọc, báo cáo ngang, toàn thể CBCNV Chi nhánh, cấp quản lý điều hành, khối đoàn thể đều biết và hiểu được rõ chi nhánh đang bị lãng phí ở khoản mục chi phí nào, từ đó đưa ra cách thức để nâng cao hiệu quả SXKD của Chi nhánh bằng cách:
- Tăng doanh số
 - Giảm chi phí khả biến.

*** Về chỉ đạo điều hành:**

- Công ty giúp Giám đốc Chi nhánh khoán từng khoản mục chi phí đến cá nhân, phòng ban quản lý theo tỉ lệ %DSSX.
- Công ty triển khai các phương án giảm từng khoản mục chi phí của Chi nhánh, toàn Công ty.

*** Về chính sách, cơ chế:**

- Công ty đưa ra các chỉ tiêu định lượng gắn trách nhiệm công việc với tiền lương thể hiện qua các chỉ số sau các cán bộ quản lý phụ trách các K hệ số khác nhau, tùy theo kết quả các K sẽ có thu nhập khác nhau:
- K1 là hệ số vượt kế hoạch chi tiêu DSSX hàng tháng của đơn vị, được lấy tự động trên phần mềm sản xuất.
 - K2 là hệ số vượt chỉ số chất lượng sản phẩm đạt được trong tháng của đơn vị, được lấy tự động trên phần mềm chất lượng.
 - K3 là hệ số vượt tích lũy nguồn tiền lương so với kế hoạch tích lũy nguồn tiền lương của đơn vị lũy kế đến tháng tính lương, được lấy tự động trên phần mềm kế toán.
 - K4 là hệ số rút ngắn được ngày giao hàng gốc theo cam kết với khách hàng của đơn vị, được lấy tự động trên phần mềm đơn hàng, (chi nhánh phụ trợ K4=100%)
 - K4 (của đội vận tải) là hệ số tỷ lệ % chỉ số giao nguyên phụ liệu về kho chi nhánh trong vòng 04 ngày làm việc kể từ ngày hàng cập cảng, được lấy tự động trên phần mềm đơn hàng.
 - K5 là hệ số vượt lao động bình quân đi làm trong tháng của đơn vị được tính quy đổi từ ngày công theo quẹt thẻ chấm công so với tổng số lao động định biên giao kế hoạch của đơn vị. Số liệu được lấy tự động trên phần mềm tiền lương (Đối với chi nhánh phụ trợ, Trung tâm phát triển mẫu K5 =100%).



- K6 là hệ số vượt kế hoạch doanh thu sản xuất trong tháng của đơn vị, được lấy tự động trên phần mềm sản xuất.

- K7 là hệ số vượt chỉ tiêu đánh giá của khách hàng và của ban 5S Công ty trên tổng số lần đánh giá, được lấy tự động trên phần mềm đánh giá.

- K8 là hệ số rút ngắn số giờ làm việc thực tế so với số giờ làm việc theo kế hoạch trong tháng của đơn vị được tự động lấy trên phần mềm chấm công

- K9 là hệ số tăng năng suất thực tế so với năng suất giao kế hoạch trong tháng được tự động lấy trên phần mềm sản xuất

*** Quản trị nguồn vốn lưu động phục vụ SXKD của Chi nhánh:**

- Phê duyệt hạn mức vốn lưu động của Chi nhánh theo vòng quay vốn, theo FOB hay CM.

- Khi có nhu cầu vay vượt hạn mức, phải được Hội đồng tín dụng thẩm định, quyết định cho vay tiếp hay không trên cơ sở nhu cầu mua vật tư và kế hoạch tiền về.

- Gắn trách nhiệm tài chính của cá nhân Giám đốc với việc quản lý nguồn vốn lưu động của Chi nhánh trên cơ sở số lượng cổ phần sở hữu của Giám đốc.

- Gắn trách nhiệm vật chất của Giám đốc, Kế toán trưởng, cán bộ phụ trách kinh doanh của Chi nhánh với việc đề nghị vay vượt hạn mức tín dụng: Số tiền lãi vay vượt hạn mức được khấu trừ thẳng vào thu nhập của 3 cá nhân trên.

Phần II. Hoạt động, thù lao, chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị và từng thành viên HĐQT

Hàng tháng, quý, Hội đồng Quản trị Công ty đã họp thường kỳ hoặc bất thường để xem xét hoạt động SXKD của Công ty cũng như đưa ra các quyết sách, định hướng phát triển của Công ty. Trong đó 3 quyết định lớn có tác động lớn đến việc duy trì tốc độ phát triển ổn định của Công ty, giúp Công ty vượt qua khó khăn, trụ vững trong cơn khủng hoảng và suy thoái kinh tế toàn cầu, đó là:

- Quyết định về đổi mới công tác quản trị Công ty, từ quản lý tập trung sang phân cấp phân quyền sâu, hạch toán độc lập tự chủ và phân chia hiệu quả SXKD cho các đơn vị trực thuộc.

- Quyết định về chiến lược phát triển khách hàng, thị trường và phân giao khách hàng cho từng chi nhánh.

- Quyết định đầu tư nhà máy may TNG Đại Từ tại xã Tiên Hội huyện Đại Từ tỉnh Thái Nguyên nhằm khai thác những thế mạnh sẵn có về khách hàng, đơn hàng và đặc biệt là thị trường lao động dồi dào của huyện Đại Từ, cũng như đón trước thời cơ tăng trưởng nhậy vọt của ngành dệt may Việt Nam khi tham gia Hiệp định đối tác chiến lược xuyên Thái Bình Dương TPP+.

- Thù lao HĐQT và từng thành viên HĐQT trong năm 2014:

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2014, thù lao HĐQT, BKS không quá 2,5% lợi nhuận sau thuế (53.158.319.157), tương đương 1.328.960.000 đồng.

Thu nhập, các khoản lợi ích và chi phí cho thành viên HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổng cộng
1	Nguyễn Văn Thời	Chủ tịch HĐQT	814,519,100
2	Nguyễn Đức Mạnh	Ủy viên HĐQT	470,375,634
3	Lý Thị Liên	Ủy viên HĐQT	442,020,360
4	Nguyễn Văn Thới	Ủy viên HĐQT	567,216,601
5	Nguyễn Việt Thành	Ủy viên HĐQT	60,560,000





Phần III. Kết quả giám sát đối với cơ quan điều hành

Hoạt động giám sát của Hội đồng Quản trị với cơ quan điều hành được thực hiện thường xuyên hàng ngày, kịp thời can thiệp những vấn đề phát sinh; đảm bảo cơ quan điều hành thực hiện đúng các chỉ đạo của HĐQT nhằm hoàn thành mục tiêu đề ra.

Theo đó, hàng tháng Hội đồng Quản trị đều đánh giá năng lực quản lý điều hành của cán bộ quản lý thông qua kết quả SXKD và dự kiến kế hoạch SXKD tháng kế tiếp của từng Chi nhánh. HĐQT chỉ đạo bộ phận kiểm soát nội bộ tiến hành các cuộc thanh tra, kiểm tra thường kỳ và bất thường đối với các chi nhánh hoạt động chưa hiệu quả hoặc lĩnh vực có rủi ro cao. Đồng thời chỉ đạo Ban Giám đốc Công ty phải tập trung cao độ để hỗ trợ Chi nhánh yếu kém thông qua các chỉ số đánh giá.

- K1, K2, K3, K4, K5, K6, K7, K8, K9.

Kết quả của hoạt động giám sát đối với cơ quan điều hành, HĐQT đã yêu cầu chấn chỉnh, xử lý một số sai phạm trong hoạt động quản lý tài chính, đưa ra các quy định nhằm mục đích minh bạch trong hoạt động quản trị Công ty. Kết thúc năm tài chính 2014, Hội đồng Quản trị đã xử lý các đơn vị gây ra thất thoát phải bồi thường.

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc:

Trong 06 tháng đầu năm, HĐQT cùng ban Tổng giám đốc đã tiến hành 01 buổi họp chung nhằm đánh giá, nhận xét tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2014. Đồng thời, HĐQT đã có những ý kiến chỉ đạo trực tiếp đến ban Tổng giám đốc và tiếp tục theo dõi, giám sát, định hướng và chỉ đạo đối với việc quản lý và điều hành của ban Tổng giám đốc trong thời gian tới.

- HĐQT giám sát việc thực hiện các Nghị quyết/ Quyết định và kế hoạch kinh doanh đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua.
- HĐQT thường xuyên giám sát các nhiệm vụ mà HĐQT giao cho Ban Tổng giám đốc, kịp thời chỉ đạo và xử lý các vấn đề phát sinh trong thẩm quyền, tạo điều kiện cho Ban Tổng giám đốc giải quyết nhanh các vấn đề có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Trong 06 tháng cuối năm, HĐQT cùng với Ban tổng giám đốc đã tiến hành 01 buổi họp chung nhằm đánh giá, nhận xét tình hình sản xuất kinh doanh của công ty trong 6 tháng cuối năm 2014. Đồng thời, HĐQT cũng đã có những ý kiến chỉ đạo trực tiếp đến Ban Tổng giám đốc và tiếp tục theo dõi, giám sát, định hướng và chỉ đạo đối với việc quản lý và điều hành của Ban tổng giám đốc trong thời gian tới.

HĐQT đã thường xuyên giám sát việc thực hiện Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT, giám sát các hoạt động của Tổng giám đốc, bộ máy giúp việc cho Tổng giám đốc và người đại diện phần vốn góp tại các công ty có vốn góp của TNG.

HĐQT trực tiếp chỉ đạo Tổng giám đốc thực hiện một số nội dung chính như sau:

- Xây dựng bảng kế hoạch đầu tư, lợi nhuận và kế hoạch trả cổ tức từ năm 2015-2020.
- Sửa đổi mô hình tổ chức hoạt động và cơ cấu bộ máy Công ty, sắp xếp lại các bộ phận Văn phòng công ty với mục tiêu tăng cường công tác quản lý, nâng cao hiệu quả toàn Công ty.
- Đánh giá, phân tích, dự báo tình hình SXKD theo từng tháng, quý để có biện pháp chỉ đạo kịp thời cho Ban Tổng giám đốc huy động có hiệu quả các nguồn lực của Công ty.

Báo cáo hoạt động của UV HĐQT độc lập : Nguyễn Việt Thành

Chức năng nhiệm vụ của UV HĐQT độc lập:

- Xây dựng chương trình, phát hành tăng vốn theo nghị quyết ĐHĐCĐ 2014.
- Rà soát, đánh giá độc lập và nhận định các tài liệu, số liệu kế toán, báo cáo tài chính đã được kiểm toán để tham mưu với HĐQT.
- Cùng theo dõi, giám sát cổ phiếu TNG đảm bảo tuân thủ đúng luật pháp Việt Nam và thị trường chứng khoán.
- Tham gia quá trình đàm phán phát hành cổ phần,
- Phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật, các rủi ro có thể xảy ra trong hoạt động của Công ty. Quản lý, sử dụng tài sản và các nguồn lực tại Công ty an toàn và hiệu quả.

Kết quả:

- Phát hành cổ phiếu thành công cho cổ đông hiện hữu.
- Theo dõi tiến độ công nợ quá hạn của công ty..
- Có một số nhận xét về quản trị tài chính cho chủ tịch HĐQT, phân tích quá trình huy động vốn của TNG, dự báo việc phát hành Cp của TNG để đạt thành công.
- Tham gia cùng chủ tịch đàm phán một số cổ đông, nhà đầu tư có quan tâm như quỹ của công ty SHS, SSI, VCB, ASEAN Small Cap Fund.
- Trong năm 2014, cổ phiếu của TNG không có bất thường xảy ra.

Trong năm 2014, nhằm hỗ trợ công tác quản trị, Công ty CP Đầu tư và thương mại TNG đã thành lập thêm các tiểu ban, gồm: Ban Quan hệ cổ đông, Tiểu ban kiểm soát nội bộ cùng với các Tiểu ban nhân sự, Tiểu ban thi đua khen thưởng kỷ luật, Tiểu ban lương thưởng, Tiểu ban đánh giá nhà cung cấp và các nhà thầu, Tiểu ban đàm phán Hợp đồng, Tiểu ban bán hàng nội địa, tiểu ban kiểm toán ... giúp việc cho HĐQT Công ty.

Các tiểu ban tiến hành họp định kỳ 1 tháng/ 1 lần nhằm:

- Xây dựng mục tiêu, kế hoạch hoạt động để giám sát, tư vấn thực hiện chiến lược đầu tư và phát triển của Công ty.
- Tham mưu cho HĐQT theo chức năng, nhiệm vụ đã được phân công, liên quan đến các chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm soát nội bộ và quan hệ cổ đông.



Phần IV. Các kế hoạch trong tương lai

Năm 2015 được xác định sẽ tiếp tục khó khăn. Vì vậy Hội đồng Quản trị rất thận trọng trong việc xây dựng kế hoạch và giải pháp tổ chức thực hiện sau khi tiếp thu các ý kiến của các cổ đông tại Đại hội. Hội đồng Quản trị dự kiến kế hoạch SXKD năm 2015 như sau:

Kế hoạch Doanh thu – Lợi nhuận năm 2015:

- Doanh thu: 1.780 tỉ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 75 tỉ đồng

Cơ sở để HĐQT đưa ra kế hoạch này như sau:

1. Đảm bảo đủ đơn hàng:

- Các chi nhánh phải đạt các chứng chỉ (WAP, BSCI, SA, BTW), đạt tiêu chuẩn đánh giá của khách hàng.

- Cảnh tranh giá CM bằng cách: $CM = SAM * PPM * KHS$
- Tỷ lệ chất lượng sản phẩm đạt $\geq 97\%$
- Ngày giao hàng gốc của khách hàng đạt 100%

2. Đảm bảo đủ lao động

- Thực hiện đúng cam kết với người lao động: “không một người lao động nào làm việc tại TNG bị vi phạm chế độ và quyền lợi theo qui định của pháp luật”

- Tăng thu nhập cho người lao động: “Tiền lương tối thiểu vùng tính trong đơn giá tiền lương tăng 13% so với qui định của nhà nước”

- Tăng các chế độ phúc lợi cho người lao động.
- Bổ xung thêm xe đưa đón công nhân.

3. Cải tiến tăng năng suất lao động

- Sắp xếp nhà máy theo tiêu chuẩn - 5S
- Áp dụng sản xuất tinh gọn theo – LEAN
- Cải tiến phương pháp quản lý MMTB.
- Đầu tư thêm thiết bị chuyên dùng

4. Quản trị công ty theo – ERP

- K1 là hệ số vượt kế hoạch chỉ tiêu DSSX .
- K2 là hệ số vượt chỉ số chất lượng sản phẩm đạt được.
- K3 là hệ số vượt tích lũy nguồn tiền lương.
- K4 là hệ số rút ngắn được ngày giao hàng gốc
- K5 là hệ số vượt lao động bình quân đi làm.
- K6 là hệ số vượt kế hoạch doanh thu sản
- K7 là hệ số vượt chỉ tiêu đánh giá của khách hàng.
- K8 là hệ số rút ngắn số giờ làm việc thực tế.
- K9 là hệ số tăng năng suất thực tế.

5. Tăng chuyển may nhanh

- Khai thác Nhà máy may TNG Đại Từ giai đoạn 2 vào quý III/2015 và tiếp tục đầu tư Nhà máy May TNG Phú Lương.

- Tiếp tục duy trì thực hiện chính sách an sinh xã hội, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

Trên đây là báo cáo của Hội đồng Quản trị về hoạt động năm 2014 và kế hoạch hành động năm 2015. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.





STT	Tiểu ban		Kết quả hoạt động	Số lượng thành viên
1	Ban quan hệ cổ đông	<p>Cập nhật thông tin mục Quan hệ cổ đông trên website công ty; Cung cấp báo cáo tài chính hoặc các thông tin theo luật định cho Sở giao dịch chứng khoán đồng thời công bố trên website của Công ty; Tổ chức đón tiếp và trả lời những thắc mắc hay yêu cầu của nhà đầu tư, liên hệ với Chủ tịch HĐQT để thu xếp thời gian tiếp các nhà đầu tư. Tham mưu cho Chủ tịch HĐQT tổ chức Đại hội cổ đông theo đúng quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm về những vấn đề pháp lý liên quan đến thủ tục phát hành chứng khoán tăng vốn điều lệ, trả cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu. Tham mưu cho lãnh đạo lựa chọn đơn vị tư vấn phù hợp. Tìm hiểu dư luận các nhà đầu tư, các công ty chứng khoán và thị trường chứng khoán để phân tích nhận xét đánh giá về thị hiệu của nhà đầu tư về cổ phiếu công ty.</p>	<p>Ban Quan hệ cổ đông đã xây dựng khung tiêu chí thể hiện tính công khai – minh bạch của TNG theo thông tư 52 /2012-TT-BTC, 121/2012-TT-BTC, 130 /2012-TT-BTC, 204 /2012-TT-BTC, các mẫu báo cáo tại thời điểm hiện tại đều được công bố bằng 2 thứ tiếng, tiếng Việt và tiếng Anh, nhằm phù hợp các cổ đông, nhà đầu tư trong và ngoài nước theo dõi, tìm hiểu. Thời gian tới, CBTT bằng tiếng Việt và tiếng Anh sẽ tiếp tục được duy trì.</p>	3
2	Tiểu ban kiểm soát	<p>Xây dựng chương trình, kế toán kiểm toán hàng kỳ và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch đó. Định kỳ báo cáo thực hiện chương trình kiểm toán lên HĐQT. Rà soát, đánh giá độc lập và nhận định các tài liệu, số liệu kế toán, báo cáo tài chính đã được kiểm toán. Tham gia góp ý kiến với Phòng kế toán Công ty sửa chữa những sai sót, vi phạm (nếu có) để chấn chỉnh công tác quản lý tài chính, kế toán của Công ty. Phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật, các rủi ro có thể xảy ra trong hoạt động của Công ty. Quản lý, sử dụng tài sản và các nguồn lực tại Công ty an toàn và hiệu quả. Xây dựng cơ chế, quy chế nhằm tăng cường biện pháp bảo đảm an toàn tài sản, tăng hiệu quả hoạt động của Công ty.</p>	<p>Kiểm soát năng lực SX của công ty hàng tháng trên phần mềm QTKD công ty. Theo dõi tiến độ công nợ quá hạn của công ty. Theo dõi chuyển tiền đi, hàng về và hàng đi, tiền về, trên hệ thống phần mềm. Phân tích các nguyên nhân khách quan, chủ quan gây ra lỗi thất thoát của công ty, nếu nguyên nhân chủ quan sẽ truy đến cùng, người làm sai sẽ chịu bồi thường trách nhiệm vật chất cá nhân, không được hạch toán vào giá thành. Kiểm soát năng lực SX của công ty hàng tháng trên phần mềm QTKD công ty. Theo dõi tiến độ công nợ quá hạn của công ty. Theo dõi chuyển tiền đi, hàng về và hàng đi, tiền về, trên hệ thống phần mềm. Phân tích các nguyên nhân khách quan, chủ quan gây ra lỗi thất thoát của công ty, nếu nguyên nhân chủ quan sẽ truy đến cùng, người làm sai sẽ chịu bồi thường trách nhiệm vật chất cá nhân, không được hạch toán vào giá thành.</p>	3
3	Tiểu ban nhân sự	<p>Tư vấn, tham mưu cho HĐQT Công ty trong việc hoạch định chiến lược phát triển nguồn nhân lực, cán bộ quản lý cấp cao; công tác quản lý lao động; các chính sách liên quan đến công tác tổ chức cán bộ của Công ty. Xây dựng trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử thành viên HĐQT. Đề ra các tiêu chí về phẩm chất và năng lực của thành viên HĐQT. Góp ý kiến đối với các đề xuất về việc bổ nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT. Tham mưu đề xuất nhân sự để bầu bổ sung, thay thế thành viên HĐQT tại mỗi kỳ ĐHCĐ thường niên của Công ty, nhân sự lãnh đạo các Chi nhánh, công ty con (nếu có). Tham mưu đánh giá hoạt động và hiệu quả hoạt động của HĐQT, đóng góp của mỗi thành viên để công bố trong báo cáo thường niên. Đề xuất với HĐQT về kế hoạch phát triển nguồn nhân lực; phát hiện, tuyển chọn, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ quản lý cấp cao. Định kỳ hàng năm đánh giá quy mô, thành phần của HĐQT. Bộ máy điều hành, các điều kiện bổ nhiệm và đưa ra khuyến nghị liên quan tới những thay đổi cần thiết để trình ĐHCĐ trong kỳ Đại hội tiếp theo.</p>	<p>Các phòng ban, đơn vị của công ty đều có báo cáo đánh giá định lượng của nhân viên và các báo cáo đánh giá này tự cập nhật link trên phần mềm để ra kết quả thu nhập. Đưa ra các chỉ số KPIs để đánh giá các cán bộ quản lý, nhân viên và là động lực thúc đẩy sự phát triển. Động lực đó là làm tốt, kết quả SXKD hiệu quả tỷ lệ thuận với thu nhập và ngược lại - K1 là hệ số vượt kế hoạch chỉ tiêu DSSX . - K2 là hệ số vượt chỉ số chất lượng sản phẩm đạt được. - K3 là hệ số vượt tích lũy nguồn tiền lương. - K4 là hệ số rút ngắn được ngày giao hàng gốc - K5 là hệ số vượt lao động bình quân đi làm. - K6 là hệ số vượt kế hoạch doanh thu sản - K7 là hệ số vượt chỉ tiêu đánh giá của khách hàng. - K8 là hệ số rút ngắn số giờ làm việc thực tế. - K9 là hệ số tăng năng suất thực tế.</p>	3



STT	Số NQ/ QĐ	Ngày	Kết quả hoạt động
1	Số 75 NQ/TNG-HĐQT	24/02/2014	Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 Công ty cổ phần đầu tư và thương mại TNG, cụ thể: - Thời gian tổ chức: Dự kiến 08:30 ngày 13/04/2014 - Địa điểm: Tại khách sạn Hải Âu, Thành phố Thái Nguyên. - Chương trình Đại hội: Thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2013 và kế hoạch SXKD năm 2014; thông qua việc chi trả cổ tức năm 2014; thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi hoặc phương án phát hành tăng vốn điều lệ, và các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông
2	Số 300/NQ-HĐQT	07/05/2014	Thông qua phương án phát hành cổ phiếu lẻ: Số cổ phần dôi ra do làm tròn sẽ được giữ lại trong nguồn vốn tích lũy của Công ty Thời gian phát hành: Dự kiến tháng 5/2014 (Sau khi Ủy ban chứng khoán Nhà nước thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo)
3	NQ 347/NQ-HĐQT	17/06/2014	Sửa đổi khoản 1 – điều 5 – Điều lệ công ty quy định về vốn điều lệ, cổ phần: Vốn điều lệ của Công ty là 148.074.150.000 đồng (Một trăm bốn mươi tám tỷ, bảy tư triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn) Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 14,807,415 cổ phần với mệnh giá là 10,000 đồng.
4	Số 532/NQ-HĐQT	14/09/2014	- Thay đổi nhân sự Tổng giám đốc: HĐQT quyết định miễn nhiệm chức vụ TGDĐ đối với ông Nguyễn Đức Mạnh theo nguyện vọng cá nhân, thời gian thôi giữ chức vụ: 05/09/2014 HĐQT quyết định bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Thới giữ chức vụ Tổng giám đốc, thời gian bổ nhiệm: 05/09/2014 - Chào bán cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 cho các cổ đông hiện hữu, cán bộ công nhân viên của Công ty. Số lượng cổ phần chào bán: 5.676.191 CP. Trong đó: + Chào bán cho cổ đông hiện hữu: 4.935.819 CP + Chào bán cho cán bộ quản lý theo chương trình ESOP: 740.372 CP Mệnh giá: 10,000 đồng/ 1 CP - Thời gian phát hành: Quý IV/2014
5	Số 545QĐ/HĐQT-TNG	30/09/2014	Phê duyệt đối tượng được quyền tham gia chương trình ESOP 2014, gồm có: - Thành viên HĐQT - Thành viên ban Tổng giám đốc - Thành viên Ban kiểm soát
6	Số 560/ NQ-HĐQT	13/10/2014	Thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức đợt 1 năm 2014: - Số lượng cổ phiếu phát hành: 1.480.741 cổ phiếu - Nguồn vốn phát hành: Lợi nhuận sau thuế 06 tháng đầu năm 2004 - Đối tượng: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền - Tỷ lệ thực hiện: 10:1 - Nguyên tắc làm tròn: Số cổ phiếu chia cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị - Thời gian phát hành: dự kiến Quý IV/2014 - Phương án sử dụng vốn: Nguồn vốn thu được từ đợt phát hành sẽ được sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.



Ban quan hệ cổ đông

Thành phần gồm các ông/ bà có tên sau đây:

- Ông Nguyễn Văn Đức – Trưởng Ban kiểm soát – Trưởng ban
- Bà Lê Quỳnh Anh – Thư ký HĐQT - Thành viên
- Ông Lê Xuân VI – PP CNTT - Thành viên

+ Ý nghĩa của việc thành lập Ban quan hệ cổ đông

Ban quan hệ cổ đông được thành lập nhằm hỗ trợ hoạt động của HĐQT để việc quản lý giám sát việc thực hiện các quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông được thực hiện phù hợp với pháp luật, Luật Doanh nghiệp nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP đầu tư và thương mại TNG một cách chuẩn mực nhất theo nguyên tắc:

- a. *Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;*
- b. *Đối xử công bằng giữa các cổ đông;*
- c. *Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty.*

+ Phạm vi hoạt động của Ban quan hệ cổ đông

1. Ban quan hệ cổ đông giải quyết mọi thắc mắc, khiếu nại về chủ trương, chính sách liên quan đến hoạt động của Công ty hay liên quan đến quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hoặc bất cứ quyền và nghĩa vụ được luật pháp quy định giữa:

- a. *Một cổ đông hay các cổ đông với Công ty;*
- b. *Một cổ đông hay các cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc.*

2. Những thắc mắc, khiếu nại liên quan đến việc quản lý chuyển nhượng cổ phiếu Sở cổ đông (hiện do Trung tâm lưu ký sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội quản lý), chi trả cổ tức ... được Công ty ủy quyền cho các đơn vị giải quyết theo qui định.

+ Quyền tiếp cận thông tin của Ban quan hệ cổ đông

Các thành viên của Ban quan hệ cổ đông có quyền tiếp cận với tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty. Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý phải cung cấp thông tin theo yêu cầu của các thành viên Ban quan hệ cổ đông.

Phối hợp với các phòng ban của Công ty để triển khai thực hiện chức năng nhiệm vụ.

+ Các hoạt động cụ thể của Ban quan hệ cổ đông

- Theo dõi đầy đủ thông tin của một cổ đông (mã cổ đông, tên, tuổi, địa chỉ,...), quản lý cổ đông theo nhóm (cổ đông là cán bộ, công nhân của Công ty, cổ đông là pháp nhân ...);
- Theo dõi giám sát số cổ phần mà các cổ đông sở hữu (cổ phần phổ thông, các loại cổ phần ưu đãi...).
- Các loại giấy chứng nhận sở hữu cổ phần (giấy chứng nhận sở hữu cổ phần, cổ phiếu, Sổ cổ đông);
- Theo dõi giám sát sự thay đổi cổ phần của các cổ đông do Công ty phát hành thêm, do chuyển nhượng cổ phần, do trả cổ tức, trả thưởng bằng cổ phiếu;
- Theo dõi giám sát quyền mua cổ phần, quản lý việc chuyển nhượng quyền mua cổ phần, đăng ký mua cổ phần;
- Theo dõi giám sát sự thay đổi cổ phần của các cổ đông do Công ty phát hành thêm, do chuyển nhượng cổ phần, do trả cổ tức, trả thưởng bằng cổ phiếu;
- Theo dõi giám sát quyền mua cổ phần, quản lý việc chuyển nhượng quyền mua cổ phần, đăng ký mua cổ phần;
- Theo dõi lịch sử chuyển nhượng cổ phần giữa các cổ đông;

- Tham mưu và hỗ trợ cho Lãnh đạo Công ty tổ chức các sự kiện có liên quan như Đại hội đồng cổ đông thường niên, đại hội đồng cổ đông bất thường, tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản ... Báo cáo thống kê tỷ lệ bỏ phiếu cho mỗi cuộc họp, báo cáo danh sách các cổ đông đi họp, cổ đông đại diện cho các cổ đông khác;

- Theo dõi và đại diện thực hiện việc công bố thông tin cho Công ty theo định kỳ qui định của pháp luật hiện hành, công bố thông tin bất thường, thực hiện việc báo cáo theo yêu cầu bắt buộc, định kỳ hoặc đột xuất của cơ quan có thẩm quyền, đề xuất và tham mưu cho ban lãnh đạo Công ty những giải pháp và đề xuất liên quan đến việc công bố thông tin và báo cáo. Giúp Công ty công bố thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và các cổ đông lớn.

- Tổ chức tiếp đón và trả lời những thắc mắc hay các yêu cầu của cổ đông. Giải quyết tranh chấp nội bộ giữa cổ đông với Công ty, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc theo phạm vi hoạt động và theo Điều lệ công ty.

- Tìm hiểu các vấn đề mà cổ đông bên ngoài thường gây thắc mắc để tham mưu cho lãnh đạo Công ty có hướng giải quyết.

- Thuê tư vấn, luật sư để giải quyết các vướng mắc tranh chấp nếu có.

+ Nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban quan hệ cổ đông, thành viên Ban quan hệ cổ đông

- Ban quan hệ cổ đông chịu trách nhiệm trước HĐQT về các hoạt động được giao;
- Kịp thời thông báo cho HĐQT những tranh chấp giữa cổ đông với Công ty, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc mà Ban quan hệ cổ đông không thể giải quyết được;
- Trong quá trình thực hiện công việc được giao, thành viên của Ban quan hệ cổ đông không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty để tiết lộ cho người khác hay để mưu lợi cá nhân;
- Thành viên Ban quan hệ cổ đông có trách nhiệm thực hiện công việc của mình một cách trung thực, cẩn trọng, vì quyền của cổ đông và Công ty.

+ Chế độ báo cáo

Định kỳ hàng Quý, Ban quan hệ cổ đông phải có nghĩa vụ báo cáo tình hình hoạt động với HĐQT. Nội dung báo cáo phải thể hiện rõ những tồn tại, những khó khăn và đề xuất biện pháp khắc phục.

Thông tin liên lạc ban quan hệ cổ đông:

- 1. Ông: Nguyễn Văn Đức - Trưởng ban kiểm soát - Trưởng ban
 - SĐT: 091 446 2992
 - Email: duenguyen@tng.vn
- 2. Bà: Lê Quỳnh Anh - Thư ký HĐQT - Thành viên
 - SĐT: 098 892 0136
 - Email: quynhanh@tng.vn

+ Chức năng – nhiệm vụ

- Cập nhật thông tin mục Quan hệ cổ đông trên website công ty;
- Cung cấp báo cáo tài chính hoặc các thông tin theo luật định cho Sở giao dịch chứng khoán đồng thời công bố trên website của Công ty;
- Tổ chức đón tiếp và trả lời những thắc mắc hay yêu cầu của nhà đầu tư, liên hệ với Chủ tịch HĐQT để thu xếp thời gian tiếp các nhà đầu tư.
- Tham mưu cho Chủ tịch HĐQT tổ chức Đại hội cổ đông theo đúng quy định của pháp luật.
- Chịu trách nhiệm về những vấn đề pháp lý liên quan đến thủ tục phát hành chứng khoán tăng vốn điều lệ, trả cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu. Tham mưu cho lãnh đạo lựa chọn đơn vị tư vấn phù hợp.
- Tìm hiểu dư luận các nhà đầu tư, các công ty chứng khoán và thị trường chứng khoán để phân tích nhận xét đánh giá về thị hiếu của nhà đầu tư về cổ phiếu công ty;
- Tìm hiểu các vấn đề của cổ đông thắc mắc và đề xuất hướng giải quyết cho Chủ tịch HĐQT Công ty.

I. Báo cáo hoạt động giám sát của Ban kiểm soát

Thực thi những nhiệm vụ và quyền hạn quy định trong Điều lệ Công ty, trong năm 2014 Ban Kiểm soát đã thực hiện các công việc sau đây:

1. Kiểm soát hoạt động SXKD trên hệ thống phần mềm TNG, từ khâu đàm phán khách hàng, tổ chức SX, giao hàng, lập chứng từ đòi tiền khách hàng trên hệ thống.

TNG xây dựng hệ thống kiểm soát gồm 03 cấp:

- Kiểm soát cấp chi nhánh: Thành lập ban KSNB do giám đốc chi nhánh chịu trách nhiệm.
- Kiểm soát cấp công ty bao gồm: Kiểm soát công tác CBSX, kiểm soát công tác tài chính, đưa các tiêu chí kiểm soát vào hệ thống phần mềm.
- Kiểm soát cấp cổ đông: Do ban kiểm soát chịu trách nhiệm và phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các thành viên BKS.

2. Trong năm 2014 nợ ngắn hạn vượt tài sản ngắn hạn là 209,8 tỷ. Tuy nhiên tổng tài sản nhiều hơn tổng nợ 262,2 tỷ. Hệ số khả năng thanh toán tổng quát = 1,28 > 1. Công ty đã phát hành:

- Năm 2014 trả cổ tức bằng CP: 1.480.531 CP tương đương 14.805.310.000đ.
- Năm 2015 phát hành: 5.655.624CP tương đương 56.556.240.000 đ.
- Giám một phần việc áp lực về vốn, Năm 2015 đề nghị Công ty tiếp tục phát hành để giảm áp lực về nguồn vốn.

3. Kiểm tra giám sát việc tuân thủ các quy định của luật pháp, Điều lệ của công ty, nghị quyết ĐHĐCĐ, quyết định HĐQT.

- 01 NGHĐCĐ,
- 05 Nghị Quyết HĐQT,
- 01 QĐ HĐQT

Ban kiểm soát không thấy điều gì bất thường trong hoạt động của HĐQT, Ban giám đốc và cán bộ quản lý.

4. Hàng quý, năm kiểm tra báo cáo tài chính đảm bảo tính hợp pháp theo chế độ kế toán và luật kế toán ban hành. Các chế độ đối với người lao động đúng theo quy định.

Một số chỉ tiêu báo cáo tài chính 2014 như sau:

A, Nhóm chỉ tiêu phản ánh tình hình và khả năng thanh toán:

1, Hệ số khả năng thanh toán hiện hành (tổng quát): 1.28

Chỉ tiêu này đo lường khả năng thanh toán tổng quát của Công ty. Chỉ tiêu này lớn hơn 1 chứng tỏ tổng giá trị tài sản của Công ty thừa để thanh toán hết các khoản nợ hiện tại.

2, Hệ số khả năng thanh toán Nợ ngắn hạn: 0.72

Chỉ tiêu này đo lường khả năng thanh toán tạm thời nợ ngắn hạn bằng các tài sản có thể chuyển đổi trong thời gian ngắn (thường ước 1 năm). Chỉ tiêu này nhỏ hơn 1 chứng tỏ tài sản ngắn hạn không đảm bảo đủ thanh toán cho nợ ngắn hạn, hay nói cách khác có một phần nợ ngắn hạn được dùng để tài trợ cho tài sản dài hạn.

3, Hệ số khả năng thanh toán nhanh (tức thời) : 0.018

Hệ số khả năng thanh toán nhanh phản ánh khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn bằng số tiền hiện có và tài sản có thể chuyển đổi nhanh thành tiền trong Công ty. Chỉ số này có ý nghĩa cứ 100 đồng tiền Nợ ngắn hạn thì Công ty có thể chi trả nhanh được 1.8 đồng.

B, Nhóm chỉ tiêu phản ánh kết quả kinh doanh:

1, Tỷ suất lợi nhuận gộp trên Doanh thu thuần: 19.1%

Chỉ tiêu này cho biết cứ 100 đồng Doanh thu thuần sinh ra 19.1 đồng lợi nhuận gộp

2, Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên Doanh thu thuần: 3.9%.

Chỉ tiêu này cho biết cứ 100 đồng Doanh thu thuần sinh ra 3.9 đồng lợi nhuận sau thuế.

- Phân tích chính sách tài trợ:

Phân tích chính sách tài trợ ở đây chính là phân tích nguyên tắc cân bằng tài chính thể hiện qua việc xác định vốn lưu chuyển của Công ty. Đứng trên góc độ về tài chính thì nguyên tắc cân đối giữa Tài sản và Nguồn vốn được tiến hành theo từng khối lượng của những bộ phận cấu thành Bảng Cân đối kế toán, và có thể tổng quát theo sơ đồ sau:

Vốn lưu chuyển được xác định bằng công thức:

$VLC = \text{Nguồn vốn DH} - \text{TSDH}$

Hay $VLC = (\text{Vốn chủ sở hữu} + \text{Vay dài hạn}) - \text{TSDH}$.

Hoặc $VLC = \text{TSNH} - \text{Nguồn vốn NH}$.

Như vậy sau khi xác định VLC là: (-209.8 tỷ)

Chỉ tiêu Vốn lưu chuyển âm có nghĩa Nguồn vốn DH < Tài sản DH có nghĩa là Công ty đã dùng một phần nguồn vốn có thể sử dụng trong ngắn hạn để tài trợ cho Tài sản dài hạn. Đây là một dấu hiệu không đem lại sự ổn định và an toàn về tài chính. Do vậy cần phải có những biện pháp để thoát khỏi tình trạng này.

5. Với mục tiêu năm 2014 ĐHĐCĐ là thể hiện tính minh bạch:

- BKS đã thẩm định, cho chào giá cạnh tranh nhà thầu phụ về chi may, Phụ tùng, vận chuyển, than đốt, Băng dính. Đi thẩm định các nhà cung cấp như nhà cung cấp máy phát điện, tham gia thẩm định dây chuyền bông tấm, máy đánh bông, bông xé, các nhà cung cấp hạt nhựa sản xuất cho túi PE, nguyên liệu giấy, nhà cung cấp bông sơ, nhà cung cấp ke gá. Thêm vào đó BKS cùng đoàn đánh giá, các cán bộ kinh doanh, giám đốc các chi nhánh cùng tuyên truyền thông báo về quy tắc đạo đức "NGHIÊM CẢM NHẬN HỒI LỘ" số 613 TB- TNG ngày 19/11/2013 cho các khách hàng, các nhà thầu phụ, các nhà cung cấp của TNG.

- Tham gia cùng hội đồng đàm phán các khách hàng, các nhà cung cấp. bàn giá theo hội đồng công khai, không riêng lẻ theo từng giám đốc chi nhánh. Đơn giá ký xác nhận công khai luôn cho HĐQT, BKS và giám đốc các chi nhánh cùng được biết.

- Trước khi thực hiện hợp đồng ký kết hoặc mua, hoặc bán và các hợp đồng khác, các chi nhánh may đều thông tin lại bộ phận chuyên môn là các phòng ban của công ty, sau khi các phòng có ý kiến các hợp đồng sẽ được chuyển tới bộ phận trợ giúp pháp lý của BKS để thẩm định về mặt pháp lý, tránh các rủi ro về thanh toán và phải có dấu xác nhận đã thẩm định của BKS thì lãnh đạo công ty mới phê duyệt để thực hiện HĐ.

- Trong quá trình thanh toán cho các nhà cung cấp hệ thống phần mềm đã kiểm soát số tiền trước khi chuyển đi cho nhà cung cấp phải có đơn hàng mà các khách hàng mua hàng ký. Tổng số tiền chuyển đi phải nằm trong khung dự toán xây dựng. Nếu số tiền vượt quá thì người phê duyệt 1, người phê duyệt 2 không phê duyệt được trên hệ thống và qua đó hệ thống cảnh báo những người phê duyệt kiểm tra lại tổng dự toán của số tiền chuyển cho nhà cung cấp và hệ thống không cho in ra để nghị chuyển tiền kèm mã vạch tương ứng.

- Sau khi chuyển tiền đi, hệ thống phần mềm kiểm soát ngày dự kiến hàng về tại cảng Hải Phòng, các bộ phận căn cứ vào thông tin để triển khai công việc và hệ thống sẽ thông báo Deadline cho từng đơn vị và kết thúc bằng việc thủ kho các chi nhánh xác nhận số hàng về kho. Trong quá trình SX các mã hàng sẽ thể hiện từng đơn vị để mọi người cùng theo dõi.

- Đến thời điểm xuất hàng, hệ thống trong máy báo deadline để các bộ phận thực hiện, sau khi hàng xuống cảng, bộ phận kinh doanh các nhà máy thực hiện hoàn thiện bộ chứng từ đòi tiền khách hàng cũng thông qua hệ thống phần mềm QTKD của TNG, sau khi các bộ phận kiểm tra xong, các nhà máy chuyển cho phòng kết toán công ty xem xét rồi chuyển cho bộ phận của BKS để thẩm định theo yêu cầu của khách hàng trước khi gửi ngân hàng đòi tiền khách hàng. Trong trường hợp BKS thẩm định mà các lỗi không thể sửa được thì sau khi khách hàng trả tiền thì tùy vào số lỗi, số tiền mà ngân hàng khấu trừ tiền sẽ quy trách nhiệm các bộ phận, cá nhân phải bồi thường 100% giá trị thiệt hại.



- Trong hệ thống phần mềm QTKD cũng đã xây dựng được công nợ trong hạn, quá hạn bằng việc kiểm soát hạn mức tín dụng của từng chi nhánh, nên các đơn vị nào mà chuẩn bị quá hạn mức tín dụng, lập tức các bộ đề nghị thanh toán sẽ bị tạm dừng, không phê duyệt được. hệ thống phần mềm này bắt buộc các nhân viên kinh doanh không chỉ theo hàng tốt mà phải luôn đốc thúc công nợ để số tiền của các chi nhánh luôn luôn ở trong hạn mức cho phép để hoạt động.

- Các vướng mắc các nhà máy gây ra tổn thất thì BKS cùng với kế toán trưởng, PTGDCTy, giám đốc chi nhánh thành viên sẽ phân tích nguyên nhân khách quan hay chủ quan, nếu là chủ quan cá nhân gây ra thì sẽ thông tin, kiến nghị lại HĐQT công ty và HĐ kỷ luật công ty yêu cầu các cá nhân gây ra bồi thường 100% thiệt hại.

- Kiểm soát báo cáo KQSXKD các chi nhánh theo tháng theo các điều khoản của HĐ thuê giám đốc, nếu lỗi, BKS sẽ kiểm tra, phân tích nguyên nhân lỗi, kế hoạch các tháng tiếp theo và đề xuất các khuyến nghị.

- Các công trình XD, khi nghiệm thu từng giai đoạn của nhà thầu, BKS cùng tham gia các bộ phận chức năng như phòng XDCB, BQLDA để kiểm nghiệm theo từng giai đoạn hoàn thiện của công trình.

- Công ty đã thực hiện việc báo cáo tuân thủ trên thị trường chứng khoán, hơn nữa công ty đã tổ chức công khai cho các nhà đầu tư tại Hnx ngày 25/11/2014 thể hiện việc minh bạch là thành lập ban quan hệ cổ đông, báo cáo KQSXKD theo tháng. Từng bước đưa các báo cáo song song với tiếng Việt là Phiên bản tiếng Anh.

- Trong Đại hội cổ đông năm 2015, công ty đã thực hiện việc đại hội cổ đông trực tuyến với 01 điểm tại Hà Nội để tăng khả năng tham dự tối đa các cổ đông của TNG.

II. Thủ lao và chi phí hoạt động của BKS và từng thành viên BKS-

Thủ lao của phụ cấp BKS dự kiến trong năm 2014:

- 1. Trưởng BKS : Nguyễn Văn Đức = 84,000,000 đ
- 2. Thành viên BKS Bùi Thị Thắm = 72,000.000 đ
- 3. Thành viên BKS Hà Thị Tuyết = 72,000,000 đ

Thu nhập, các khoản lợi ích và chi phí cho thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổng cộng
1	Nguyễn Văn Đức	Trưởng BKS	214,218,575
2	Bùi Thị Thắm	Ủy viên BKS	190,831,000
3	Hà Thị Tuyết	Ủy viên BKS	114,866,000

III. Tổng kết các cuộc họp của BKS và các quyết định của BKS.

A. Cuộc họp ngày 23/04/2014 trao đổi về

- Phân công nhiệm vụ các thành viên BKS:

1. Ông Nguyễn Văn Đức: Kiểm soát các liên quan đến tài chính/ Đánh giá NCC.

2. Bà Bùi Thị Thắm: Kiểm soát chặt chẽ các vấn đề liên quan đến người lao động trong công ty, Kiểm soát các công trình XD/CB, máy móc thiết bị, kiểm tra các nhà thầu phụ có liên quan.

3. Bà Hà Thị Tuyết: Kiểm soát các nhà thầu phụ, nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ, Kiểm soát các nghị quyết, quyết định HĐQT theo đúng điều lệ công ty.

+ Kiểm soát nội quy, quy chế ban hành của tổng giám đốc.

+ Kiểm soát chặt chẽ các nội quy, quy định, văn bản của công ty.

+ kiểm soát tình hợp pháp trong hành động của thành viên HĐQT, TGD, ban giám đốc, các cán bộ quản lý của công ty.

- Các thành viên nhất trí chương trình làm việc của BKS.

B. Họp ngày 25/04/2014 về việc kiểm soát quý 1/2014 của BKS.

- Kiểm soát phiên họp thường niên DHD/CĐ công ty CPĐầu tư và TM TNG, số cổ phần tham dự đạt 69% vốn. Căn cứ vào điều lệ, luật doanh nghiệp thì công ty đã tiến hành theo đúng trình tự, thủ tục quy định trong điều lệ và luật doanh nghiệp.

-Phân tích KQSXKD quý 1/2014:

- Kết luận: Như vậy có thể thấy trong Quý 1/2014 Công ty đã đẩy mạnh bán ra để tăng doanh thu thuần, điều đó chẳng những làm tăng lợi nhuận mà còn tạo điều kiện tăng nhanh tốc độ luân chuyển vốn. Khi khối lượng tiêu thụ tăng thì giá vốn hàng bán tăng, chi phí quản lý DN tăng là lẽ đương nhiên. Trong trường hợp này không thể coi là khuyết điểm trong quản lý giá thành mà là sự cố gắng trong tiêu thụ sản phẩm.

- Chỉ tiêu Vốn lưu chuyển âm (-160 tỷ) có nghĩa Nguồn vốn DH < Tài sản DH có nghĩa là Công ty đã dùng một phần nguồn vốn có thể sử dụng trong ngắn hạn để tài trợ cho Tài sản dài hạn. Đây là một dấu hiệu không đem lại sự ổn định và an toàn về tài chính. Do vậy cần phải có những biện pháp để thoát khỏi tình trạng này.

- Tình hình hồ sơ, chứng từ kế toán: Các hồ sơ, chứng từ kế toán đảm bảo theo quy định. Công ty đã có các công cụ kiểm soát rất mạnh như việc thiết lập dòng tiền đi, dự kiến dòng tiền hàng về, kiểm soát chuyển tiền đi, hàng về, hàng đi tiền về và giám sát công nợ quá hạn từng đơn vị thông qua việc giao hạn mức tín dụng cho từng đơn vị.

- Tình hình triển khai các dự án đầu tư: Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 13/4/2014 công ty đã xây dựng công trình nhà máy TNG Đại Từ dự kiến sẽ đem lại hiệu quả.

+ Các công trình khác đang trong giai đoạn khảo sát.

- Chính sách đối với người lao động của công ty: Công ty đã ban hành chính sách về tiền lương, tiền thưởng, hỗ trợ tiền xăng xe, tiền chuyên cần, chính sách về nhà ở , rút ngắn thời gian làm việc 9h/ngày, có xe ô tô đưa đón tại các tuyến..., Các chính sách của công ty đáp ứng được nguyện vọng của người lao động đã giảm thiểu sự biến động và thu hút được nhiều lao động có tay nghề vào làm việc tại công ty.

- Các Nghị Quyết, quyết định của HĐQT/ Ban giám đốc đều tuân thủ quy định của công ty.

- Tham gia đàm phán với các khách hàng về ký hợp đồng, điều khoản thanh toán với các khách hàng để hạn chế các rủi ro.



C. Cuộc họp trao đổi kiểm soát BCKQSXKD về quý 2 năm 2014 vào ngày 24/07/2014

Phân tích KQSXKD quý 2/2014:

Kết luận: Như vậy có thể thấy trong Quý 2/2014 các khoản chi phí đã giảm để đảm bảo tỷ lệ lợi nhuận cao so cùng kỳ do công ty chủ động thay đổi cơ chế quản trị công ty và cơ cấu đơn hàng.

- Chỉ tiêu Vốn lưu chuyển âm (-194 tỷ) có nghĩa Nguồn vốn DH < Tài sản DH có nghĩa là Công ty đã dùng một phần nguồn vốn có thể sử dụng trong ngắn hạn để tài trợ cho Tài sản dài hạn. Đây là một dấu hiệu không đem lại sự ổn định và an toàn về tài chính. Do vậy cần phải có những biện pháp để thoát khỏi tình trạng này có kế hoạch phát hành tăng vốn vào quý 4/2014.

- Tình hình hồ sơ, chứng từ kế toán: Các hồ sơ, chứng từ kế toán đảm bảo theo quy định.

- Chính sách đối với người lao động của công ty: Duy trì chính sách của TNG tốt.

- Các Nghị Quyết, quyết định của HĐQT/ Ban giám đốc đều tuân thủ quy định của công ty.

- Phối hợp giữa HĐQT, Ban giám đốc, BKS: Hàng tuần họp giao ban đều có BKS tham dự họp Ban lãnh đạo công ty để tham gia đóng góp, xây dựng ý kiến

- BKS cùng Ban giám đốc công ty đi đánh giá nhà cung cấp đầu vào cho TNG như NCC Than, Phụ tùng, chi, Vận tải nội địa để kiểm soát chi phí đầu vào.

- BKS cùng phòng kế toán công ty kiểm soát các hợp đồng đầu vào, và cùng theo dõi giám sát hạn mức tín dụng của từng chi nhánh, nếu có công nợ quá hạn đề nghị giải quyết ngay.

D. Cuộc họp trao đổi kiểm soát về BCKQSXKD quý 3 năm 2014 vào ngày 25/10/2014 giám sát hoạt động SXKD của chi nhánh theo từng tháng sau khi lãnh đạo công ty phân cấp sâu cho các chi nhánh.

Phân tích KQSXKD quý 3/2014:

Kết luận: Từ bảng phân tích cho thấy các khoản phải thu 9 tháng năm 2014 tăng so với năm 2013 là 20 tỷ tương đương với tăng 104%, chi phí lãi, Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp giảm so với năm 2013. Hàng tồn kho không cao hơn nhiều so với năm 2013. Vay và nợ ngắn hạn cao hơn 133% so với năm 2013

- TNG đang hoàn tất hồ sơ phát hành tăng vốn vào quý 4/2014 với SL khoảng 7 triệu CP.

- Tình hình hồ sơ, chứng từ kế toán: Các hồ sơ, chứng từ kế toán đảm bảo theo quy định.

- Chính sách đối với người lao động của công ty: Duy trì chính sách của TNG tốt.

- Các Nghị Quyết, quyết định của HĐQT/ Ban giám đốc đều tuân thủ quy định của công ty.

- Phối hợp giữa HĐQT, Ban giám đốc, BKS: Hàng tuần họp giao ban đều có BKS tham dự họp Ban lãnh đạo công ty để tham gia đóng góp, xây dựng ý kiến

- BKS đưa ra chương trình hành động cụ thể phân rõ việc cho từng thành viên vào ngày 28/07/2014.

- BKS cùng Kế toán trưởng công ty rà soát các tồn thất tài chính, phân tích nguyên nhân, quy rõ trách nhiệm để các cá nhân phải bồi thường căn cứ theo hợp đồng thuê giám đốc, theo nội quy, quy chế công ty.

- BKS cử thành viên BKS trực tiếp cùng tham dự với các bộ phận có liên quan nghiệm thu từng phần, giai đoạn việc XD nhà máy TNG Đại Từ, Kiểm soát việc mua máy móc thiết bị đầu tư cho nhà máy TNG Đại Từ.

IV. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tình hình tài chính của công ty

1. Chi tiết báo cáo tài chính đã được kiểm toán trong năm 2014.

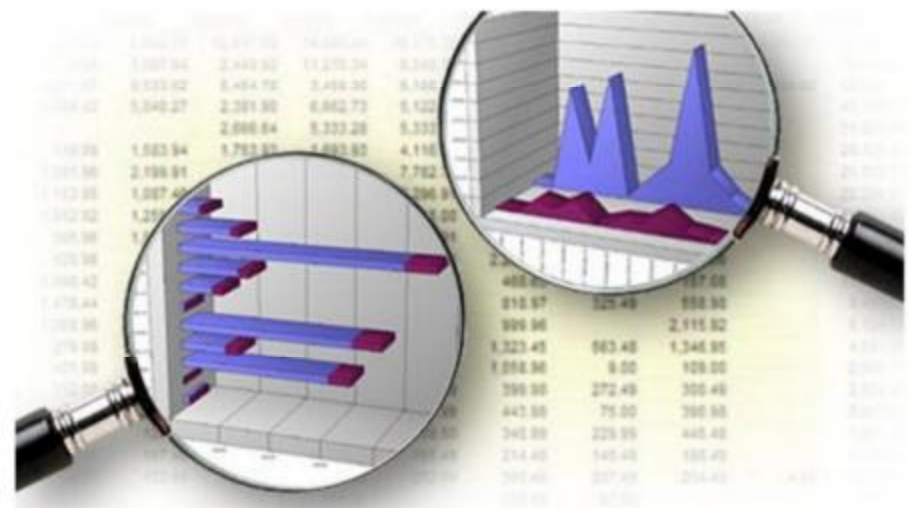
2. Chính sách tài trợ: Dùng vốn ngắn hạn đầu tư dài hạn = - 209,8 tỷ, khuyến nghị tăng vốn theo nghị quyết DHDGD thông qua và cấu trúc lại vốn theo phương án đi thuê tài chính. Hoạt động SXKD của công ty vẫn được duy trì đều, thể hiện trên phần mềm QTKD từ khâu đàm phán ký HĐ, tổ chức SX, giao hàng, đòi tiền về thông qua công cụ phần mềm để giám sát.

3. Duy trì chính sách tốt với người lao động, kết hợp tuyên truyền tốt các chính sách của công ty thông qua các kênh, đặc biệt là mạng lưới công đoàn cơ sở. Thiết lập hệ thống xe Buýt đưa, đón công nhân.

V. Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT, giám đốc và cán bộ quản lý khác

- Các hệ số đánh giá theo các tiêu chí hệ số lượng hóa từ K1, K2, K3, K4, K5, K6, K7, K8, K9.

- Thông qua hệ thống phần mềm đánh giá HQSXKD từng tháng, lập KHSX, BKS không thấy có hiện tượng bất thường.





VI. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS, HĐQT, Ban giám đốc và cổ đông.

1. Khi HĐQT họp thì thành phần BKS đều tham gia trao đổi, đóng góp ý kiến, cùng tham gia kế hoạch kiểm tra định kỳ các đơn vị, chi nhánh.
2. BKS tham gia cuộc họp giao ban định kỳ giữa lãnh đạo công ty và các cán bộ quản lý trao đổi về cách thực hiện KQSXKD.
3. Khi các văn bản của HĐQT chuẩn bị ban hành, HĐQT đều gửi văn bản cho BKS, Ban điều hành công ty để tham vấn, phản biện các nội dung trước khi thực hiện các văn bản.
4. Sau khi văn bản chính thức được ban hành, Chủ tịch HĐQT triệu tập họp Ban Lãnh đạo công ty, BKS, Ban giám đốc, các trưởng bộ phận để giải thích nội dung các văn bản đưa ra, lắng nghe và chỉnh sửa các văn bản sao cho văn bản phù hợp nhất với thực tế.
5. Các thông tin đều được cập nhật theo đúng quy định của luật chứng khoán, chia sẻ các thông tin cho cổ đông để nắm được thông tin.
6. BKS tham gia từ việc đàm phán hợp đồng, theo dõi tiền đi, hàng về, hàng đi, tiền về, cùng tham gia việc kiểm soát chi phí như đi đánh giá nhà cung cấp, thương thảo các hợp đồng nhằm giảm thiểu rủi ro cho TNG.
7. BKS cùng phòng kế toán công ty, giám đốc các chi nhánh khi thấy các hiện tượng tổn thất có thể xảy ra thì đều tiếp cận các nhà máy cùng các bộ phận có liên quan phân tích nguyên nhân khách quan, chủ quan, đánh giá các mức độ.
8. Tất cả các hoạt động công bố thông tin minh bạch trên thị trường chứng khoán TNG đều tuân thủ nghiêm ngặt theo quy định công bố thông tin như : thông tư 52, thông tư 121, thông tư 130 hay thông tư 204 đảm bảo việc công bố thông tin kịp thời, chính xác phản ánh cho các nhà đầu tư, ngoài ra TNG đăng ký báo cáo KQSXKD theo tháng bằng tiếng việt, tiếng anh công bố chính thức trên web TNG, HNX và báo CafeF.

VII. Đánh giá hoạt động của tổ chức kiểm toán

1. BKS tham gia kiểm kê cùng Công ty kiểm toán deloitte bán niên cũng như báo cáo hết năm tại các nhà máy, các đơn vị của TNG.
2. Khi kiểm toán viên có lịch kiểm toán, người phụ trách kiểm toán Deloitte tại TNG đều có lịch hẹn với BKS để trao đổi, thảo luận về công việc tại TNG trước khi thực hiện kiểm toán, bao gồm nội dung, kế hoạch thực hiện và cách triển khai.
3. Các kiểm toán viên của công ty kiểm toán Deloitte nghiêm túc trong công việc. Từ việc kiểm kê chọn mẫu, giám sát việc kiểm kê chính xác để thể hiện hàng tồn kho cũng như việc kiểm soát các nghị quyết ĐHĐCĐ, các hợp đồng tín dụng, công nợ phải thu, phải trả, chốt sổ....
4. Sau khi hoàn thiện kiểm toán số liệu tại TNG, Đại diện của kiểm toán thông báo văn bản kết quả kiểm toán thực địa và các công việc tiếp theo, dự kiến thời gian hoàn thiện.
5. Đại hội đồng cổ đông của TNG diễn ra ngày 13/04/2014 TNG đã mời đại diện của công ty kiểm toán Deloitte đến dự và công ty kiểm toán Deloitte đã tham dự vừa đóng góp ý kiến cho ĐHĐCĐ, giải đáp thắc mắc cho các cổ đông và kiểm toán Deloitte nắm bắt được ĐHĐCĐ diễn ra như thế nào, các ý kiến biểu quyết trong cuộc họp.
6. TNG tổ chức chương trình “ Công bố thông tin và minh bạch” ngày 25 tháng 11 năm 2014 tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, TNG có mời công ty kiểm toán Deloitte và công ty Kiểm toán Deloitte đã tham dự cùng TNG để đưa thông điệp minh bạch tới các cổ đông, nhà đầu tư của TNG.

Kết luận:

- Trong năm 2014, Ban Kiểm soát không phát hiện có vấn đề gì bất thường hay vi phạm của Hội đồng Quản trị và Ban điều hành Công ty.
- Việc giải quyết tổng nợ ngắn hạn vượt tài sản ngắn hạn: TNG đã có phương án phát hành cổ phiếu trong năm 2014 để bù đắp thiếu hụt trên. Ngoài ra còn hợp tác với các đơn vị cho thuê tài chính.

VIII. Tồn tại của Ban kiểm soát

1. Hoạt động của Ban kiểm soát chưa được thường xuyên, công tác giám sát, kiểm tra còn hạn chế do nhân lực còn mỏng, BKS chỉ tập trung, ưu tiên các vấn đề nổi cộm và ảnh hưởng lớn tới HĐSXKD trước.
2. Chưa kiểm tra, đánh giá được nhiều nhà thầu phụ cung cấp nguyên liệu nước ngoài.

IX. Kế hoạch hành động năm 2015 của Ban Kiểm soát

1. Kiểm soát các văn bản ban hành của HĐQT. Ban giám đốc theo từng quý, theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
2. Phối hợp với HĐQT tham gia đánh giá các nhà cung cấp, các khách hàng và các dự án đầu tư của công ty.
3. Theo dõi, giám sát các giao dịch cổ phiếu trên thị trường và công bố thông tin chính xác, kịp thời theo đúng qui định của Ủy ban chứng khoán nhà nước.



A. KIỂM SOÁT ĐƠN HÀNG

I. Mục đích

Kiểm soát đơn hàng: Kiểm soát được tình pháp lý (hợp đồng kinh tế, phụ lục, L/C) và đơn giá, xác nhận được phương thức thanh toán, yêu cầu khách hàng mở L/C trước khi đơn hàng thực hiện. Chia sẻ thông tin về ngày đồng bộ, ngày giao hàng giữa phòng kinh doanh và Chi nhánh tham gia xác nhận (đồng bộ mẫu, NPL sản xuất, đồng bộ PL để xuất hàng).

II. Nội dung quy trình

Bước công việc	Lưu đồ	Thực hiện	Mô tả công việc	Biểu Mẫu Báo Cáo
1.		TP Kinh doanh	+ Khi có mã hàng mới, TP kinh doanh giao cho nhân viên đơn hàng tạo mã hàng trên phần mềm.	
2.		NV Đơn hàng (tạo biểu mẫu trên PM)	+ Lập biểu để theo dõi các mã hàng của từng khách hàng đã ký hợp đồng.	BM 01
3.		Phòng KSNB (Đặt lệnh trên PM)	+ Theo dõi các mã hàng đã được phê duyệt trên PM đã ký HĐ, LC xuất chưa. + Theo dõi năng lực sản xuất của TNG. + Cảnh báo các mã hàng đã được phê duyệt chưa có hợp đồng, mở L/C.	BM. 01
4.		NV đơn hàng/ NV kế toán phải trả	+ Làm thủ tục thanh toán. + Thông báo đã thanh toán.	BM. 01B
5.		Thủ kho/ kế toán kho	Căn cứ vào lượng hàng về thủ kho sẽ kiểm tra xem: + Đã đầy đủ về số lượng chưa, + Cập nhật, xác nhận thẻ kho là hàng đã về. + kế toán kho nhập kho hàng về thực tế	
6.		NV kinh doanh/ cán bộ cân đối chi nhánh.	+ Nhân viên kinh doanh cập nhật đồng bộ vật tư theo kế hoạch. + Tại chi nhánh: Sau khi hàng về kho, thủ kho nguyên liệu, phụ liệu cập nhật thẻ kho theo mã/đơn hàng. + Cán bộ đơn hàng kiểm tra lại hàng đã về kho, xác nhận mẫu PP đã may hay chưa. + Bảng so sánh máy sẽ tự liệt kê ra. Và cảnh báo.	BM. 02
7.		NV kinh doanh/ cán bộ cân đối chi nhánh.	+ Xây dựng form trao đổi thông tin thân thiện với người dùng (CB đơn hàng, CB kế hoạch Chi nhánh, CB kỹ thuật liên quan đến đơn hàng). => Nhằm mục đích giải quyết các vướng mắc kịp thời giữa các bộ phận liên qua, được phần mềm lưu vết, Trưởng các bộ phận từ đó kiểm soát tác nghiệp của nhân viên.	BM. 02

B. KIỂM SOÁT SẢN XUẤT

I. Mục đích

Mục tiêu: Kiểm soát năng lực sản xuất thừa/thiếu hàng, cảnh báo các mã hàng đồng bộ nhưng chưa vào chuyên sản xuất. Cảnh báo chi nhánh và phòng KD về tiến độ sản xuất và ngày giao hàng dựa vào khả năng ra chuyên thực tế; cảnh báo khả năng giao hàng của mã hàng trước 10 ngày xuất hàng của khách hàng.

II. Nội dung quy trình

Bước công việc	Lưu đồ	Thực hiện	Mô tả công việc	Biểu Mẫu Báo Cáo
1.		NV Đơn hàng (tạo biểu mẫu trên PM)	+ XD báo cáo năng lực sản xuất, theo dõi doanh thu, doanh số sản xuất theo tháng, cảnh báo thiếu/ vượt năng lực SX.	BM. 02B
2		NV đơn hàng/ cân đối chi nhánh. (xây dựng form PM, không phải tác nghiệp)	+ Xây dựng biểu mẫu theo dõi hàng đồng bộ nhưng chưa vào chuyên sản xuất, cảnh báo cho chi nhánh may và phòng kinh doanh để theo dõi (1 tuần sau khi hàng đồng bộ tại chi nhánh)	BM. 03
3		NV đơn hàng/ cân đối chi nhánh. (xây dựng form PM, không phải tác nghiệp)	+ Lập biểu theo dõi tiến độ sản xuất và tính toán khả năng xuất hàng của mã hàng sau 10 ngày sản xuất đối với mã hàng $\geq 18.000sp/tô(\text{quần})$ hoặc $\geq 4.000sp/tô(\text{áo Jacket})$.	BM. 04
4		Phòng KSNB (Xây dựng form trên PM)	+ Lập biểu theo dõi, tính toán khả năng ra chuyên và cảnh báo 10 ngày trước khi xuất hàng về khả năng xuất hàng (có đủ hay không). Theo dõi mã hàng, theo dõi sản phẩm dở dang mã hàng.	BM. 04



5		Phòng KSNB (Đặt lệnh trên PM)	<ul style="list-style-type: none"> + Kiểm soát, cảnh báo hàng về. + Kiểm soát giá trị tiền chuyển đi, giá trị tiền hàng về TNG, chênh lệch như thế nào. Nếu hàng không về theo kế hoạch đã thiết lập để giám sát trên thì sẽ đưa ra cảnh báo tới các bộ phận liên quan(CB đơn hàng, cán bộ theo dõi KH nhà máy, thủ kho NPL, GĐCN, TPKD). + So sánh giá trị tiền khi mở tờ khai nhập trên phần mềm hải quan với số tiền đã chuyển. 	BM. 05
6		Tự động tính trên phần mềm	<ul style="list-style-type: none"> + Theo dõi hàng tồn kho, dở dang 	BM. 06
7		Tự động tính trên phần mềm	<ul style="list-style-type: none"> + Lập biểu mẫu so sánh giá trị hàng chuyển đi và giá trị hàng nhận về của một nhà cung cấp. Nếu thiếu, phải cảnh báo ngay cho phòng KD, phòng kế toán, Chi nhánh kinh doanh, kế toán vật tư. + So sánh giá trị tiền khi mở tờ khai xuất khẩu trên phần mềm hải quan với số tiền đã khai trên invoice. 	BM 07
8		Tự động tính trên phần mềm	<ul style="list-style-type: none"> + Lập biểu mẫu so sánh giá trị hàng chuyển đi và giá trị hàng nhận về của một nhà cung cấp. Nếu thiếu, phải cảnh báo ngay cho phòng KD, phòng kế toán, Chi nhánh kinh doanh, kế toán vật tư. 	BM. 07
9		Tự động tính trên phần mềm	<ul style="list-style-type: none"> + Đưa ra cảnh báo làm chứng từ đòi tiền khách hàng muợn. + Đưa ra cảnh báo các mã hàng đã xuất hàng nhưng thanh toán muợn. + Cảnh báo các bộ phận có liên quan có trách nhiệm giải quyết tồn đọng công nợ. Nếu không giải quyết được sẽ có cảnh báo không chuyển tiền thanh toán mua nguyên, phụ 	BM. 07

C. KIỂM SOÁT DÒNG TIỀN

I. Mục đích

Mục tiêu: Kiểm soát, cảnh báo dòng tiền đi và theo dõi hàng về có đủ không?. Theo dõi xuất hàng đi và dòng tiền về TNG, cảnh báo thanh toán quá hạn sau khi xuất hàng 2 tháng.

II. Nội dung quy trình

Bước công việc	Lưu đồ	Thực hiện	Mô tả công việc	Biểu Mẫu Báo Cáo
	<pre> graph TD A([Mã hàng mới]) --> B{Kiểm soát} </pre>			
1.		Tự động tính trên phần mềm	+ Theo dõi các mã hàng đã được phê duyệt trước khi thanh toán	BM. 01A
2.	<pre> graph TD B --> C[Đề nghị chuyển tiền đi/ Lập lệnh chi] </pre>	NV đơn hàng/ NV kế toán phải trả	+ Làm thủ tục thanh toán. + Khi chuyển tiền đi, ngày nhà cung cấp dự kiến cấp hàng thì sau tối đa 30 ngày hàng phải về tới cảng Việt Nam.	BM. 01B
3	<pre> graph TD C --> D[Hàng về đến cảng] </pre>	Phòng XNK, vận tải (Đặt lệnh trên PM)	+ Ngày về đến cảng Việt Nam và cộng thêm 5 ngày thì hàng phải về đến kho TNG.	BM. 01B
4	<pre> graph TD D --> E[Hàng về đến TNG] </pre>	Phòng XNK, vận tải (Đặt lệnh trên PM)	+ Hàng về đến TNG sau tối đa 3 ngày thì thủ kho NL, PL phải cập nhật phê duyệt vào thẻ kho.	

TNG đã ban hành Chính sách Quản trị rủi ro, giúp xác định phương pháp tiếp cận đối với rủi ro và quản trị rủi ro, nêu rõ trách nhiệm trong việc quản trị rủi ro, đảm bảo mọi nhân viên được tiếp cận, hiểu rõ trách nhiệm của mình trong công tác Quản trị rủi ro của Công ty.

Công ty xin lưu ý các nhà đầu tư về các nhân tố rủi ro có thể ảnh hưởng tới kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty qua đó gián tiếp ảnh hưởng tới giá cổ phiếu của Công ty niêm yết khi các nhà đầu tư xem xét việc đầu tư vào Công ty. Với phần mềm kế toán, hiện nay công tác quản lý chi phí của các chi nhánh đã thực hiện công khai, minh bạch. Công ty giúp Chi nhánh quản lý, kiểm soát chi phí bằng:

- **Công cụ quản lý chi phí:** Báo cáo phân tích dọc, phân tích ngang các khoản mục chi phí của Chi nhánh theo DSSX, Thông qua công cụ phân tích ở báo cáo dọc, báo cáo ngang, toàn thể CBCNV Chi nhánh, cấp quản lý điều hành, khối đoàn thể đều biết và hiểu được rõ chi nhánh đang bị lãng phí ở khoản mục chi phí nào, từ đó đưa ra cách thức để nâng cao hiệu quả SXKD của Chi nhánh bằng cách: [1] Tăng doanh số, [2] Giảm chi phí khả biến.

- **Về chỉ đạo điều hành:**

[1] Công ty giúp Giám đốc Chi nhánh khoán từng khoản mục chi phí đến cá nhân, phòng ban quản lý theo tỉ lệ % DSSX (Doanh số sản xuất).

[2] Công ty triển khai các phương án giảm từng khoản mục chi phí của Chi nhánh, toàn Công ty.

- **Về chính sách, cơ chế:**

Công ty đưa ra các chỉ tiêu định lượng gắn trách nhiệm công việc với tiền lương thể hiện qua các chỉ số sau các cán bộ quản lý phụ trách các K hệ số khác nhau, tùy theo kết quả các K sẽ có thu nhập khác nhau:

- K₁ là hệ số vượt kế hoạch chỉ tiêu DSSX hàng tháng của đơn vị, được lấy tự động trên phần mềm sản xuất.
- K₂ là hệ số vượt chỉ số chất lượng sản phẩm đạt được trong tháng của đơn vị, được lấy tự động trên phần mềm chất lượng.
- K₃ là hệ số vượt tích lũy nguồn tiền lương so với kế hoạch tích lũy nguồn tiền lương của đơn vị lũy kế đến tháng tính lương, được lấy tự động trên phần mềm kế toán.
- K₄ là hệ số rút ngắn được ngày giao hàng gốc theo cam kết với khách hàng của đơn vị, được lấy tự động trên phần mềm đơn hàng, (chi nhánh phụ trợ K₄=100%)

- K_4 (của đội vận tải) là hệ số tỷ lệ % chỉ số giao nguyên phụ liệu về kho chi nhánh trong vòng 04 ngày làm việc kể từ ngày hàng cập cảng, được lấy tự động trên phần mềm đơn hàng.
 - K_5 là hệ số vượt lao động bình quân đi làm trong tháng của đơn vị được tính quy đổi từ ngày công theo quẹt thẻ chấm công so với tổng số lao động định biên giao kế hoạch của đơn vị. Số liệu được lấy tự động trên phần mềm tiền lương (Đối với chi nhánh phụ trợ, Trung tâm phát triển mẫu $K_5 = 100\%$).
 - K_6 là hệ số vượt kế hoạch doanh thu sản xuất trong tháng của đơn vị, được lấy tự động trên phần mềm sản xuất.
 - K_7 là hệ số vượt chỉ tiêu đánh giá của khách hàng và của ban 5S Công ty trên tổng số lần đánh giá, được lấy tự động trên phần mềm đánh giá.
 - K_8 là hệ số rút ngắn số giờ làm việc thực tế so với số giờ làm việc theo kế hoạch trong tháng của đơn vị được tự động lấy trên phần mềm chấm công
 - K_9 là hệ số tăng năng suất thực tế so với năng suất giao kế hoạch trong tháng được tự động lấy trên phần mềm sản xuất
- Quản trị nguồn vốn lưu động phục vụ SXKD của Chi nhánh:**
- Phê duyệt hạn mức vốn lưu động của Chi nhánh theo vòng quay vốn, theo FOB hay CM.
 - Khi có nhu cầu vay vượt hạn mức, phải được Hội đồng tín dụng thẩm định, quyết định cho vay tiếp hay không trên cơ sở nhu cầu mua vật tư và kế hoạch tiền về.
 - Gắn trách nhiệm tài chính của cá nhân Giám đốc với việc quản lý nguồn vốn lưu động của Chi nhánh trên cơ sở số lượng cổ phần sở hữu của Giám đốc.
 - Gắn trách nhiệm vật chất của Giám đốc, Kế toán trưởng, cán bộ phụ trách kinh doanh của Chi nhánh với việc đề nghị vay vượt hạn mức tín dụng: Số tiền lãi vay vượt hạn mức được khấu trừ thẳng vào thu nhập của 3 cá nhân trên.

TNG quy định về việc thực hiện tại các cấp kiểm soát như sau:

Điều 1: Quy trình thực hiện:

Bước công việc/ Nội dung công việc	Cấp chi nhánh	Cấp công ty	Cấp cổ đông
Bước 1: Thành lập ban kiểm soát nội bộ chi nhánh	Giám đốc chi nhánh, đồng thời là trưởng ban	Thành lập phòng KSNB	
Bước 2: Phân công cán bộ cụ thể theo dõi từng lĩnh vực trong ban	Trưởng ban KSNB phân rõ trách nhiệm	Trưởng ban KSNB phân rõ trách nhiệm	
Bước 3: Xây dựng các tiêu chí kiểm soát:		<p>Ông Nguyễn Văn Thới</p> <ol style="list-style-type: none"> 1) Kiểm soát công tác chuẩn bị sản xuất. 2) KS theo tiêu chuẩn đánh giá KH. 3) Kiểm soát thực hiện KHSX <p>Bà Lý Thị Liên</p> <ol style="list-style-type: none"> 1) Kiểm soát công tác Đầu tư - XDCB. 2) Kiểm soát thực hiện nghiệp vụ về: <ul style="list-style-type: none"> - Công tác quản lý lao động. - Công tác quản lý tiền lương - Công tác quản lý bảo hiểm 3) Kiểm soát công tác hành chính. 4) Kiểm soát công tác XNK <p>Bà Lương Thúy Hà</p> <ol style="list-style-type: none"> 1) Kiểm soát công tác quản lý tài chính <p>Ông Lê Xuân VI</p> <ol style="list-style-type: none"> 1) Cập nhật các tiêu chí trên hệ thống PM 	
Bước 4: Thực hiện kiểm soát theo các tiêu chí	Tự kiểm tra theo tiêu chí đã ban hành.	Phòng KSNB kiểm soát theo từng lĩnh vực được giao, kiểm soát lại việc thực hiện cấp chi nhánh.	Ban kiểm soát kiểm soát lại công việc của các cá nhân được giao tại cấp công ty.
Bước 5: Xử lý vi phạm	Xử lý thể từng cá nhân, bộ phận không tuân thủ	Xử lý cấp chi nhánh	Xử lý cấp công ty

Thực hiện thông báo nghiêm cấm nhận hối lộ gửi cho các khách hàng và nhà cung cấp theo thông báo số Ref; 613 TB-TNG ngày 19/11/2013.

Kiểm soát chặt chẽ nguyên liệu đầu vào thực hiện việc kiểm soát dòng tiền đi, hàng về, hàng đi, tiền về.



Tuần lễ quản trị công ty

Hàng quý, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) sẽ tổ chức tuần lễ quản trị công ty, tập trung vào các nội dung xoay quanh các nguyên tắc quản trị công ty của OECD, vấn đề còn nổi cộm trong thực tiễn điều hành doanh nghiệp và giới thiệu một số thông lệ tốt về quản trị công ty đã được thừa nhận rộng rãi trên thế giới.

Trong bối cảnh chất lượng quản trị công ty còn nhiều hạn chế, việc tham gia tuần lễ này sẽ giúp nâng cao chất lượng quản trị, trang bị cho các Lãnh đạo doanh nghiệp kiến thức cần thiết để đương đầu với thử thách mới trong thời kỳ hội nhập

Diễn đàn quản trị Công ty

Với nỗ lực giúp doanh nghiệp vượt qua, đứng vững trong bối cảnh kinh tế trong và ngoài nước gặp nhiều khó khăn và tạo đà phát triển trong tương lai, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đã tổ chức Diễn đàn Quản trị công ty với chủ đề “Nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị”. Diễn đàn này nằm trong chuỗi chương trình đào tạo thường niên về quản trị công ty do HNX và IFC đồng tổ chức, nhằm tăng cường hiểu biết và cải thiện việc thực hiện quản trị công ty tại doanh nghiệp.

Diễn đàn tập trung vào việc hướng dẫn doanh nghiệp tổ chức hiệu quả Đại hội đồng cổ đông và lập Báo cáo thường niên, Báo cáo phát triển bền vững do các đại diện từ FPT, HNX, và PWC chia sẻ kinh nghiệm.

Hội thảo về các thông lệ quản trị công ty tốt

Ngày 26/3/2015, tại Sở GDCK Hà Nội, Ủy ban chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) phối hợp với Đại sứ Quán Anh tại Việt Nam tổ chức Hội thảo về các thông lệ quản trị công ty tốt với sự tham gia của các chuyên gia về quản trị công ty của Vương quốc Anh cùng đại diện của khoảng 100 doanh nghiệp niêm yết trên Sở GDCK Hà Nội.

Tại hội thảo, Ông Ken Rushton, chuyên gia về quản trị công ty của Vương quốc Anh đã giới thiệu những thông lệ quản trị công ty tốt hiện đang được áp dụng tại Anh, vai trò của quản trị công ty, trách nhiệm của các thành viên hội đồng quản trị, Chủ tịch hội đồng quản trị, tổng giám đốc trong việc thực hành và duy trì quản trị công ty tốt. Các đại biểu tham dự hội thảo cũng được chia sẻ về thực tiễn áp dụng quản trị công ty của các doanh nghiệp niêm yết trên HNX; ứng dụng của thể điểm quản trị công ty khu vực ASEAN, báo cáo cập nhật về tình hình quản trị rủi ro của các công ty đại chúng Việt Nam trong giai đoạn gần đây cũng như giới thiệu về những thông lệ quản trị công ty tốt đang áp dụng tại Anh.

TNG đang trên con đường trở thành “Bạn đồng hành tin cậy” của đối tác và cổ đông. Chính sách quan hệ cổ đông của TNG tập trung vào:

- Đảm bảo công bố thông tin kịp thời và minh bạch tới cổ đông và nhà đầu tư. Bên cạnh việc tuân thủ quy định về công bố thông tin, đặt và duy trì các tiêu chuẩn về tính minh bạch trong thông tin của công ty; nâng cao chất lượng quan hệ cổ đông, nhà đầu tư là một phần quan trọng trong chiến lược của TNG nhằm xây dựng hệ thống quản trị theo tiêu chuẩn quốc tế.

- Đề cao giá trị đối thoại với cổ đông và nhà đầu tư. Duy trì thường xuyên mối quan hệ tích cực của các quỹ tài chính trong nước và nước ngoài, của công ty chứng khoán và các ngân hàng đầu tư. Tạo điều kiện thuận lợi để báo chí và các cơ quan truyền thông tiếp cận thông tin, viết bài phân tích về Công ty.

Trong năm 2014, TNG triển khai gần 100 cuộc gặp mặt trực tiếp, tổ chức cho nhà đầu tư quan tâm đi thăm quan các nhà máy và dự án lớn tại Thái Nguyên.





SỰ KIỆN QUAN HỆ CỔ ĐÔNG NỔI BẬT TRONG NĂM



Đại hội cổ đông thường niên năm 2014

Tháng 4/2014, Công ty đã tổ chức Đại hội cổ đông thường niên. Đại hội đã thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 2014 cùng kế hoạch Doanh thu – lợi nhuận cho năm 2015. Quan trọng, Đại hội thông qua dự thảo các phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức, chương trình phát hành lựa chọn cho các bộ quản quản lý và phát hành cổ phiếu ưu đãi cho cổ đông hiện hữu.

Công bố thông tin minh bạch

Ngày 25/11, tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX), Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG tổ chức chương trình gặp gỡ cổ đông, nhà đầu tư và các cơ quan báo chí trong cả nước mang tên “**Công bố thông tin minh bạch**”.

Chương trình nhằm giúp các cổ đông cũng như các nhà đầu tư hiểu hơn về các hoạt động của Công ty. Hiện tại, TNG là đối tác của nhiều thương hiệu lớn trên thế giới với doanh thu xuất khẩu tăng bình quân 25%/năm. Thị trường xuất khẩu chính của TNG là Mỹ với tỷ lệ 47%, còn lại là các thị trường, Canada, Mexico, Hàn Quốc, Nhật Bản và nhiều quốc gia khác. Riêng thị trường trong nước, TNG đã có mặt tại 50% số tỉnh thành trên cả nước và doanh thu bán lẻ tăng trưởng bình quân 50%/năm.

Theo đánh giá của HNX, TNG là đơn vị tiên phong trong vấn đề công bố thông tin tự nguyện. Hàng tháng, TNG đều công khai đăng tin báo cáo tài chính cả bằng tiếng Việt và tiếng Anh, cung cấp kế hoạch sản xuất kinh doanh các tháng, các năm tiếp theo. Cùng với đó, TNG đã thành lập Ban quan hệ cổ đông, kèm chi tiết người liên hệ, tạo điều kiện cho các cổ đông, các nhà đầu tư tìm hiểu thông tin công ty.

Tại buổi gặp gỡ, lãnh đạo TNG cũng đã chia sẻ nhiều thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh hiện tại, kế hoạch tương lai của công ty. Đặc biệt là những khó khăn, thách thức và cơ hội khi hiệp định Đối tác Kinh tế Chiến lược xuyên Thái Bình Dương TPP sắp được ký kết.

Trong năm 2015, TNG cam kết công bố thông tin nhanh và đầy đủ nhất tới cổ đông, nhà đầu tư. Ngoài ra, TNG còn thực hiện công bố thông tin tự nguyện về:

- + BCTC hàng tháng;
 - + Xây dựng kế hoạch doanh thu – lợi nhuận hàng năm;
- Ban quan hệ cổ đông đã tổ chức hướng dẫn các nhà đầu tư thăm quan và tìm hiểu hoạt động SXKD TNG trong năm 2014 như quỹ đầu tư ASEAN SMALL.C.FUND (cuối tháng 10/2014); tập hợp các công ty chứng khoán gồm VPBS, Vndirect, Báo Việt, MBS, VCBS, SSI, Tân Việt, BSC, HSC ... (cuối năm 2014). Các công ty được nghe trực tiếp định hướng chiến lược của Chủ tịch HĐQT công ty, chia sẻ thẳng thắn của chủ tịch HĐQT công ty về công tác quản trị công ty trong các năm qua, kế hoạch các năm tiếp theo.

Trong năm 2015, ban quan hệ cổ đông TNG sẽ tiếp tục tổ chức hướng dẫn các nhà đầu tư và quỹ đầu tư như DRAGON CAPITAL đến tìm hiểu hoạt động SXKD.

+ Trả lời, cung cấp thông tin về hoạt động SXKD của TNG tới các nhà đầu tư, cổ đông thông qua số điện thoại được cung cấp, email và kết nối các nhà đầu tư quan tâm tới tình hình SXKD của công ty.

+ Chủ động kết nối với cổ đông, nhà đầu tư của TNG, các báo chí quan tâm về lĩnh vực chứng khoán và cổ phiếu TNG tại Góc nhà đầu tư – HNX, nhằm chia sẻ thông tin trực tiếp từ Chủ tịch HĐQT TNG về giới thiệu công tác quản trị công ty năm 2014, 2015 cũng như các kế hoạch của công ty trong các năm tiếp theo.

+ Xây dựng kế hoạch tổ chức họp Đại hội cổ đông năm 2015 trực tuyến với 01 điểm cầu tại Thành phố Hà Nội để đồng hành các cổ đông tham dự và đồng góp ý kiến xây dựng TNG ngày càng phát triển, lớn mạnh.

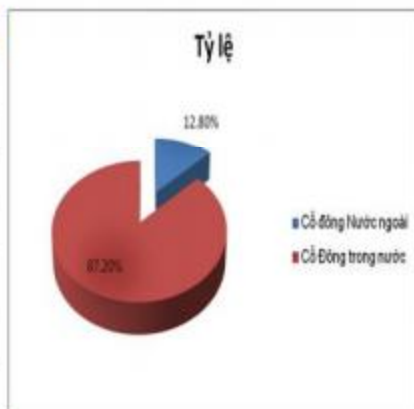




Cơ cấu vốn

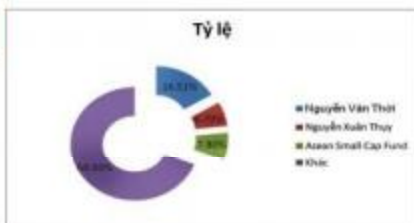
Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông góp vốn trong nước và nước ngoài thời điểm 18/12/2014

Thành phần sở hữu	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
Cổ đông Nước ngoài	2,084,79	12.80%
- Tổ chức	1,612,462	9.90%
- Cá Nhân	472,337	2.90%
Cổ Đông trong nước	14,202,697	87.20%
- Tổ chức	1,107,550	6.80%
- Cá Nhân	13,095,147	80.40%
Tổng số	16,287,496	100%



Thông tin về những cổ đông lớn

STT	Họ và tên	Số ĐKSH	Số lượng	Tỷ lệ
1	Nguyễn Văn Thôi	090117808	2.689.661	16.51%
2	Nguyễn Xuân Thụy	151300346	1.105.566	6.79%
3	Asean Small Cap Fund		1.284.889	7.8%



Giới thiệu quá trình tăng vốn của Công ty

Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty từ khi thành lập cho đến nay, Công ty đã có 03 lần tăng vốn điều lệ cụ thể :

Lần 1: Năm 2006, Công ty nâng vốn điều lệ lên trên 18 tỷ đồng theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông ngày 13/08/2006 và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng nhà máy TNG Sông Công với tổng vốn đầu tư là 200 tỷ đồng.

Lần 2: Ngày 18/03/2007, Công ty nâng vốn điều lệ lên trên 54,3 tỷ đồng phát hành ra công chứng theo Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 18/03/2007, phê duyệt chiến lược phát triển Công ty đến năm 2011 và định hướng chiến lược cho các năm tiếp theo.

Lần 3: Ngày 15/10/2009, Công ty thực hiện tăng vốn từ 54,3 tỷ đồng lên 87,2 tỷ đồng theo hình thức phát hành ra công chứng.

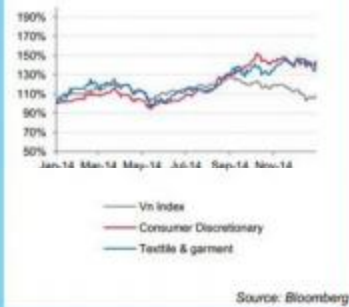
Lần 4: Ngày 10/12/2010, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận chào bán 4.773.775 cổ phần ra công chứng nâng vốn điều lệ từ 87,2 tỷ đồng lên 134,6 tỷ đồng.

Lần 5: Ngày 20/05/2014, Công ty được UBCKNN chấp thuận phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, nâng vốn điều lệ lên 148,074 tỷ đồng để trả cổ tức 10% bằng cổ phiếu.

Cổ phiếu ngành dệt may

Cổ phiếu ngành dệt may đã tăng 33,62% trong năm 2014 so với mức tăng 8,15% của chỉ số chứng khoán Vn Index. Ngoài trừ cổ phiếu EVE giảm 6%, hầu hết các cổ phiếu ngành dệt may đều có kết quả vượt trội so với Index, trong đó TNG tăng 178%, GIL tăng 43%, HCM tăng 42% và KMR tăng 12%.

Textile and garment industry performance in 2014



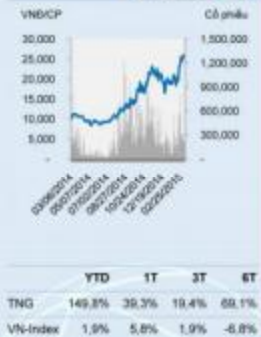
TNG dự kiến sẽ trình lên ĐHCĐ thường niên 2015 vào ngày 12/4/2015 phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 4:1. Theo đó, số lượng cổ phiếu sẽ tăng từ 21.998.003 lên 27.497.504 cổ phiếu. Việc phát hành nếu thành công sẽ giúp TNG giảm tỷ lệ vay nợ, tăng khả năng thanh toán và bổ sung nguồn vốn kinh doanh. Tuy nhiên, giá cổ phiếu và EPS sẽ bị ảnh hưởng.



THÔNG TIN CỔ PHẦN

Sàn giao dịch	HSDX
Khoảng giá 52 tuần	6.300-26.900 VND/cp
Vốn hóa	415 tỷ VND
SL cổ phiếu lưu hành	18.287.946 cp
KLOD bình quân 10 ngày	317.221 cp
% sở hữu nước ngoài	12,36%
Room nước ngoài	49%
Giá trị cổ tức/cổ phần	600
Tỷ lệ cổ tức/thu giá	2,39%
Beta	1,78

BIẾN ĐỘNG GIÁ



Thông tin cổ phiếu TNG

Biểu đồ biến động giá

Nếu giải ngân bất kỳ thời điểm nào trong năm 2014 thì cổ phiếu TNG hầu như đều mang lại lợi nhuận. Tuy nhiên, điểm nhấn của cổ phiếu TNG là nhà đầu tư phải nắm giữ cho đến thời điểm kết thúc năm và không sử dụng margin quá nhiều.



TNG cam kết không cho cho cán bộ, nhân viên của bên Khách hàng vay tiền, tài sản vì bất cứ lý do nào.



Khách hàng cũng cam kết cùng hợp tác với Công ty CP đầu tư và thương mại TNG không thực hiện chính sách gửi giá, chuyển tiền cho cá nhân, mà phải chuyển tiền vào tài khoản của TNG quản lý.
Bên khách hàng cũng cam kết không chiết khấu % hoa hồng trong quá trình cộng tác với bên TNG cho cá nhân. Nếu có, sẽ chiết khấu, phải công khai và thông báo trực tiếp với lãnh đạo của TNG.



Các bên khách hàng cam kết thực hiện đúng chính sách chống tham nhũng của TNG. Nếu phát hiện CBNV nào có hành vi tham nhũng sẽ xử lý kỷ luật với CBNV và ngưng hợp tác với khách hàng đó.

Cam kết đặt chất lượng sản phẩm, uy tín của Công ty lên hàng đầu



- Mang đến lợi ích cho khách hàng bằng sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao.
- Mang đến lợi nhuận cho nhà đầu tư tin tưởng vào tri thức và tính chính trực của TNG.
- Mang đến sự tự tin trong cuộc sống cho nhân viên thông qua sự đóng góp đầy ý nghĩa của họ.
- Mang đến sự hài lòng cho nhà cung cấp qua các giao dịch công bằng.





CAM KẾT VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG



Chính sách lương, thưởng

Lương: Công ty công khai đơn giá cho người lao động các công đoạn, thông báo công khai tổng thu nhập cho người lao động hàng tháng, tiền phép, tiền lễ, tiền tết cho toàn bộ cán bộ nhân viên, người lao động.

Công ty thực hiện chính sách trả lương theo thời gian làm việc, hiệu quả công việc và mức độ đóng góp của từng CBCNV đối với Công ty. Năm 2014, mặc dù nền kinh tế khó khăn, Công ty luôn duy trì mức lương cho CBCNV cao hơn 13% so với lương tối thiểu vùng. Nhằm thu hút nhân sự chất lượng cao, Công ty đề ra chính sách lương đặc biệt cạnh tranh đối với các vị trí đòi hỏi nhiều kinh nghiệm và kiến thức.

Thưởng: Công ty ghi nhận xứng đáng mọi đóng góp của tập thể chi nhánh, cá nhân vào kết quả SXKD.

Khen thưởng định kỳ: Hàng tháng khen thưởng cá nhân, chi nhánh xuất sắc, nhất, nhì và khuyến khích hoàn thành kế hoạch DTTT, DSSX. Khen thưởng thi đua nhân dịp kỷ niệm 35 năm ngày thành lập Công ty.

Khen thưởng sáng kiến: Khen thưởng cá nhân có sáng kiến mang lại lợi ích cho Công ty, có đề xuất cải tiến mới nhằm góp phần nâng cao năng suất lao động, hiệu quả kinh doanh, uy tín, hình ảnh và thương hiệu của Công ty trong nước và nước ngoài.

Các sáng kiến đã được khen thưởng trong năm 2014:

Luồn dây băng cũ (đ/c Nguyễn Văn Tú)

Kê, cuốn đường may, chấp mí, điều chỉnh máy khâu (đ/c Lương Việt Hùng)

Tra, lộn khoá nẹp bằng máy hai kim (đ/c Dương Văn Thời)

Thi đua cắm cờ đỏ - sao vàng (đ/c Phạm Văn Phương)

Hướng dẫn cắt thành phẩm ít hao hụt (đ/c Phạm Văn Tiệp)

Chính sách tuyển dụng, đào tạo

TNG xây dựng tiêu chí cụ thể đối với từng chức danh tuyển dụng, ngoài việc đáp ứng được các yêu cầu chính còn phải đáp ứng được một số yêu cầu đặc thù. Chính sách lương đặc biệt đã được xây dựng để hỗ trợ công tác tuyển dụng.

Năm 2014, TNG chú trọng đến công tác phát triển nguồn nhân lực thông qua việc nâng cao hiệu quả hoạt động Trung tâm đào tạo của Công ty. Kế hoạch đào tạo được xây dựng chi tiết đến từng đối tượng CBCNV.

Hỗ trợ phương tiện đưa, đón CBCNV tới nơi làm việc

Công ty có hệ thống khoảng trên 120 xe ô tô ca đón tận xã miễn phí cán bộ nhân viên đến làm việc tại TNG.

Năm 2015, TNG dự kiến triển khai dự án đầu tư đổi mới hệ thống xe ca đưa đón nhằm nâng cao dịch vụ và chất lượng phục vụ.



Chăm sóc sức khoẻ CBCNV

Việc trích nộp đầy đủ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, nhằm tạo điều kiện cho người lao động có thêm phần thu nhập khi gặp phải những tai nạn rủi ro ngoài ý muốn Công ty tặng thẻ bảo hiểm thân thể cho người lao động đang làm việc tại TNG đã được ký hợp đồng lao động từ 1 đến 3 năm và không xác định thời hạn nhưng không bao gồm người lao động nghỉ dẫn hợp đồng lao động với mức tham gia bảo hiểm là: 84.000 đồng/ người/ năm.

Hàng năm công ty đều có thông báo khám sức khỏe định kỳ 2 lần/ năm cho toàn thể cán bộ nhân viên của công ty.

Thực hiện quy chế dân chủ tại cơ sở

Thông báo hàng tháng kết quả hoạt động SXKD và việc thực hiện các chính sách có liên quan đến nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động. Thường xuyên trao đổi thông nhất với tổ chức Công đoàn về mục tiêu, định hướng chiến lược của doanh nghiệp và các biện pháp thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2015.

Tổ chức Hội nghị người lao động theo quy định: Tổng kết tình hình SXKD trong năm; Báo cáo, thảo luận việc thực hiện Thỏa ước lao động tập thể, việc kiến nghị sửa đổi Thỏa ước lao động tập thể.

Tại Hội nghị, Lãnh đạo công ty đã giải đáp những thắc mắc, giải quyết đề xuất của người lao động.



Xây nhà ở xã hội, nhà trẻ, chợ

Để CBCNV yên tâm công tác, TNG đã đầu tư xây dựng nhà trẻ, nhà mẫu giáo và các địa điểm vui chơi, giải trí cho người lao động và con cái của họ. Phục vụ nhu cầu thiết yếu hàng ngày của công nhân lao động, TNG bố trí quỹ đất vừa đủ và tài trợ để xây dựng chợ dân sinh trên địa bàn có đóng chi nhánh.



Đáp ứng nhu cầu nhà ở xã hội cho khoảng 4000 CBCNV Công ty chưa có nhà ở ổn định, người có thu nhập thấp và người nghèo trong số 10,000 người lao động đang làm việc tại các nhà máy của Công ty, TNG chủ trương đầu tư xây dựng dự án nhà ở xã hội, tổng mức đầu tư khoảng 550 tỷ đồng, bao gồm 3 giai đoạn, tiến độ thực hiện dự án đến quý IV năm 2018.



Tổ chức Đảng, đoàn thể

TNG đã thành lập Chi bộ Đảng cộng sản và Công đoàn nhằm tạo môi trường giao tiếp, gắn kết, khuyến khích động viên CBCNV phát huy khả năng, tăng cường sức mạnh đoàn kết trong tập thể doanh nghiệp, xây dựng và phát huy văn hoá doanh nghiệp cũng như nâng cao vị thế của Công ty đối với địa phương. Chi bộ Đảng của công ty được đánh giá là chi bộ Đảng trong sạch vững mạnh, Công đoàn TNG đạt danh hiệu Công đoàn vững mạnh xuất sắc.



**PHÁT TRIỂN
BỀN VỮNG**



35

Cam kết với cộng đồng

Với tinh thần hướng tới cộng đồng, khẩu hiệu của Công ty "TNG sự lựa chọn của tôi", "Người lao động tại TNG không bị vi phạm chế độ, quyền lợi" được nhấn mạnh thể hiện giá trị cao nhất mà công ty hướng tới là mang lại lợi ích cho cộng đồng, ý thức sâu sắc về tầm quan trọng của bảo vệ môi trường và cộng đồng.

TNG đã góp phần giải quyết công ăn việc làm cho hàng chục ngàn người lao động với chế độ đãi ngộ thoả đáng.

Xác định người lao động là "Tài sản quý giá nhất của doanh nghiệp" nên thời gian qua, Công ty cổ phần đầu tư và thương mại TNG đã luôn quan tâm đến việc chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

Công ty còn tích cực tham gia ủng hộ các quỹ từ thiện của tỉnh như: Quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ trẻ thơ, chất độc màu da cam, quỹ vì người nghèo 30 triệu đồng, quỹ khuyến học của tỉnh Thái Nguyên 120 triệu đồng, ủng hộ chương trình "Xuân an vui đến mọi nhà" 20 triệu đồng, tài trợ chương trình "Thắp sáng ước mơ" 10 triệu đồng. Tổng số tiền dành cho công tác xã hội, từ thiện năm 2014 khoảng 650 triệu đồng.

Trong năm 2014, tổ chức cho người lao động đi nghỉ mát trong nước trong dịp 30/4 và 1/5 là trên 8000 lượt người; tổ chức cho 50 CBCNV Hội hưu của công ty đi thăm quan, tổng số tiền 2 đợt khoảng 1,3 tỷ đồng.

Làm tốt công tác xã hội từ thiện thông qua việc vận động CBCNV đóng góp quỹ tình nghĩa (400tr đồng/ năm) để ủng hộ các quỹ chất độc da cam, quỹ vì người nghèo, quỹ khuyến học... với số tiền ủng hộ là trên 125 triệu đồng. Hỗ trợ xây dựng nhà tình nghĩa 03 nhà với số tiền hỗ trợ là 30 triệu đồng/ nhà.





HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG TIÊU BIỂU NĂM 2014

Hàng năm, TNG đều góp sức cho lực lượng vũ trang nhân dân các quân nhân trong công ty lên đường làm nghĩa vụ bảo vệ tổ quốc

Đưa vào sử dụng khu nhà ở tập thể 3 tầng tại gần trụ sở chính, tại các khu công nghiệp và trung tâm trụ sở công ty với sức chứa đảm bảo số lao động khoảng trên 6,000 người.

Công ty tạo điều kiện cho CBCNV nữ khi sinh con đi làm bằng việc đầu tư xây dựng 02 nhà trẻ tại khu vực Minh Cầu, TP Thái Nguyên và tại khu vực Sông Công.

Chăm lo đến nhà ở cho công nhân, trung bình mỗi năm, Công đoàn Công ty hỗ trợ xây dựng được từ 3 đến 5 nhà tình nghĩa, từ đó giúp người lao động yên tâm lao động sản xuất.

TNG ủng hộ 150 triệu đồng xây dựng đường giao thông nông thôn xã Thụng Nung, huyện Võ Nhai, TP Thái Nguyên

Events & ACTIVITIES

Sáng 1-1-2015, tại Chi nhánh May Đại Từ, Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG đã tổ chức chương trình "Chào xuân Ất Mùi".

Trong khuôn khổ Chương trình, Công ty đã tặng 3 suất quà, mỗi suất gồm 1 áo ấm và 1 triệu đồng cho 3 Mẹ Việt Nam Anh hùng của xã Tiên Hội; 20 suất quà, mỗi suất gồm 1 áo ấm và 500 nghìn đồng cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn; tặng 25 suất quà với tổng trị giá 6 triệu đồng và áo ấm cho các em học sinh nghèo vượt khó của xã Tiên Hội, thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ, TP Thái Nguyên.

Nhằm tri ân và tôn vinh công lao to lớn của các bà mẹ Việt Nam anh hùng đã có nhiều cống hiến, hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Phát huy giáo dục truyền thống và đạo lý "Uống nước nhớ nguồn" của dân tộc Việt Nam ta. Thể hiện lòng biết ơn, Công ty TNG đã nhận phụng dưỡng mẹ Việt nam anh hùng: Phạm Thị Hợi, sinh năm 1921, địa chỉ: xã Tiên Hội, Huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đoàn thanh niên tổ chức các chương trình "TNG tiếng hát dành cho thanh niên", "TNG hát cho nhau nghe", các câu lạc bộ thanh niên, kết bạn được sinh hoạt đều đặn mỗi tuần. Tổ chức Giải bóng đá TNG cúp, Thi liên hoan tiếng hát TNG chào mừng 35 năm ngày thành lập công ty và 70 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam. Tổng chi phí gần 100 triệu đồng.



Tầm nhìn

Xác định tầm nhìn "Chúng ta cùng hành động", TNG xây dựng kế hoạch đào tạo cho 100% cán bộ công nhân viên nhận diện được các khía cạnh và tác động của nó đến môi trường. Các chương trình hành động cụ thể được đặt ra:

- Tiết kiệm 5% nước sinh hoạt trong toàn công ty năm 2013
- Tiết kiệm được 5% điện năng tiêu thụ so với năm 2013
- Thực hiện định kỳ vệ sinh nơi làm việc vào cuối ngày thứ 7 hàng tuần đối với khối văn phòng, vào 2 lần/ 1 ngày đối với khối sản xuất.

"Bảo vệ môi trường là bảo vệ cuộc sống của chính mình và thế hệ tương lai", toàn thể cán bộ công nhân viên TNG cam kết:

Thứ nhất, duy trì và cải tiến liên tục hệ thống quản lý môi trường của TNG thông qua nhận diện đánh giá các khía cạnh môi trường để ngăn chặn, giảm thiểu ô nhiễm hay phá hủy môi trường.

Thứ hai, nâng cao việc tiết kiệm năng lượng và tài nguyên bằng các hoạt động liên tục cải tiến quá trình, công nghệ sản xuất: áp dụng công nghệ sạch, công nghệ thân thiện với môi trường.

Thứ ba, tuân thủ và tiếp nhận các quy định khác có liên quan, sẵn sàng hợp tác và chia sẻ thông tin với các cơ quan/ tổ chức môi trường trong các hoạt động bảo vệ môi trường, xã hội.

Thứ tư, thường xuyên xem xét các mục tiêu môi trường đã đặt ra và tình hình thực hiện các mục tiêu đó, đồng thời đặt ra các mục tiêu môi trường khác cao hơn để tiếp tục cải thiện định kỳ hàng năm.

60+ GIỜ TRÁI ĐẤT™

Hưởng ứng chiến dịch Giờ trái đất năm 2014

TNG tổ chức nhiều hoạt động cụ thể và thiết thực đồng hành cùng chương trình. Trong đó nổi bật có các hoạt động như:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động CBCNV Công ty tích cực tham gia hưởng ứng và tuyên truyền ý nghĩa Giờ Trái Đất năm 2014

- Thông qua các buổi sinh hoạt chi đoàn, lồng ghép và tăng cường tổ chức đa dạng các hoạt động tuyên truyền về tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Nghiên cứu và tổ chức thay thế, lắp đặt các trang thiết bị, bóng đèn tiết kiệm điện trong cơ quan. Tuân thủ những quy định về sử dụng bóng điện trong sản xuất tại đơn vị, đảm bảo thời gian sử dụng các thiết bị hợp lý, an toàn.

Tài trợ giải Cuộc thi video clip về bảo vệ môi trường

Tại Lễ phát động cấp quốc gia nhằm hưởng ứng "Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn năm 2014", ngày 29 tháng 8 năm 2014, CTCP đầu tư và thương mại TNG đã tham gia tài trợ giải thưởng cuộc thi Video clip về Bảo vệ môi trường năm 2014 do Bộ Tài nguyên và môi trường, Đại sứ quán Úc phối hợp với UBND tỉnh Thái Nguyên tổ chức.

TNG luôn ý thức được tầm quan trọng của môi trường đối với sự sống và tương lai của nhân loại. Các hoạt động sản xuất và dịch vụ của chúng tôi không những đảm bảo chất lượng tốt mà còn đảm bảo nghĩa vụ bảo vệ môi trường.

Năm 2014 và những năm tiếp theo, TNG cam kết thực hiện các yêu cầu luật định liên quan đến tác động môi trường. Bên cạnh đó, TNG sẽ tiếp tục hưởng ứng, ủng hộ các hoạt động bảo vệ môi trường khác tổ chức trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

**KẾ HOẠCH PHÒNG NGỪA
VÀ KHẮC PHỤC SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**



Các sự cố về môi trường có thể xảy ra gồm:

- Sự cố tràn rác thải sinh hoạt hoặc sản xuất.
- Sự cố về tắc vỡ đường ống nước thải hoặc nước sinh hoạt.
- Sự cố tràn đổ hóa chất.

Với mỗi sự cố, TNG xây dựng các giải pháp và biện pháp khắc phục cụ thể để ứng phó nếu xảy ra.

Lập phương án quản lý

Chất thải trong quá trình sản xuất thải ra được thu gom và lưu trữ tại khu vực riêng biệt, được xây tường ngăn cách, có mái che và dấu hiệu nhận biết, cảnh báo đối với từng chất thải nguy hại cụ thể. Dấu hiệu: mã chất thải nguy hại, hình tam giác nền vàng, viền đen, có dấu chấm than.

Đối với chất thải nguy hại khi phát sinh sẽ được tổ chức vận chuyển, phân loại rác thải và nhận diện các loại chất thải nguy hại cho toàn bộ CBCNV để mọi người nhận diện và phối hợp thực hiện, tránh hiện tượng thiếu hiểu biết làm phát tán ra môi trường.

Công ty sẽ nghiêm túc thực hiện việc quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định căn cứ theo luật môi trường Việt Nam.

Hướng dẫn quản lý chất thải nguy hại và lập sổ theo dõi nội bộ để giám sát định lượng và nguồn gốc, vị trí phát sinh để kiểm soát khi lưu

Hướng dẫn quản lý chất thải nguy hại được phổ biến đến bộ phận liên quan trực tiếp như tổ cơ điện, tổ bảo dưỡng và thủ kho công cụ dụng cụ để mọi người thực hiện.

Hàng năm theo định kỳ, TNG đều tổ chức huấn luyện nội bộ về AT- VSLĐ trong đó có nội dung về bảo vệ môi trường, phân loại rác thải và nhận diện các loại chất thải nguy hại cho toàn bộ CBCNV để mọi người nhận diện và phối hợp thực hiện, tránh hiện tượng thiếu hiểu biết làm phát tán ra môi trường.



Đối với nước thải sinh hoạt và sản xuất

Hiện nay, TNG Sông Công sử dụng nước máy và nước giếng khoan, số lượng 05 giếng, với tổng lượng nước sử dụng trung bình khoảng 619 m³/ngày đêm. Lượng nước thải phát trung bình khoảng 960m³/ngày. Hệ thống xử lý nước thải sản xuất với công suất 1000m³/ngày đêm. Công ty có 02 điểm xả thải vào hệ thống thu gom của khu công nghiệp, 05 điểm xả nước mưa chảy tràn vào hệ thống chung của khu công nghiệp.

TNG ký hợp đồng dài hạn về xử lý nước thải với Công ty PTHT KCN tỉnh Thái Nguyên (nay là công ty TNHH MTV PTHT KCN Thái Nguyên) để xử lý nước thải sinh hoạt và sản xuất.



Đối với chất thải rắn và chất thải nguy hại

Các chất thải rắn sinh hoạt có khối lượng là 300 kg/ngày từ nhà ăn và khối văn phòng, một phần tái sử dụng, phần còn lại công ty đã thực hiện thu gom vào các thùng đựng, định kỳ hàng ngày có xe thu gom của công ty PTHT đến thu gom và xử lý.

Chất thải rắn sản xuất 450 kg/ngày chủ yếu là xỉ than lò hơi, vôi vụn, bia carton... hiện tại bán cho các đơn vị tái sử dụng.

Các đầu mục chất thải nguy hại gồm:

- Bông đèn huỳnh quang.
- Giẻ lau dính dầu.
- Dầu thải.

Các chất thải nguy hại 31kg/tháng được thu gom vào một khu vực riêng biệt có bố trí khu vực chống tràn và phân thùng đựng riêng cho mỗi loại. Theo hợp đồng xử lý số 01/HDDV/PL-TNG/2014 ngày 02 tháng 01 năm 2014 ký với bên HTX Phúc Lợi (đơn vị phụ trách vận chuyển và xử lý rác thải nguy hại), rác được vận chuyển định kỳ niêm yết trên hợp đồng theo đúng quy định.



Đối với tiếng ồn và khí thải

Hoạt động chính trong lĩnh vực may mặc, tiếng ồn chủ yếu từ hoạt động của hệ thống máy may công nghiệp. TNG đã tiến hành bảo dưỡng thường xuyên đối với máy móc để máy luôn hoạt động trong tình trạng tốt nhất.

Nguồn phát sinh khí thải chủ yếu từ lò hơi đốt than để cung cấp hơi cho hoạt động là, hệ thống xử lý khí thải được xây dựng với các thiết bị xử lý là các Xyclon. Khí thải sau khi được xử lý thoát ra ngoài qua ống khói cao 16m. Kết quả đo và phân tích môi trường không khí tại khu vực sản xuất đều nằm trong quy định 3733/2002/QĐ-BYT. Đối với khu vực xung quanh tất cả các chỉ tiêu đo và phân tích đều được nằm trong QCVN 05:2009/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT; TNG luôn duy trì thực hiện chương trình quan trắc, giám sát môi trường theo định kỳ 2 lần/năm.

Cùng với quá trình phát triển sản xuất, TNG vẫn tiếp tục thực hiện các biện pháp giảm thiểu tối đa những ảnh hưởng tác động xấu đến môi trường. Về lâu dài, chúng tôi có kế hoạch di dời một số nhà máy đến các khu công nghiệp được quy hoạch cho ngành công nghiệp, không ảnh hưởng đến khu vực dân cư xung quanh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Thời	Chủ tịch	
Bà Lý Thị Liên	Thành viên	
Ông Nguyễn Đức Mạnh	Thành viên	
Ông Nguyễn Việt Thành	Thành viên	
Ông Trần Minh Hiếu	Thành viên	(miễn nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2014)
Ông Nguyễn Văn Thới	Thành viên	(bỏ nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2014)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Thới	Tổng Giám đốc	(bỏ nhiệm ngày 05 tháng 9 năm 2014)
	P.Tổng Giám đốc	(miễn nhiệm ngày 05 tháng 9 năm 2014)
Ông Nguyễn Đức Mạnh	Tổng Giám đốc	(miễn nhiệm ngày 05 tháng 9 năm 2014)
	P.Tổng Giám đốc	(bỏ nhiệm ngày 09 tháng 2 năm 2015)
Bà Lý Thị Liên	P.Tổng Giám đốc	
Bà Đoàn Thị Thu	P.Tổng Giám đốc	(miễn nhiệm ngày 09 tháng 2 năm 2015)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;

- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Lý Thị Liên
Phó Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 27 tháng 3 năm 2015

Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính,



Nguyễn Văn Thời
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2015, từ trang 5 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý tới Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính kèm theo được lập trên giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn lưu động của Công ty bị thiếu hụt có thể ảnh hưởng đến khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty. Kế hoạch của Ban Giám đốc Công ty liên quan đến vấn đề này được trình bày tại Thuyết minh số 2. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm bất kỳ sự điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ kết quả của sự kiện không chắc chắn này. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Vũ Đức Nguyễn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0764-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 27 tháng 3 năm 2015
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Huy Công
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0891-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÃ SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		537.500.748.456	410.976.375.347
I. Tiền	110	5	14.227.312.430	12.199.694.781
1. Tiền	111		14.227.312.430	12.199.694.781
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		174.932.476.580	125.182.850.768
1. Phải thu khách hàng	131		164.641.543.232	111.034.094.032
2. Trả trước cho người bán	132		4.115.454.695	9.845.972.766
3. Các khoản phải thu khác	135	6	11.710.522.460	10.526.430.314
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(5.535.043.807)	(6.223.646.344)
III. Hàng tồn kho	140	7	324.797.838.494	265.843.360.774
1. Hàng tồn kho	141		327.836.278.315	267.232.226.822
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.038.439.821)	(1.388.866.048)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		23.543.120.952	7.750.469.024
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6.241.962.269	4.322.190.741
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		12.384.691.655	2.336.877.158
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		4.916.467.028	1.091.401.125
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		660.408.814.288	550.222.990.579
I. Tài sản cố định	220		642.057.546.059	532.975.776.865
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	508.632.621.883	446.098.930.518
- Nguyên giá	222		764.526.961.547	651.306.798.701
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(255.894.339.664)	(205.207.868.183)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	9	18.865.376.068	35.277.246.186
- Nguyên giá	225		27.515.446.125	45.664.240.816
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(8.650.069.457)	(10.386.994.630)
3. Tài sản cố định vô hình	227	10	40.248.270.917	41.072.712.285
- Nguyên giá	228		45.633.948.459	44.841.473.859
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.385.677.542)	(3.768.761.574)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	74.311.276.591	10.526.887.876
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		4.800.000.000	4.800.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	12	4.271.150.000	4.271.150.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258		1.300.000.000	1.300.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(771.150.000)	(771.150.000)
III. Tài sản dài hạn khác	260		13.551.268.229	12.447.213.714
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		12.924.395.857	9.788.838.979
2. Tài sản dài hạn khác	268		626.872.372	2.658.374.735
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.197.909.562.744	961.199.365.926

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÃ SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		935.788.194.967	749.648.244.016
I. Nợ ngắn hạn	310		748.115.512.400	565.105.009.904
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	618.197.718.920	470.626.594.214
2. Phải trả người bán	312		76.375.158.354	65.123.652.559
3. Người mua trả tiền trước	313		9.983.695.618	303.276.083
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	3.148.786.513	1.334.150.749
5. Phải trả người lao động	315		30.071.874.690	23.251.235.374
6. Chi phí phải trả	316		9.261.857.381	4.170.536.868
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		979.038.394	242.842.215
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		97.382.530	52.721.842
II. Nợ dài hạn	330		187.672.682.567	184.543.234.112
1. Vay và nợ dài hạn	334	15	187.672.682.567	184.543.234.112
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		262.121.367.777	211.551.121.910
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	262.121.367.777	211.551.121.910
1. Vốn điều lệ	411		162.879.460.000	134.613.250.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		29.860.679.546	29.908.861.362
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		57.119.591	54.994.591
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		19.249.840.658	18.155.757.704
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		8.792.706.399	6.389.745.613
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		5.430.252.426	5.430.252.426
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		35.851.309.157	16.998.260.214
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.197.909.562.744	961.199.365.926
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			31/12/2014	31/12/2013
Ngoại tệ các loại				
Đó la Mỹ (USD)			204.914	392.799

Ngoại tệ các loại

Đó la Mỹ (USD)

204.914

392.799

Trần Thị Thu Hà
Người lập biểu

Ngày 27 tháng 3 năm 2015

Lương Thị Thủy Hà
Kế toán trưởngLý Thị Liên
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	1.377.233.901.599	1.186.684.796.425
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	127.476.000	6.390.095.918
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1.377.106.425.599	1.180.294.700.507
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	19	1.115.110.906.339	962.176.939.412
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		261.995.519.260	218.117.761.095
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	3.202.721.754	2.325.529.116
7. Chi phí tài chính	22	21	67.615.653.726	75.694.271.582
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>62.545.522.299</i>	<i>74.503.280.204</i>
8. Chi phí bán hàng	24		27.498.711.958	26.725.718.405
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		107.227.538.753	102.632.961.470
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		62.856.336.577	15.390.338.754
11. Thu nhập khác	31	22	2.382.193.379	15.386.406.318
12. Chi phí khác	32	22	909.633.339	13.585.492.236
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	22	1.472.560.040	1.800.914.082
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		64.328.896.617	17.191.252.836
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	11.170.577.460	3.134.036.362
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		53.158.319.157	14.057.216.474
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	3.264	949

Trần Thị Thu Hà
Người lập biểu

Ngày 27 tháng 3 năm 2015

Lương Thị Thủy Hà
Kế toán trưởngLý Thị Liên
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	64.328.896.617	17.191.252.836
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	51.280.051.780	44.652.389.605
Các khoản dự phòng	03	960.971.236	2.571.620.178
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(934.227.212)	-
Lỗ (lãi) từ hoạt động đầu tư	05	2.771.311.016	(1.552.577.416)
Chi phí lãi vay	06	62.545.522.299	74.503.280.204
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	180.952.525.736	137.365.965.407
Thay đổi các khoản phải thu	09	(45.904.267.124)	44.662.599.098
Thay đổi hàng tồn kho	10	(60.604.051.493)	(13.730.257.765)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	14.362.799.019	30.978.441.178
Thay đổi chi phí trả trước và tài sản ngắn hạn khác	12	(10.378.036.538)	4.671.234.602
Tiền lãi vay đã trả	13	(62.933.073.297)	(74.451.845.279)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(9.458.981.758)	(2.920.788.158)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	995.903.208	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(7.514.573.113)	(2.957.611.852)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(481.755.360)	123.617.737.231
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(147.117.436.903)	(109.718.243.475)
2. Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	692.727.274	13.204.485.826
3. Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi	27	45.965.603	100.965.700
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(146.378.744.026)	(96.412.791.949)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.364.292.624.140	1.188.389.384.480
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.215.404.507.105)	(1.203.564.889.691)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	-	(13.461.325.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	148.888.117.035	(28.636.830.211)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	2.027.617.649	(1.431.884.929)
Tiền đầu năm	60	12.199.694.781	13.631.579.710
Tiền cuối năm (70=50+60)	70	14.227.312.430	12.199.694.781

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 19.246.284.773 VND (năm 2013 là 5.339.499.297 VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Trần Thị Thu Hà
Người lập biểu

Ngày 27 tháng 3 năm 2015

Lương Thị Thủy Hà
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước thành lập theo Quyết định số 448/QĐ-UB của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Thái (nay là tỉnh Thái Nguyên) ngày 12 tháng 11 năm 1979. Công ty thực hiện cổ phần hóa và chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 3744/QĐ-UB ngày 16 tháng 12 năm 2002 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2003, Công ty chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần với Giấy phép kinh doanh số 1703000036 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 02 tháng 01 năm 2003 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi. Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là TNG.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 8.963 (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 7.268).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và mua bán hàng may mặc; sản xuất bao bì giấy, nhựa làm túi nilon, áo mưa nilon và nguyên, phụ liệu hàng may mặc; đào tạo nghề may công nghiệp; mua bán máy móc thiết bị công nghiệp, thiết bị phòng cháy chữa cháy; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, đầu tư xây dựng cơ sở kỹ thuật hạ tầng khu công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư; vận tải hàng hóa đường bộ, vận tải hàng hóa bằng xe taxi, cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh; dịch vụ xuất nhập khẩu, ủy thác xuất nhập khẩu, giao nhận hàng hóa; mua bán thiết bị vi tính, máy văn phòng, thiết bị viễn thông; dịch vụ cho thuê hosting, đăng ký tên miền, thiết kế website; dịch vụ cho thuê máy vi tính, máy chiếu, lắp đặt sửa chữa máy vi tính, máy văn phòng; mua bán máy, thiết bị, phụ tùng, vật tư cơ khí, điện; dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, cài tạo công trình cơ khí, điện nước; gia công sản phẩm cơ khí; in ấn; hoàn thiện sản phẩm dệt.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập trên giá định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền 210.499.437.361 VND (31 tháng 12 năm 2013: 154.128.634.557 VND) do Công ty sử dụng vốn lưu động để đầu tư tài sản cố định. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào việc tiếp tục nhận được các khoản vay từ ngân hàng, kế hoạch phát hành thêm cổ phiếu và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trong tương lai. Dựa trên kế hoạch kinh doanh năm 2015 và các năm tiếp theo, kế hoạch về cơ cấu tài chính cũng như kết quả đã tăng vốn như trình bày tại Thuyết minh số 29, Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn trong vòng 12 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đó, Công ty đã lập báo cáo tài chính này trên cơ sở hoạt động liên tục.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu vào ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN**3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính:**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, đầu tư dài hạn và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính:

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản vay và các khoản nợ thuê tài chính.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền đang chuyển và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phần phí phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	2014 (số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 40
Máy móc, thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 8
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Tài sản khác	6

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế tài sản

Công ty ghi nhận tài sản thuế tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuế tại thời điểm khởi đầu thuế tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuế tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuế được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuế tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty, cụ thể như sau:

	2014 (Số năm)
Máy móc và thiết bị	7 - 10

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất và các phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không thời hạn không thực hiện trích khấu hao.

Các phần mềm quản lý hàng tồn kho, tiền lương, điều hành sản xuất và kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 6 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Trong báo cáo tài chính của Công ty, khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư các khoản đầu tư tài chính được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị tài sản thuần của bên nhận góp vốn tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***MẪU SỐ B 09-DN****4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***MẪU SỐ B 09-DN****4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền mặt	2.769.552.080	906.813.713
Tiền gửi ngân hàng	11.457.760.350	7.789.523.541
Tiền đang chuyển	-	3.503.357.527
	14.227.312.430	12.199.694.781

Toàn bộ số dư tiền đúng để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên như trình bày tại Thuyết minh số 13.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Phải thu thuế Xuất nhập khẩu tạm nộp	4.517.883.965	2.833.962.495
Phải thu cơ quan bảo hiểm (ii)	3.333.294.801	2.347.253.240
Bồi thường giải phóng mặt bằng - Phú Bình (i)	1.833.990.486	1.833.990.486
Phải thu Công đoàn Công ty	-	1.002.333.961
Phải thu thuế VAT tạm nộp	517.775.298	784.354.641
Phải thu khác	1.507.577.910	1.724.535.491
	11.710.522.460	10.526.430.314

(i) Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 phản ánh khoản tiền Công ty ứng trước giúp UBND huyện Phú Bình đền bù và giải phóng mặt bằng tại Khu công nghiệp Phú Bình trong năm 2012. Hiện tại việc đền bù và giải phóng mặt bằng chưa hoàn thành cũng như chưa được phê duyệt từ UBND huyện Phú Bình.

(ii) Công ty ứng trước để chi trả hộ cho cơ quan bảo hiểm tiền ốm đau, thai sản cho người lao động.

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	24.217.805.238	8.854.991.129
Nguyên liệu, vật liệu	137.292.536.983	134.793.918.616
Công cụ, dụng cụ	1.921.872.033	1.059.996.432
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	42.322.490.065	24.597.462.672
Thành phẩm	122.081.573.996	97.925.857.973
	327.836.278.315	267.232.226.822
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.038.439.821)	(1.388.866.048)
Gã trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	324.797.838.494	265.843.360.774

Như trình bày tại Thuyết minh số 13, Công ty cũng dùng hàng hóa luân chuyển với giá trị tối thiểu là 50 tỷ VND để đảm bảo cho khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***MẪU SỐ B 09-DN****9. TÀI SẢN THUÊ TÀI CHÍNH**

	Máy móc, thiết bị VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2014	45.664.240.816	45.664.240.816
Thuê tài chính trong năm	-	-
Chuyển sang TSCĐ hữu hình do mua lại trong năm	(18.148.794.691)	(18.148.794.691)
Tại ngày 31/12/2014	27.515.446.125	27.515.446.125
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2014	10.386.994.630	10.386.994.630
Khấu hao trong năm	5.484.804.054	5.484.804.054
Chuyển sang TSCĐ hữu hình do mua lại trong năm	(7.221.729.227)	(7.221.729.227)
Tại ngày 31/12/2014	8.650.069.457	8.650.069.457
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 31/12/2014	18.865.376.668	18.865.376.668
Tại ngày 31/12/2013	35.277.246.186	35.277.246.186

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2014	35.218.083.167	9.623.390.692	44.841.473.859
Mua trong năm	-	792.474.600	792.474.600
Tại ngày 31/12/2014	35.218.083.167	10.415.865.292	45.633.948.459
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2014	-	3.768.761.574	3.768.761.574
Khấu hao trong năm	-	1.616.915.968	1.616.915.968
Tại ngày 31/12/2014	-	5.385.677.542	5.385.677.542
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2014	35.218.083.167	5.030.187.750	40.248.270.917
Tại ngày 31/12/2013	35.218.083.167	5.854.629.118	41.072.712.285

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***MẪU SỐ B 09-DN****11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	10.526.887.876	90.514.961.826
Tăng	64.154.368.553	46.625.505.518
Kết chuyển sang tài sản cố định	(369.979.838)	(125.085.761.286)
Giảm khác	-	(1.527.818.182)
Số dư cuối năm	74.311.276.591	10.526.887.876
Trong đó bao gồm một số công trình lớn như sau:		
	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Nhà máy TNG Đại Từ	43.040.449.923	5.278.707.963
Nhà máy TNG Phú Lương	24.428.658.283	-
Dự án Phú Bình	843.000.000	843.000.000
Khác	5.999.168.385	4.405.179.913
	74.311.276.591	10.526.887.876

12. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Công ty Cổ phần Xây lắp Điện Bắc Thái	771.150.000	771.150.000
Công ty Cổ phần Thời trang TNG	3.500.000.000	3.500.000.000
	4.271.150.000	4.271.150.000

Thông tin chi tiết về công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Xây lắp Điện Bắc Thái	Thái Nguyên	49	49	Xây lắp điện
Công ty Cổ phần Thời trang TNG	Thái Nguyên	35	35	Bán hàng thời trang

Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty Cổ phần Xây lắp Điện Bắc Thái chưa cung cấp được số liệu báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng phần lỗ Công ty phải gánh chịu theo tỷ lệ vốn góp sẽ bằng đúng giá trị Công ty đã góp vốn. Do đó, Ban Giám đốc Công ty quyết định trích lập dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây lắp Điện Bắc Thái tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 với số tiền là 771.150.000 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***MÃU SỐ B 09-DN****13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay ngắn hạn	546.199.489.103	410.899.000.566
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên (i)	282.955.763.025	277.935.723.860
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên (ii)	254.252.126.078	130.792.973.806
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên (iii)	8.162.550.000	-
Khoản vay ngắn hạn khác (iv)	829.050.000	2.170.302.900
Nợ dài hạn đến hạn trả	71.998.229.817	59.727.593.648
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	38.538.274.085	38.531.600.000
Thuê tài chính đến hạn trả	4.036.615.300	10.170.993.648
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	12.000.000.000	8.000.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Dệt may Việt Nam	1.860.000.000	2.325.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	12.944.518.992	700.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	2.618.821.440	-
	618.197.718.920	470.626.594.214

(i) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên theo Hợp đồng tín dụng số 01/2014-HĐTDHM/NHCT220-TNG ngày 04 tháng 6 năm 2014 với hạn mức tín dụng là 300 tỷ VND (bao gồm cả vay VND và USD) với mục đích phục vụ cho nhu cầu bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng may mặc của Công ty. Thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 04 tháng 6 năm 2014 đến ngày 31 tháng 5 năm 2015. Khoản vay bằng VND chịu lãi suất bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ tối thiểu 3,5%/năm. Khoản vay có tài sản bảo đảm là máy móc thiết bị may công nghiệp, văn phòng của Công ty với giá trị thế chấp là 3,9 tỷ VND, các công trình trên đất và quyền sử dụng đất văn phòng của Công ty với giá trị là 12 tỷ VND, 4 máy thêu tự động với giá trị là 4,5 tỷ VND, công trình, vật kiến trúc gắn liền với đất tại Khu B Khu Công nghiệp Sóng Công với giá trị là 189,8 tỷ VND - đây là tài sản đồng đảm bảo cho khoản vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 300065363/2013/HĐTD ngày 07 tháng 02 năm 2013 và Hợp đồng tín dụng số 30006563/2012/HĐTD ngày 06 tháng 10 năm 2012 như trình bày tại Thuyết minh số 15 (iii). Tổng giá trị tài sản thế chấp này là 210,21 tỷ VND được dùng bảo đảm cho mức dư nợ cho vay và/hoặc bảo lãnh tối đa là 104,2 tỷ VND. Tài sản bảo đảm cũng bao gồm hàng hóa luân chuyển với giá trị tối thiểu là 50 tỷ VND (xem Thuyết minh số 7) và quyền phát sinh từ hợp đồng kinh tế của Công ty mà Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam tài trợ vốn.

(ii) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên theo Hợp đồng tín dụng số 01/2014/HĐTD ngày 07 tháng 7 năm 2014 với hạn mức tín dụng tối đa cho dư nợ vay ngắn hạn là 450 tỷ VND (bao gồm cả vay VND và USD, số dư L/C trừ phần ký quỹ, số dư bảo lãnh) nhằm bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 07 tháng 7 năm 2014 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2015. Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo bằng thế chấp, cầm cố tài sản của bên vay; toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Công ty tại Ngân hàng và tại các tổ chức tín dụng khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***MÃU SỐ B 09-DN****13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

(iii) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên theo Hợp đồng tín dụng số 100/14/HĐTD/TN tháng 9 năm 2014 với hạn mức tín dụng tối đa cho dư nợ vay ngắn hạn là 12,5 tỷ VND nhằm bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày rút vốn, tính cho từng lần rút vốn. Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo bằng một phần tài sản hình thành từ vốn tự có và vốn vay trung hạn do Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên tài trợ - Các máy móc, thiết bị thuộc Dự án đầu tư bổ sung máy móc, thiết bị cho Nhà Máy TNG Sông Công và nhà máy TNG Phú Bình theo Hợp đồng thế chấp số 11/13/HĐTC/TN ngày 22 tháng 11 năm 2013 và các văn bản có liên quan.

(iv) Khoản vay ngắn hạn khác từ cán bộ công nhân viên của Công ty nhằm phục vụ cho nhu cầu bổ sung vốn lưu động của Công ty với các mức lãi suất như sau: 3%/năm cho khoản vay không kỳ hạn, 7%/năm cho khoản vay kỳ hạn 3 tháng.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.121.484.491	409.888.789
Thuế thu nhập cá nhân	544.628.577	248.246.613
Thuế khác	482.673.445	676.015.347
	3.148.786.513	1.334.150.749

15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên (iii)	90.105.906.681	72.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên (i)	96.953.081.345	134.554.090.248
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên (vi)	44.786.518.992	6.700.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thái Nguyên (vii)	10.475.266.536	-
Công ty Tài chính Cổ phần Dệt may Việt Nam (ii)	6.025.000.000	8.350.000.000
Vay dài hạn khác (iv)	2.112.600.000	3.283.205.100
Nợ thuế tài chính dài hạn (v)	9.212.538.830	19.383.532.412
	259.670.912.384	244.270.827.760

(i) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên theo Hợp đồng tín dụng số 01/2011/HD ngày 23 tháng 02 năm 2011 với hạn mức tín dụng là 192,66 tỷ VND với thời hạn 6 năm để phục vụ nhu cầu xây dựng nhà máy TNG Phú Bình của Công ty. Khoản vay này chịu lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm bình quân 12 tháng trả sau của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên cộng phí tối thiểu 4%/năm cho những khoản vay bằng đồng Việt Nam (điều chỉnh 2 lần một năm vào ngày 25/6 và 25/12) và lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau cộng tối thiểu 3,5%/năm cho những khoản vay bằng USD. Công ty đã thế chấp máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, nhà cửa, vật kiến trúc (xem Thuyết minh số 8) - đây là tài sản đồng đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 01/2014/HD ngày 07 tháng 7 năm 2014 như đã trình bày tại Thuyết minh số 13 (ii) và thế chấp có phiếu niêm yết, chưa niêm yết của lãnh đạo Công ty với tổng giá trị là 31.294.060.000 VND để đảm bảo cho các khoản tiền vay. Tổng giá trị tài sản đảm bảo là 361,03 tỷ VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***MẪU SỐ B 09-DN****15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

(ii) Khoản vay từ Công ty Tài chính Cổ phần Dệt may Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 01/2011/DH/HDKT ngày 11 tháng 01 năm 2011 với hạn mức tín dụng là 17 tỷ VND với thời hạn 7 năm để phục vụ nhu cầu xây dựng khu nhà nghỉ giữa ca của Nhà máy TNG Sông Công của Công ty. Khoản vay này chịu lãi suất 18%/năm, điều chỉnh định kỳ vào ngày đầu tiên của quý. Tài sản đảm bảo là tài sản được hình thành từ nguồn vốn vay và các tài sản và các quyền cùng lợi ích phát sinh từ quyền sử dụng đất được ghi nhận trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO150528 do UBND Tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 28 tháng 12 năm 2008.

(iii) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên:

- Hợp đồng tín dụng số 300065363/2014-HDTDDA/NHCT220 ngày 28 tháng 08 năm 2014 với số tiền cho vay là 120 tỷ VND trong thời hạn 60 tháng. Mục đích để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của dự án mở rộng năng lực sản xuất đầu tư xây dựng nhà máy may TNG Đại Từ. Khoản vay chịu lãi suất 11%/năm đối với VND và 7%/năm đối với USD và sẽ điều chỉnh 01 tháng một lần. Lãi suất cho vay trong hạn được xác định bằng lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ tối thiểu 4,5%/năm đối với khoản nợ bằng VND; cộng (+) biên độ tối thiểu 6,1%/năm đối với khoản nợ bằng USD. Lãi suất cơ sở được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng (+) chi phí huy động vốn tăng thêm nhưng không thấp hơn mức sản lãi suất cho vay kỳ hạn tương ứng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam tại ngày xác định lãi suất. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp số 10/TNG/2014 ngày 10 tháng 7 năm 2014.

- Hợp đồng tín dụng số 300065363/2014-HDTDDA/NHCT220 ngày 26 tháng 12 năm 2014 với số tiền cho vay là 10 tỷ VND trong thời hạn 60 tháng. Mục đích dùng để thanh toán bù đắp các chi phí đầu tư hợp pháp của dự án cải tạo hệ thống thiết bị và nâng cấp đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản toàn công ty. Khoản vay chịu lãi suất 10,5% đối với VND và sẽ điều chỉnh 01 tháng một lần, lãi suất cho vay trong hạn được xác định bằng lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ tối thiểu 4,5%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn được xác định bằng lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ tối thiểu 4,5%/năm đối với khoản nợ bằng VND. Lãi suất cơ sở được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng (+) chi phí huy động vốn tăng thêm nhưng không thấp hơn mức sản lãi suất cho vay kỳ hạn tương ứng của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại ngày xác định lãi suất. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp số 11/TNG/2014 ngày 18 tháng 11 năm 2014.

- Hợp đồng tín dụng số 30006563/2012/HDTD ngày 06 tháng 10 năm 2012 với số tiền cho vay là 40 tỷ VND trong thời hạn 60 tháng. Mục đích để đầu tư dự án xây dựng cải tạo và nâng cấp các công trình xây dựng cơ bản của Công ty. Khoản vay chịu lãi suất 15%/năm và sẽ tự động điều chỉnh hàng tháng khi có sự biến động của thị trường hoặc những quy định của Ngân hàng Nhà nước, lãi suất điều chỉnh bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả sau cộng (+) biên độ tối thiểu 4%/năm cộng (+) chi phí huy động vốn tăng thêm nhưng không thấp hơn lãi suất sản và/hoặc theo quy định của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam theo từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản cố định là công trình vật kiến trúc gắn liền với đất tại Khu B Khu công nghiệp Sông Công trị giá 189,8 tỷ VND (xem Thuyết minh số 8) - đây là tài sản đồng đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 01/2014-HDTDHM/NHCT220-TNG ngày 04 tháng 6 năm 2014 như đã trình bày tại Thuyết minh số 13 (i). Ngoài ra, Công ty phải bổ sung thêm các tài sản khác để đảm bảo cho toàn bộ dư nợ ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***MẪU SỐ B 09-DN****15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

- Hợp đồng số 30006563/2013/HDTD ngày 07 tháng 02 năm 2013 với số tiền cho vay là 40 tỷ VND trong thời hạn 60 tháng theo phương thức cho vay theo dự án đầu tư. Mục đích để bù đắp chi phí thực hiện Dự án giai đoạn II đầu tư xây dựng, cải tạo hệ thống thiết bị và nâng cấp các công trình xây dựng cơ bản toàn Công ty. Khoản vay chịu lãi suất 14%/năm và sẽ tự động điều chỉnh hàng tháng khi có sự biến động của thị trường hoặc những quy định của Ngân hàng Nhà nước, lãi suất điều chỉnh bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả sau cộng (+) biên độ tối thiểu 4,5%/năm cộng (+) chi phí huy động vốn tăng thêm nhưng không thấp hơn lãi suất sản và/hoặc theo quy định của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản cố định là công trình vật kiến trúc gắn liền với đất tại Khu B Khu công nghiệp Sông Công trị giá 189,8 tỷ VND - đây là tài sản đồng đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 01/2014-HDTDHM/NHCT220-TNG ngày 04 tháng 6 năm 2014 như đã trình bày tại Thuyết minh số 13 (i) và Hợp đồng vay dài hạn số 30006563/2012/HDTD ngày 06 tháng 10 năm 2012 như trình bày phía trên. Ngoài ra, Công ty phải bổ sung thêm các tài sản khác để đảm bảo cho toàn bộ dư nợ ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên bao gồm quyền sử dụng đất và phương tiện vận tải nếu có, quyền đòi nợ là các khoản phải thu phát sinh từ các hợp đồng kinh tế, hàng tồn kho luân chuyển.

Tổng giá trị tài sản đảm bảo của các hợp đồng trên là 568,9 tỷ đồng.

(iv) Khoản vay dài hạn khác từ cán bộ công nhân viên của Công ty nhằm phục vụ cho nhu cầu bổ sung vốn lưu động của Công ty với mức lãi suất 0%/năm.

(v) Nợ thuế tài chính dài hạn phản ánh Hợp đồng thuê tài chính số 05.08.11/HDCCTCLB-TNG ngày 26 tháng 8 năm 2011 và số 05.08.11/HDCCTC-TNG ngày 13 tháng 02 năm 2012 với Công ty Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu và Hợp đồng thuê tài chính số 1111337H2 ngày 15 tháng 11 năm 2011 với Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease. Các khoản nợ này có thời hạn 3 năm kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất được xác định theo từng thời kỳ.

(vi) Khoản vay từ ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên theo hai hợp đồng tín dụng như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 27/13/HDTD/TN ngày 22 tháng 11 năm 2013 với số tiền vay VND tương đương với 255.430 USD và 1.381.455.410 VND trong thời hạn cho vay tối đa là 48 tháng. Mục đích để thanh toán bồi hoàn các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp cho Dự án đầu tư bổ sung máy móc, thiết bị cho Nhà máy TNG Sông Công và Nhà máy TNG Phú Bình do Công ty làm Chủ đầu tư. Khoản vay chịu lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả sau của VCB Thái Nguyên + 3,7%/năm, nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay ngắn hạn tham chiếu cùng thời điểm, điều chỉnh 3 tháng/lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất nợ quá hạn là 130% lãi suất thỏa thuận. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn tự có và vốn vay là các máy móc, thiết bị thuộc Dự án đầu tư bổ sung máy móc, thiết bị cho Nhà máy TNG Sông Công và Nhà máy TNG Phú Bình.

- Hợp đồng tín dụng số 50/14/HDTD/TN ngày 29 tháng 4 năm 2014 với số tiền vay VND tương đương với 1.969.218 USD nhưng không vượt quá 70% giá trị (chưa thuế nếu có) của máy móc thiết bị. Mục đích khoản vay để thanh toán (bao gồm cả phần hoàn vốn tự có đã chi vượt quá tỷ lệ cam kết) các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp cho Dự án đầu tư bổ sung máy móc, thiết bị năm 2014 do Công ty làm Chủ đầu tư. Thời hạn cho vay tối đa là 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay đối với khoản vay rút vốn bằng VND: lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của VCB Thái Nguyên + 3,7%/năm, nhưng không thấp hơn sản lãi suất cho vay ngắn hạn áp dụng cho từng thời kỳ. Lãi suất cho vay đối với khoản vay rút vốn bằng USD: Lãi suất huy động tiết kiệm USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của VCB Thái Nguyên + 2,8%/năm, nhưng không thấp hơn sản lãi suất cho vay ngắn hạn áp dụng trong cùng thời kỳ. Lãi suất cho vay được xác định và điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần kể từ ngày bên vay rút khoản vốn đầu tiên, theo thông báo của Bên cho vay. Lãi suất nợ quá hạn là 130% lãi suất cho vay. Tài sản bảo đảm là toàn bộ máy móc, thiết bị thuộc Dự án đầu tư bổ sung máy móc, thiết bị năm 2014 do Công ty làm Chủ đầu tư theo Hợp đồng thế chấp số 47/14/HDTC/TN ngày 29 tháng 4 năm 2014.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

(vii) Khoản vay trung hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thái Nguyên theo Hợp đồng tín dụng số 231.14.090.2089348.TD ngày 14 tháng 9 năm 2014 với hạn mức tín dụng là 667.679,6 USD và 3.195.787.826 VND với thời hạn 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, không có thời gian ân hạn. Mục đích khoản vay để thanh toán L/C theo phương án mở L/C căn cứ vào hợp đồng nhập khẩu máy móc, thiết bị ngành may và thanh toán tiền mua hàng trong năm. Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay là các máy móc, thiết bị theo Hợp đồng thế chấp số 220.14.090.2089348.BD.

Các khoản vay và nợ được hoàn trả theo lịch biểu như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Trong vòng một năm	71.998.229.817	59.727.593.648
Trong năm thứ hai	82.446.552.905	119.353.291.505
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	89.120.222.981	65.189.942.607
Sau năm năm	16.105.906.681	-
	250.670.912.384	244.270.827.760
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	71.998.229.817	59.727.593.648
Số phải trả sau 12 tháng	187.672.682.567	184.543.234.112

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***MẪU SỐ B 09-DN****16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2013	134.613.250.000	29.908.861.362	54.994.591	17.061.674.750	5.842.704.136	4.336.169.472	21.231.659.079	213.049.313.390
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	14.057.216.474	14.057.216.474
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(13.461.325.000)	(13.461.325.000)
Trích quỹ từ lợi nhuận năm 2012	-	-	-	1.094.082.954	547.041.477	1.094.082.954	(3.179.290.339)	(444.082.954)
Tạm trích quỹ năm 2013 (i)	-	-	-	-	-	-	(1.650.000.000)	(1.650.000.000)
Số dư tại ngày 01/01/2014	134.613.250.000	29.908.861.362	54.994.591	18.155.757.704	6.389.745.613	5.430.252.426	16.998.260.214	211.551.121.910
Tăng vốn trong năm	28.266.210.000	-	2.125.000	-	-	-	(28.268.335.000)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	53.158.319.157	53.158.319.157
Trích quỹ từ lợi nhuận năm 2013 (i)	-	-	-	1.094.082.954	2.402.960.786	-	(3.536.935.214)	(39.891.474)
Tạm trích quỹ năm 2014 (ii)	-	-	-	-	-	-	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
Giảm khác	-	(48.181.816)	-	-	-	-	-	(48.181.816)
Số dư tại ngày 31/12/2014	162.879.460.000	29.860.679.546	57.119.591	19.249.840.658	8.792.706.399	5.430.252.426	35.851.309.157	262.121.367.777

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 số 247/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 13 tháng 4 năm 2014, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận để trích lập Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền lần lượt là 1.094.082.954 VND, 2.402.960.786 VND và 1.689.891.474 VND (trong đó tạm trích trong năm 2013 là 1.650.000.000 VND, trích bổ sung năm 2014 là 39.891.474 VND).

(ii) Công ty tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2014 với số tiền 2.500.000.000 VND theo Nghị quyết số 408A/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 6 năm 2014 và Nghị quyết số 408B/NQ-HĐQT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng Quản trị. Số chính thức sẽ được phê duyệt trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông năm 2015.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***MẪU SỐ B 09-DN****16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Tăng vốn điều lệ**

Cũng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 số 247/2014/NQ-DHDCD ngày 13 tháng 4 năm 2014, Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty đã phê duyệt phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty bao gồm phương án trả cổ tức năm 2013 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10:1, phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 3:1 và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP). Ngoài ra, Đại hội đồng cổ đông đã nhất trí chi trả cổ tức năm 2014 tối thiểu là 10% vốn điều lệ và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn hình thức chi trả bằng tiền mặt hoặc bằng cổ phiếu. Tiếp đó, ngày 13 tháng 10 năm 2014, Hội đồng Quản trị Công ty đã có Nghị quyết số 560/NQ-HĐQT thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức đợt 1 năm 2014 và Công ty đã có Báo cáo số 800/TNG-BC ngày 23 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng Quản trị về việc báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả tăng vốn điều lệ được thực hiện như sau:

	Kế hoạch		Thực hiện		Chênh lệch Giá trị VND	Ghi chú
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị		
	Cổ phần	VND	Cổ phần	VND		
Phương án phát hành						
Trả cổ tức năm 2013 bằng cổ phiếu	1.346.132	13.461.325.000	1.346.090	13.460.900.000	(425.000)	(i)
Trả cổ tức đợt 1 năm 2014 bằng cổ phiếu	1.480.701	14.807.010.000	1.480.531	14.805.310.000	(1.700.000)	(i)
Cộng	2.826.833	28.268.335.000	2.826.621	28.266.210.000	(2.125.000)	

(i) Số lượng cổ phần phát hành thực tế thấp hơn kế hoạch là do số cổ phiếu dôi dư khi làm tròn. Giá trị chênh lệch được ghi nhận tăng vốn khác của chủ sở hữu.

Cổ tức

Theo Nghị quyết số 60NQ/TNG-HĐQT ngày 19 tháng 01 năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty đã quyết nghị chi trả cổ tức đợt 2 năm 2014 là 6% bằng tiền mặt. Thời gian chi trả cổ tức là tháng 4 năm 2015.

Cổ phiếu

	31/12/2014	31/12/2013
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.288.116	14.807.415
+ Cổ phiếu phổ thông	16.288.116	14.807.415
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.288.116	14.807.415
+ Cổ phiếu phổ thông	16.288.116	14.807.415

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông là 10.000 VND/cổ phiếu.

17. BÁO CÁO BỘ PHẬN**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty chủ yếu thực hiện tại số 160 đường Minh Cầu, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***MẪU SỐ B 09-DN****17. BÁO CÁO BỘ PHẬN (Tiếp theo)****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Trong năm, hoạt động chủ yếu của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm may mặc (xuất khẩu và bán nội địa). Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh. Doanh thu, giá vốn đã được trình bày chi tiết theo doanh thu và giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Thuyết minh số 18 và Thuyết minh số 19.

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2014	2013
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	911.691.147.056	1.012.043.301.049
Doanh thu gia công	465.542.754.543	174.641.495.376
	1.377.233.901.599	1.186.684.796.425

Các khoản giảm trừ doanh thu

Giảm giá hàng bán	127.476.000	6.390.095.918
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.377.106.425.599	1.180.294.700.507

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2014	2013
	VND	VND
Giá vốn bán hàng	810.744.382.468	820.575.715.547
Giá vốn gia công	304.366.523.871	141.601.223.865
	1.115.110.906.339	962.176.939.412

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2014	2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	45.965.603	100.965.700
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.156.756.151	2.224.563.416
	3.202.721.754	2.325.529.116

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2014	2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay	62.545.522.299	74.503.280.204
Lỗ chênh lệch tỷ giá	5.070.131.427	1.190.991.378
	67.615.653.726	75.694.271.582

22. LỢI NHUẬN KHÁC

	2014	2013
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	692.727.274	13.204.485.826
Thu nhập khác	1.689.466.105	2.181.920.492
	2.382.193.379	15.386.406.318
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	662.401.405	11.752.874.110
Chi phí khác	247.231.934	1.832.618.126
	909.633.339	13.585.492.236
Lợi nhuận khác	1.472.560.040	1.800.914.082

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***MẪU SỐ B 09-DN****23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2014	2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	638.626.345.316	568.406.400.143
Chi phí nhân công	490.721.659.588	384.970.386.427
Chi phí khấu hao tài sản cố định	51.280.051.780	44.652.389.605
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.397.181.503	19.785.005.993
Chi phí bằng tiền khác	73.914.680.789	38.000.384.117
	1.288.939.918.976	1.055.814.566.285

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2014	2013
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	64.328.896.617	17.191.252.836
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	242.307.524	107.043.110
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	242.307.524	107.043.110
Thu nhập chịu thuế	64.571.204.141	17.298.295.946
Thuế suất	7,5%, 20% và 22%	7,5%, 20% và 25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.898.678.558	2.766.833.048
Tăng do quyết toán thuế	550.898.902	580.803.314
Trừ: Chi phí cho lao động nữ	(279.000.000)	(213.600.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	11.170.577.460	3.134.036.362

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, cụ thể như sau:

	2014	2013
	VND	(Điều chỉnh lại) VND
Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp	53.158.319.157	14.057.216.474
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	53.158.319.157	14.057.216.474
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	16.288.116	14.807.415
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.264	949

Điều chỉnh lại số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Số cổ phiếu bình quân gia quyền Cổ phiếu	Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND
Theo báo cáo tài chính năm 2013	13.461.325	1.044
Ảnh hưởng của trả cổ tức đợt 2 năm 2013 bằng cổ phiếu	1.346.090	(95)
Số đã điều chỉnh lại	14.807.415	949

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***MẪU SỐ B 09-DN****26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 13 và 15 trừ đi tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Các khoản vay	805.870.401.487	655.169.828.326
Trừ: Tiền	14.227.312.430	12.199.694.781
Nợ thuần	791.643.089.057	642.970.133.545
Vốn chủ sở hữu	262.121.367.777	211.551.121.910
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	3,02	3,04

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	14.227.312.430	12.199.694.781
Phải thu khách hàng và phải thu khác	168.983.031.399	113.502.887.516
Đầu tư dài hạn	1.300.000.000	1.300.000.000
Tài sản tài chính khác	4.256.515.229	2.658.374.735
Tổng cộng	188.766.859.058	129.660.957.032

Công nợ tài chính

Các khoản vay	796.657.862.657	635.786.295.914
Phải trả người bán và phải trả khác	77.023.783.034	65.123.652.559
Chi phí phải trả	9.261.857.381	4.170.536.868
Các khoản nợ thuế tài chính	9.212.538.830	19.383.532.412
Tổng cộng	892.156.041.902	724.464.017.753

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***MẪU SỐ B 09-DN****26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá.

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	431.346.633.277	185.733.978.714	149.149.943.384	104.318.425.347

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đô la Mỹ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng các khoản như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	(28.219.668.989)	(8.141.555.337)

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***MẪU SỐ B 09-DN****26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Độ nhạy của lãi suất**

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định số dư tiền vay cuối năm là số dư tiền vay trong suốt năm tài chính, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ giảm/tăng 16.117.408.030 VND (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013: 13.103.396.567 VND).

	Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014		
VND	+200	(16.117.408.030)
VND	-200	16.117.408.030
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013		
VND	+200	(13.103.396.567)
VND	-200	13.103.396.567

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có một số khoản phải thu quá hạn thanh toán, theo đó Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi với số tiền là 5.535.043.807 VND.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phát sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phát sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tình thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***MẪU SỐ B 09-DN****26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
31/12/2014				
Tiền	14.227.312.430	-	-	14.227.312.430
Phải thu khách hàng và phải thu khác	168.983.031.399	-	-	168.983.031.399
Đầu tư dài hạn	-	1.300.000.000	-	1.300.000.000
Tài sản tài chính khác	3.629.642.857	626.872.372	-	4.256.515.229
Tổng cộng	186.839.986.686	1.926.872.372	-	188.766.859.058

31/12/2014				
Phải trả người bán và phải trả khác	77.023.783.034	-	-	77.023.783.034
Chi phí phải trả	9.261.857.381	-	-	9.261.857.381
Các khoản vay	614.161.103.620	166.390.852.356	16.105.906.681	796.657.862.657
Các khoản nợ thuế tài chính	4.036.615.300	5.175.923.530	-	9.212.538.830
Tổng cộng	704.483.359.335	171.566.775.886	16.105.906.681	892.156.041.902

Chênh lệch thanh khoản thuần **(517.643.372.649)** **(169.639.903.514)** **(16.105.906.681)** **(703.389.182.844)**

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
31/12/2013				
Tiền	12.199.694.781	-	-	12.199.694.781
Phải thu khách hàng và phải thu khác	113.502.887.516	-	-	113.502.887.516
Đầu tư dài hạn	-	1.300.000.000	-	1.300.000.000
Tài sản tài chính khác	-	2.658.374.735	-	2.658.374.735
Tổng cộng	125.702.582.297	3.958.374.735	-	129.660.957.032

31/12/2013				
Phải trả người bán và phải trả khác	65.123.652.559	-	-	65.123.652.559
Chi phí phải trả	4.170.536.868	-	-	4.170.536.868
Các khoản vay	460.455.600.566	175.330.695.348	-	635.786.295.914
Các khoản nợ thuế tài chính	10.170.993.648	9.212.538.764	-	19.383.532.412
Tổng cộng	539.920.783.641	184.543.234.112	-	724.464.017.753

Chênh lệch thanh khoản thuần **(414.218.201.344)** **(180.584.859.377)** **-** **(594.803.060.721)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, công nợ tài chính vượt quá tài sản tài chính với số tiền là 703.824.755.163 VND. Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức cao. Tuy nhiên dựa trên kế hoạch kinh doanh năm 2015 và các năm tiếp theo, kế hoạch về cơ cấu tài chính cũng như kết quả đã tăng vốn như trình bày tại Thuyết minh số 29, Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***MẪU SỐ B 09-DN****27. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan:**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Thời trang TNG	Công ty liên kết

Trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan sau:

	2014	2013
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thời trang TNG		
Mua hàng	20.841.939.886	3.300.166.029
Bán hàng	-	5.490.986.777

Thu nhập của Ban Giám đốc

	2014	2013
	VND	VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	2.268.306.814	1.819.767.892

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thời trang TNG		
Phải thu	15.541.998.061	9.335.654.641
Phải trả	-	659.748.309

28. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Đến ngày 09 tháng 02 năm 2015, Công ty đã thực hiện thành công việc tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 số 247/2014/NQ-DHDCĐ ngày 13 tháng 4 năm 2014, bao gồm việc phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 3:1, phát hành chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) với kết quả tăng vốn điều lệ như sau:

	Kế hoạch		Thực hiện		Chênh lệch	Ghi chú
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị		
	Cổ phần	VND	Cổ phần	VND		
Phương án phát hành						
Phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 3:1	4.935.819	49.358.190.000	4.935.804	49.358.040.000	(150.000)	(i)
Phát hành chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP)	740.372	7.403.720.000	718.819	7.188.190.000	(215.530.000)	(ii)
Cộng	5.676.191	56.761.910.000	5.654.623	56.546.230.000	(215.680.000)	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***MẪU SỐ B 09-DN****28. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

- (i) Số lượng cổ phần phát hành thực tế thấp hơn kế hoạch chủ yếu là do số cổ phiếu đổi dư khi làm tròn.
- (ii) Số lượng cổ phần phát hành thực tế thấp hơn kế hoạch chủ yếu là do một số cán bộ công nhân viên không thực hiện mua theo kế hoạch.

Ngày 06 tháng 3 năm 2015, Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, đăng ký thay đổi lần thứ 21, theo đó, vốn điều lệ của Công ty là 219.425.690.000 VND.

Trần Thị Thu Hà
Người lập biểu

Ngày 27 tháng 3 năm 2015

Lương Thị Thúy Hà
Kế toán trưởng



Lý Thị Liên
Phó Tổng Giám đốc



Giải trình chênh lệch số liệu trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán

1. Chênh lệch lợi nhuận sau thuế:

- Số liệu trước kiểm toán là: 53.246.685.655 đồng
- Số liệu sau kiểm toán là: 53.158.319.157 đồng
- Chênh lệch: 88.366.498 đồng

Nguyên nhân: Do tính lại đơn giá hàng tồn kho cuối kỳ và trích lập dự phòng hàng tồn kho bổ xung.

2. Vấn đề cần nhấn mạnh của Công ty Kiểm toán độc lập về việc thiếu hụt vốn lưu động:

2.1 Nguyên nhân : Công ty sử dụng vốn lưu động để đầu tư tài sản cố định.

2.2 Giải pháp :


- Công ty đã thực hiện thành công việc tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 số 247/2014/NQ - ĐHĐCĐ ngày 13/4/2014, bao gồm việc phát hành cho cổ đông hiện hữu 3:1, phát hành chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP), tổng số tiền thu được từ đợt phát hành là: 56.546.230.000 đồng. Mặt khác dựa trên kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2015 và các Hợp đồng kinh tế đã được ký kết, như vậy phần lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ được bù đắp vào vốn lưu động thiếu hụt.
- Năm 2015 Công ty có kế hoạch phát hành trái phiếu chuyển đổi giá trị là 100 tỷ đồng và dự kiến phát hành thêm khoảng 7,0 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, ESOP, trả cổ tức bằng cổ phiếu.

Từ những lý do đó Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng Công ty hoàn toàn có khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn trong năm 2015 và bù đắp được phần vốn ngắn hạn bị thiếu hụt.

Trân trọng!



Nguyễn Văn Thời



Trong những năm vừa qua, CTCP Đầu tư và Thương mại TNG không ngừng đầu tư mở rộng nhà máy máy để cải thiện năng lực sản xuất. Tháng 2/2015, TNG đã chính thức đưa vào hoạt động giai đoạn 1 nhà máy Đại Từ với 10 chuyến máy và sẽ nâng lên 16 chuyến máy trong năm 2015. Giai đoạn 2, TNG dự kiến tăng gấp đôi số chuyến máy lên thành 32 chuyến. Đây được xem là nhân tố giúp TNG tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận trong tương lai.

Mục tiêu doanh thu năm 2015 là 1.780 tỷ đồng (tương đương 84 triệu USD - tăng 29% so với thực hiện năm 2014), lợi nhuận sau thuế tối thiểu đạt 75 tỷ đồng (tăng 41% so với thực hiện năm 2014). Trong trường hợp các nhà máy có đủ số lượng nhân công - chạy đủ 100% công suất, lợi nhuận được công ty ước tính sẽ đạt 111 tỷ đồng.

Dự kiến TNG sẽ trình phát hành tăng vốn với tỷ lệ 4:1 cho cổ đông hiện hữu vào cuối năm nay hoặc đầu năm sau, giá phát hành dự kiến là 10.000 đ/cp, khi đó số lượng cổ phiếu sẽ là 27.497.504.

Sắp tới, Hiệp định thương mại TPP hứa hẹn sẽ tạo ra động lực tăng trưởng mới cho TNG. Quá trình tái cấu trúc, phát triển các nhà máy và công nghiệp phụ trợ của TNG là kế hoạch "đón đầu", hứa hẹn đưa TNG cất cánh, bảo đảm vững chắc niềm tin và đem lại hiệu quả cao cho Quý cổ đông và nhà đầu tư.

2015